



*Khìn
Thấu
Buông
Xả
Tự
Tại
Tùy
Duyên
Niệm
Phật*



*Chân
Thành
Thanh
Tịnh
Bình
Đẳng
Chánh
Giác
Từ
Bi*





*Chân dung Hòa thượng **THÍCH HÀNH TRỤ**
Viên tịch ngày 29 tháng 10 năm Giáp Tý
(1903 — 1984)*

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

*

Dịch giả : HÒA THƯỢNG THÍCH HÀNH TRỤ

KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO

Phật Lịch – 2553 (Năm 2009)

Printed for free distribution by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not for sale.

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

LỜI GIỚI THIỆU

(Thay lời tựa)

Trong đạo Phật về tôn TỊNH ĐỘ(1) có bảy bộ kinh (2) là nguyên tắc (3), cũng như biện chứng pháp (4), đã có truyền tích từ xưa đến nay giữa các nước như : Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản v.v... Nhưng được lưu hành và căn bản đặc điểm hơn, chỉ có ba bộ :

1. - Kinh Vô Lượng Thọ.

2. - Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

3. - Kinh A Di Đà

Mà kinh Di Đà đây, xưa kia kết tập bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) (5), lại được phiên dịch (6) và số sao (chú giải) (7) ra chữ Tàu.

Nước ta tại Bắc Việt có thầy Sa Môn hiệu là Thông Duệ (Trú Trì chùa Phước Long, làng Phù Lãng, huyện Vũ Giang, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã khắc bản ấn hành từ đời vua Tự Đức (1847-1883).

Đến nay (1952-1953), lại được thầy LÊ PHƯỚC BÌNH dịch âm và dịch nghĩa ra tiếng Việt.

Đã biết trong tôn TỊNH ĐỘ có nhiều phương pháp tu trì mà dễ nhứt không pháp nào hơn pháp "Trì danh niệm Phật" của kinh này. Nó rất được phổ biến nên dù ở trình độ nào, cũng đều có thể thực hành được cả...

Mặc dù ở đời, trường hợp của mỗi người có khác nhau (như kẻ làm quan, người làm ruộng v.v...) nhưng, nếu biết tin tưởng lời Phật dạy, thì ai cũng có thể vừa tu tập theo pháp môn niệm Phật này, vừa sinh hoạt hằng ngày, cho đến việc gia đình, xã hội cũng không bỏ dở.

Mà pháp môn niệm Phật đây, chính là pháp phương tiện để thực hiện được TỰ TÁNH DI ĐÀ, DUY TÂM TỊNH ĐỘ, nếu ai chuyên niệm được nhứt tâm không tán loạn.

Hơn nữa, lời vàng của đức Thích Tôn đã thốt ra đâu

phải là nguồn triết lý viển vông không bổ ích. Nếu chúng ta chịu khó công phu tu tập, thì sẽ thấy lợi ích rõ ràng. Từ xưa tới nay, biết bao người đã đạt mục đích (giải thoát hiện tiền vãng sanh tịnh độ) như trong kinh này đã nói.

Quý bạn cứ tin đi, trong tre lúc nào cũng có lửa, nếu bạn gia công cọ (cưa) thì lo gì lửa nọ không nẩy ra. Lý nhứt tâm niệm Phật cũng thế. Phật với ta đồng một thể tánh : Phật là người đã làm được ; thì không lẽ gì mà chúng ta đây không làm được. Vậy chúng ta cứ niệm, cứ tu đi, theo lời đức Thích Tôn đã dạy, đã thực hành cũng như mười phương chư Phật đã nói, đã thực hành và cũng đều khen ngợi pháp môn niệm Phật của tông Tịnh độ này.

Điều cần bản và duy nhứt là phải hiểu sự, lý cho rõ ràng và luôn luôn thực hành không gián đoạn thì kết quả chắc chắn không sai.

Thế thì pháp môn niệm Phật này há không phải là một điểm phúc của chúng ta trong đời hiện tại... mãi đến tương lai ư?

Sau khi dịch xong, thầy Sa Môn LÊ PHƯỚC BÌNH có đưa bản thảo đến nhờ tôi khảo đính, và chú thích để phổ biến quần chúng. Tôi nhứt tâm tùy hỷ vì nhận thấy pháp môn này rất xứng hợp thời cơ, nên nơi đây tôi xin trân trọng giới thiệu cùng quý bạn.

Và tôi nguyện đem công đức này hồi hướng lên tam bối cửu phẩm, cầu cho tứ ân tam hữu, cả pháp giới chúng sanh, đồng sanh an dưỡng quốc, phổ nguyện đồng sanh an dưỡng quốc.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

PHƯỚC HẬU TỰ

CẦN THƠ TRÀ ÔN

Ngày vía đức Địa Tạng Bồ Tát năm Quý Ty

Phật lịch : 2516 Dương lịch : 1963

Hoà thượng THÍCH KHÁNH ANH

LỜI NÓI ĐẦU

ĐỨC PHẬT THÍCH CA vì một **ĐẠI SỰ NHƠN DUYÊN**, ứng hiện ra đời. Ngài tùy theo căn tánh của chúng sanh, thuyết pháp 49 năm, đàm kinh hơn 300 hội. Giáo pháp của Ngài đại khái chia ra làm **NĂM THỜI TÁM GIÁO**. Trong đó lại đưa ra một môn niệm Phật, gồm thu tất cả, không luận kẻ hạ căn, người thượng-trí; hàng cư sĩ hay phái xuất gia. Thật là một phương tiện «quyền thiết song hành» mà xưa nay các Thánh-hiền đều khen ngợi.

Ở Việt Nam chúng ta, tuy pháp môn này được nhiều người tu tập, nhưng ít có bản kinh nào luận về sự, lý rõ ràng như bản kinh «**DI ĐÀ SỐ SAO**» chữ Hán mà hôm nay tôi bạo dạn phiên dịch ra tiếng nước nhà, mong giúp ích phần nào cho các bạn đồng tu tịnh nghiệp, hầu cùng nhau gây dựng chánh nhơn ở nơi «**LIÊN ĐÀI CỨU PHẨM**» ngày mai, dù biết rằng mình còn tài hèn học cạn, văn bút thô sơ.

Với lối dịch âm và nghĩa đối chiếu áp dụng ở đây, các bạn sơ-cơ có thể dò học dễ dàng ấy cũng là một phần trợ duyên nhỏ mà tôi thành tâm cống hiến.

Rất mong quý độc giả sau khi đọc xong bản dịch này, góp ý kiến cho những điều khuyết điểm.

Đa tạ !

Dịch giả căn chí

KÍNH LẠY :

Ngôi Phật, ngôi Pháp, và ngôi Thánh Hiền Tăng.

Ngưỡng cầu Tam bảo từ bi gia hộ đệ tử phiên dịch kinh này được hợp pháp, hợp cơ, lưu thông xa gần, kẻ thấy người nghe đều được lợi ích.

CẦU NGUYỆN :

Thế giới sớm hòa bình,
Chúng sanh mau giải thoát.

Kính lạy ! mười phương ba đời tất cả ngôi thường trú Tam bảo chứng minh !



KỆ KHAI KINH

Pháp mầu vô thượng rất thâm sâu,
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu,
Con nay « nghe thấy » chuyên trì niệm,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Kính lạy : ĐỨC BỒN SƯ THÍCH CA MẦU NI PHẬT

PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ ⁽²⁾ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO ⁽¹⁾

QUYỀN THỨ NHỨT

Đất Cờ Hàng (3) chùa Vân Thê (4) Sa Môn Chu Hoàng (5) thuật lại.

Giải kinh này bằng lời Sớ Sao, với đại văn chia ra làm năm phần lớn.

A.— Thông tự đại ý (chung bài suốt đại ý của kinh).

B.— Khai chương thích văn (mở từ bài thích từ chữ).

C.— Kết thích chú ý (kết lại đề giải đại ý chú vãng sanh).

Sắp như thế này thì thuận theo các kinh thông thường có ba phần là :

THÔNG TỰ, CHÁNH TÔNG và LUU THÔNG, mà chính cũng thuận theo ba môn Tịnh nghiệp là : 1.- Tín. 2.- Hạnh. 3.- Nguyện (6).

A. — THÔNG TỰ ĐẠI Ý phân ra làm năm :

- 1.- Minh tánh (Nói rõ tự tánh).
- 2.- Tán kinh (Khen ngợi kinh này).
- 3.- Cảm thời (Cảm thích thời cơ).
- 4.- Thuật ý (Tỏ ý mình giải kinh).
- 5.- Thỉnh gia (Cầu Phật giúp thêm).

I.— MINH TÁNH

CHÁNH VĂN : Bản thể của tự tính là : Linh (linh-thiên). Minh (sáng suốt). Đồng (rồng-rang). Triệt (thông thấu). Trạng (trong trẻo). Tịch (vắng lặng). Thường (còn). Hằng (lâu) chẳng phải trước, chẳng phải thanh, không lui, không tới, rất lớn thay cái chơn thể của nó không thể nghĩ bàn được, phải chăng chỉ có tự tánh của chúng ta mới như vậy ?

CHÚ GIẢI : Phần suốt bày ý kinh, về đại văn chia ra làm năm : Từ ban đầu « Minh tánh » cho đến thứ năm là « Thỉnh-gia ».

Nay trước nói : « Minh tánh » — Bởi kinh này hoàn toàn làm sáng rõ tự tánh và lý giải của các kinh cũng không lìa tự tánh nên lấy tự tánh làm mục tiêu.

« Linh » là tánh linh giác (khôn biết). « Minh » là tri sáng-suốt — Mặt trời, mặt trăng tuy có ánh sáng, nhưng không được gọi là : Linh thiên vì là vô tình. Nay chỉ trong bản tánh rất sáng suốt, rất hay lạ khó lường với sự sáng suốt ấy không thể lấy chi so sánh cho cùng tốt, nên nói là « Linh » và « Minh ». Nghĩa là vừa khôn thiên vừa sáng biết.

« Triệt » là thông suốt. « Đồng » là sự thông suốt cực-diêm. Mặt trời, mặt trăng tuy chiếu khắp, nhưng không thể soi khắp dưới lòng chậu úp, thế là thông suốt mà chưa được hoàn-toàn thông suốt vì còn bị chướng ngại. Nay tánh « Linh Minh » đây soi khắp đất trời, thấu trong vàng đá, bốn phương trên dưới không hề chướng ngại. Vì là bản tánh sáng suốt thông thấu, không chỗ nào là chẳng thông suốt như « Thiên-nhãn thông, Tha tâm thông ».

Cái thông đây không phải như đối với sự ngăn cách mà nói rằng thông, nên gọi là « Đồng Triệt ».

« Trạng » là không nhiễm. « Tịch » là không lay động. Đại địa tuy « Tịch » nhưng không thể bảo là « Trạng » (vì còn nhuộm máu chiến tranh, núi lở đất động). Nay chỉ có bản tánh rất vắng lặng, trong sạch, vì không cần bã.

Sự vắng lặng ấy không thể lấy chi so-sánh cho cùng tận nên gọi là « Trạm Tịch ».

« Hằng » là hằng lâu. « Thường » là sự hằng lâu cực-diêm. Đại địa tuy bền chắc nhưng không tránh khỏi kiếp hoại (7), thế là lâu mà chưa thật lâu, vì còn « chung nhi phục thi ». Nay tánh « Trạm Tịch » đây, với trước từ vô thi, kéo sau vẫn vô-chung, suốt xưa, suốt nay, không hề biến đổi, bởi vì thường còn mãi mãi, không bao giờ chẳng thường : chẳng phải như cái thường đối với cái tạm mà nói rằng lâu, nên gọi là « Thường-Hằng ».

Phi Trược là nói có, thì tánh nó không thọ một mảy trần. Phi Thanh là nói không, thì tánh chẳng bỏ một sự, pháp.

Không « Lui », là buông ra thời không biết nó tới đâu ? Không « Tới », là rước lại cũng không biết nó từ đâu đến đây ?

Nghĩa là cái tánh « Linh minh » « trạm tịch » này không thể dùng sự : Thanh, trược tới, lui để tìm cầu gì được. Nói thanh, trược, tới, lui là ý gồm cả lành, dữ, Thánh, phàm, hữu, vô, sanh, diệt, tăng, giảm, đồng và dị v.v...

Hai câu : « Lớn thay chơn thể »... ấy là lời khen ngợi, chữ « Đại » là ngay nơi thể đặt tên, đủ hai nghĩa : Biến và thường ; do vì tánh, hể ngang ra thì nó đầy khắp mười phương là « đại », mà dọc thì nó tốt cả ba đời là « đại », lại không còn pháp nào so sánh đặng. Không phải như cái đại đối với tiểu mà nói là đại.

Chữ « Chơn » là không vọng ; do vì ba cõi đều giả dối, duy có tự tánh đây là chơn thật, vì không phải như trò huyễn-ảo, như pháp diệt vong mà chính là không có cái chi có thể phá hoại nó được, nên nói là « Chơn » tức là « Chơn như bất biến ».

Chữ « Thể » là tốt cả muôn pháp không ra ngoài thể như-tâm. Thể gồm cả tướng và dụng. Chung lại gọi là « Chơn thể ».

Câu : « Không thể nghĩ bàn được » là : Như trên đã nói « Minh »

mà lại « Tịch ». « Tịch » mà lại « Minh », thanh, trược, không bày, tới lui, đầu có, thể là bất đường lòng tưởng, miệng nói, không còn nghĩ bàn được nữa.

Nói: Không thể nghĩ bàn đó, nghĩa là: với pháp tánh nó không có cái tướng gì để tưởng dặng; nên hể tư tưởng thời loạn sanh (sanh tán loạn). Như trong kinh nói: Người vừa móng tâm, thì trần lao (phiền não) khởi trước, thật thế. Lại nói pháp tánh vốn không có cái tướng suy tưởng đầu có suy tưởng cũng hoài công. Trong kinh nói: Pháp đây không thể nghĩ lường phân biệt mà có thể biết được. Nên nói: Tâm muốn duyên, thì lự đã mất, nghĩa là không thể đề ý tưởng tượng gì được.

Câu « không thể bàn » là: Vì lý viên, lời lệch, lời thốt, lý mất. Nên trong kinh nói: Phạm có nói năng đều thành hý-luận cả (8). Lại vì lý viên dung lời chênh lệch, lời không thể tốt lý. Nên trong kinh nói: Dầu cho mỗi mỗi thân đủ vô lượng miệng, mỗi mỗi miệng thốt ra vô lượng lời. Tài ngôn luận như nàng Thiện thiên Nữ (9) nói đến cùng kiếp đi nữa, rốt cục cũng không thể hết, thật vậy. Nên nói: Miệng muốn bàn thì lời đã mất.

Lại nguyên tên kinh là « Bất khả tư nghĩ » (không thể nghĩ bàn) nên dùng bốn chữ này để gồm khen văn trước. Vì cái danh tội bực của lời chỉ lý vậy.

Câu rốt sau là kết lại. Nghĩa là: Ý nói cái không thể nghĩ bàn như vậy đó, là sẽ chỉ cho vật gì? Duy có tự tánh mới xứng đáng thôi.

Nói « tánh » có hai phần: 1. - Gồm trong phần vô tình, gọi là Pháp tánh (10). 2. - Riêng trong phần hữu tình, gọi là Phật tánh. Nay nói tự tánh, tức là chỉ Phật tánh mà nói vậy. « Tánh » mà nói rằng: « Tự », là pháp bản nhiên như thế vì không do tạo tác mới có; vì chính cái của ta sẵn có chứ không phải thuộc về kẻ khác.

Song tự tánh đây vốn có nhiều tên: cũng tên là « Bồn-tâm », cũng tên là « Bồn giác », cũng tên là « Chơn trí », cũng tên là « Chơn thức », cũng tên là « Chơn như », nhiều tên không cùng. Tóm lại mà nói đó, tức là một tâm « Linh tri », « Linh-

giác » của mỗi người sẵn đủ vậy. Nay nói cái mà không nghĩ bàn được đây, duy có nhưt tâm mà thôi ; chứ không có vật chi khác, duy có cái thể không nghĩ bàn đây cùng với nhưt-tâm đồng vậy.

Nếu căn cứ kinh đây, thì câu đầu tức là « Vô-lượng-Quang », vì rỗng suốt không ngăn ngại. Câu thứ hai tức là « Vô lượng Thọ », vì thường còn không biến đổi. Câu thứ ba, câu thứ tư, tức là tâm linh tuyệt đối đăi. Quang và Thọ hòa nhau, vì tất cả công đức đều là vô lượng. Câu thứ năm là tóm lại để khen. Tức trong kinh đức Phật Thích Ca đã nói : Như ta khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà. Câu rốt sáu xa kết về tự tánh. Nghĩa là : Toàn thể của Phật A Di Đà, tức là tự tánh của mỗi người.

Lại nữa, câu đầu là nói thể sáng suốt không chỗ nào chẳng chiếu, tức là « Dụng Đại », câu thứ hai là vắng lặng không đâu chẳng trùm khắp, tức là « Tướng Đại ». Câu thứ ba, thứ tư, là bất hân hai bên vì tuyệt đối, tức là « Thể Đại ». Câu thứ năm, tóm lại để khen, chính chỗ gọi rằng : tức ba, tức một, đều mất, đều còn, lời tả cùng nghĩ không thấu, không thể suy xét nói bàn. Câu rốt sáu cũng kết về tự tánh vậy.

Lại câu đầu nói « Chiếu », tức là « Đức giải thoát ». Câu thứ hai nói « Tịch », tức là « Đức bát nhã ». Câu thứ ba, thứ tư nói « Tịch chiếu không hai » tức là « Đức pháp thân » (11). Câu thứ năm là tóm khen, câu rốt là kết về lệ như trên nên biết.

Lại dùng bốn pháp giới để phối hợp đó, thì thanh, trực, tới, lui là « Sự pháp giới » ; Linh minh, trạm tịch là « Lý pháp-giới » : Linh minh, Trạm tịch bất biến (tự tánh không biến đổi) mà tùy duyên (của 8 thức), thanh, trực, tới, lui dù tùy duyên (của 8 thức) nhưng bất biến, tự tánh không biến đổi) là « Lý sự vô ngại pháp giới », Bất khả tư nghĩ là sự sự vô ngại pháp-giới (12) Do kinh đây có phần gồm thuộc về Viên giáo, vì cũng có ít phần Sự-sự vô ngại vậy. Rốt sáu nói « Tự tánh », cũng là gồm kết bốn pháp giới về một « Lý nhưt-tâm » vậy.

2.— TÁN KINH (phân làm hai phần)

1. Tổng tán : Khen chung cả bốn kinh.
2. Biệt tán : Khen riêng pháp trì danh.

TỔNG TÁN

CHÁNH VĂN : Lóng đực thành trong, trở trái làm mặt, vượt khỏi « Ba Kỳ » trong một niệm ; bằng các thánh nơi chút lời, rất mau thay chỗ diệu dụng... cũng không thể nghĩ bàn đặng, duy có kinh A Di Đà, mà đức Phật Thích Ca ngài nói đây thôi.

CHÚ GIẢI : Như trên đã nói : « Thề linh minh trạm-tịch » vốn không thanh, trước, mặt, trái, rốt ráo bình đẳng, duy là « Nhứt tâm ».

Nay so về môn sanh diệt đề nói : Bởi sự nhận thức của mọi người chẳng đúng với « Tánh thật biết » vẫn một cái chân-như, vì nó không phân biệt, nên tâm bất giác khởi ra vọng chấp trước ; thế rồi bị vô minh che lấp, bỏ mất cội gốc là tánh chơn-như, trôi lăn theo ngọn ngành, là tâm sanh diệt, khuấy loạn cái Chơn Thề, nên gọi là « Trước » ; như lóng bùn cát làm cho trong sạch lại, thời gọi là « Thanh », tức là chỉ chuyển cội Ta bà ngũ trước này, trở thành cội Tịnh độ là nước thanh thới vậy.

Bị vô minh kéo dắt, bỏ tánh giác, theo vọng trần, trái xa chơn thề gọi là « Bối ». Bây giờ quay bỏ đường tối, trở lại lui về, thế gọi là « Hướng ». Tức chỉ xây lưng cội Ta bà, để trở mặt về nước Cực Lạc vậy.

Song đây là chỉ ngay trong một thời kỳ chúng sanh, từ khi mê đặng ngộ mà nói, thì dường như có những sự lóng đực thành trong, trở trái làm mặt, chớ kỳ thật ở nơi « Tự tánh », thì không đắc, không thất, cũng không thêm không bớt ; thế nên khi đực, lúc trong, mà tánh nước không đổi khác ; bỗng sau thoát trước mà người chẳng hai thân. Nên có câu : Tu chứng tức chẳng không ; nhưng nhiễm ô thời chẳng đặng chứng.

Ba kỳ là ba kiếp lớn A-Tăng-Kỳ; chữ « Tăng-Kỳ » sẽ thấy giải ở văn sau. Nói Ba-Kỳ là : a)- Căn-cứ theo lịch sử do Đức Thích-Ca thành đạo thì từ cổ Phật Thích-Ca đến Đức Phật Thi-Khí, trải qua bảy muôn năm ngàn đức Phật; b)- Từ Đức Phật Thi-Khí đến Đức Phật Nhiên-Đăng, trải qua bảy muôn sáu ngàn vị Phật; c)- Từ Đức Phật Nhiên-Đăng đến Đức Phật Tỳ Bà-Thi, trải qua bảy muôn bảy ngàn Đức Phật, nên nói ba-kỳ. Trải đủ nhiều kiếp lâu xa càng lâu xa để hành Bồ-Tát-Đạo, mới siêu sanh-tử mà nay không vượt ra ngoài một niệm mau khỏi đường sanh-tử. Một niệm là gì. Tức tâm năng niệm của ta niệm Phật A-Di-Đà đây vậy.

Chữ « Thánh » là Phật và Bồ-Tát. Từ địa-vị phạm phu trông lên bậc Thánh, cách lại càng cách, thế mà nay không ngoài chút lời được tiến ngay lên bậc « Thánh bất-thối » chút lời là chút lời sở niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà đây vậy.

Tốt thay!... hai câu là lời khen ngợi. Chữ « Chí » nghĩa là « Tột » ý nói rộng lớn tột bậc không chi hơn dặng.

Chữ « Diệu » là nghĩa bốn câu trên chung gọi là « Diệu-Nghĩa ».

Dụng là « Lực-Dụng ». Luận rằng tâm như khó sạch, vẫn đục như sông Huỳnh (13). vọng-tưởng khó tiêu, dòng-ruồi dường ý ngựa. Bởi trải nhiều kiếp như hăng sa vô-số lượng, mãi luân-hồi không thôi, dầu đọc hết văn trong ba tạng 12 bộ kinh, mà đường giác càng xa. Nay có thể làm cho đục thành trong, trái nên mặt, một niệm mau siêu, chút lời liền chứng, lực-dụng nhiệm-mầu đến thế, đâu nghĩ bàn được. Dụng từ thể-tướng sanh ra, nên chỉ nói diệu-dụng mà gồm cả.

Câu rốt sau là kết về tự-tánh, ý nói chỗ diệu-dụng như thế, sẽ sánh với kinh nào ? Chỉ có kinh A-Di-Đà của Phật Thích-Ca nói đây mới đủ dùng so-sánh.

Hoặc có người hỏi : Không luận kinh « Tiểu-thừa », chỉ như các kinh « Đại-thừa » chất nhiều như núi, vì sao riêng khen diệu-dụng của kinh này ?

Đáp : Trong tạng kinh tuy có đủ nghĩa đầy, nhưng chưa có kinh nào rõ-ràng và giản-dị như kinh này, cho nên xưng-tánh mà luận, chánh trực mà nói, thì đâu chẳng phải là « Viên-đốn-giáo » ; (14) nhưng với cái điều [« Lóng đục... trở trái... », thì Viên-đốn kia chưa bày tỏ ra cách phương-tiện ấy. Còn các pháp-môn khác : hoặc có pháp quá rộng khơi khó giữ-gìn, hoặc quá sâu xa khó dò nòi. Nay chỉ dùng chút lời bằng niệm danh hiệu Phật, liền chứng nhập nhưt Tâm, đã được vãng-sanh, tiến ngay đến chỗ thành Phật, thế thì chính nơi phương-tiện mà thành pháp « Viên đốn » vậy. Thần-công, thắng-lực ấy, không thấu về kinh này, chớ về kinh nào ?

Lại văn trước là « Tánh-đức », văn đây là « Tu-đức » văn trước là « Tự-tánh » sẵn thanh-tịnh, văn đây là « Ly-cấu » mới được thanh-tịnh, nhứt đến tánh-tịnh, chường hết v.v... hòa lẫn nhau như một không hai, như trong phần giáo sau sẽ nói.

BIẾT-TÁN (phân ra làm bốn phần)

- 1.- *Tiên xuất thuyết kinh sở dĩ : Trước chỉ lý-do nói kinh.*
- 2.- *Thống-luận Tịnh-Độ công-đức : Gồm bàn công-đức Tịnh-Độ.*
- 3.- *Đặc thị trì danh vi yếu : Chỉ có trì danh là hơn.*
- 4.- *Quảng hiển trì danh sở bị : Rõ nhờ trì danh rất rộng.*

TIÊN XUẤT THUYẾT KINH SỞ DĨ

CHÁNH-VĂN : Thế nên đức Thế-Tôn ta trước nói ra ba thừa san hội về nhưt thật, đã đồng phần cho của báu, lại còn đặc-biệt ban ơn mầu.

CHÚ GIẢI : Nương văn trên nói : Kinh này có đủ công-đức, không thể nghĩ bàn như thế ; thành thử Phật nói kinh này là vì có lẽ đó.

Chữ « Sạ » là Tạm. Nghĩa là : Tạm thời quyền nói, chớ chưa phải nói đến chỗ cứu-cánh.

Tam-thừa là : Thừa vốn không ba, quyền nói có ba là : Thinh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát.

Chung là đối với Tam mà nói. Thật là đề đối với quyền mà nói nghĩa là đức Thế-Tôn ta khi mới thành ngôi Chánh-giác, diễn nói kinh « Đại-Hoa-Nghiêm », nhưng giáo lớn khó thích-hợp với căn cơ nhỏ, nên Phật tùy căn-cơ của chúng-sanh, mà Ngài nói pháp tam-thừa, sau rồi mới hội « Quyền » về « Thật » đồng ban trao pháp đại-thừa, cho nên nói đồng phần cho của báu. Đây là chỗ đại-khai cả 5 thời giáo (15) của Như-Lai nói trong một đời 49 năm. Nhưng trong ấy lại đưa ra một môn niệm Phật : Môn này không luận kẻ đại-căn người tiểu cơ, hễ ai niệm Phật là liền được vãng-sanh. Cũng không đợi đến lúc căn-cơ thuần-thục mới hội Quyền về Thật, miễn được vãng-sanh liềnặng bậc Bất-thối. Dụ như : Người được tiến-cử vào chức vị mà chẳng cần phải do nơi phẩm-trật (thi đậu bằng-cấp) và kẻ con nhà thừa-ấm (16) sẵn bậc lớp, nhứt định làm quan. Vì ơn trên ban ra bằng một cách phi-thường, nên gọi là ơn đặc-biệt cũng như lạ-lùng. Lại ân-mầu ấy gồm có 2 nghĩa :

1.- *Pháp niệm Phật là trong ân-mầu.*

2.- *Pháp trì-danh niệm Phật lại là ân-mầu trong ân-mầu.*

THỐNG-LUẬN TỊNH-ĐỘ CÔNG-ĐỨC

CHÁNH-VĂN : Đức Thế-Tôn chỉ ra 48 lời nguyện, và mở dạy 16 pháp-quán : Nguyện nào cũng quy về pháp phồ-độ, Quán nào cũng chú-trọng về lý diệu-tâm.

CHÚ-GIẢI : Văn trên khen pháp-môn Tịnh-Độ rất thù thắng : văn đây đối với pháp-môn Tịnh-Độ, trước nêu các kinh, sau đem so sánh với kinh này, thì kinh này lại là thù-thắng hơn, 48 nguyện và 16 pháp-quán đã chép đủ trong hai kinh là ý nói từ nguyện đầu đến nguyện rốt sau, nguyện nào cũng đều tiếp dẫn chúng-sanh đồng sanh về cõi Tịnh-Độ. Từ Quán đầu đến Quán cuối cùng, Quán nào cũng đều là Quán không. Quán giả và Quán trung đạo (17), đề rõ tột lý nhứt-tâm. Do nhứt tâm đây phát sinh ra đại-nguyện nương đại-nguyện, mà thành ngôi chánh-giác, rồi dùng bản nguyện ấy, trở lại độ chúng-sanh đề đồng chứng về lý nhứt-tâm.

Đối Pháp-môn Tịnh-độ, so-sánh cả hai kinh (Đại-bồ và Quán-kinh) ý gồm như thế.

ĐẶC THỊ TRÌ DANH VI YẾU (phân ra làm hai phần)

1.- *Giảo luận yếu ước*: So luận về chỗ cốt yếu.

2.- *Cửu minh lợi ích*: Xét rõ điều lợi ích.

GIẢO LUẬN YẾU ƯỚC

CHÁNH-VĂN : Lại dùng nguyện môn rộng lớn, quý nhất là tại chỗ biết trước ; với Pháp quán sâu màu, chỉ bằng giữ lấy chỗ đón : Biết trước là chuyên cầu về nước kia. Giữ chỗ đón là duy cần sự trì-danh. Vì hễ niệm danh hiệu Phật, thì đã gồm đủ các đức tốt ; còn chuyên trì-danh, cũng tóm thâu được muôn hạnh-màu.

CHÚ-GIẢI : Chính nơi văn trước so-sánh kinh Đại-bồ-nh, Quán-kinh mà luận thì biết pháp trì-danh rất là ngắn gọn. Nói « Rộng lớn » là 48 lời nguyện bao trùm cả kẻ u, người hiền, gồm hết bậc Thánh hạng phàm, rộng lớn thênh-thang, xa khơi không bờ mé ; pháp-môn man-mác như thế, muốn vào quyết có chỗ dò lần, nên chỉ quý ở chỗ biết trước. Trong truyện nói : Biết chỗ trước sau thời mới gần đạo vậy (18).

Nói « Sâu Màu » là : Vì quán-môn chia ra 16 pháp, sự tu không phải một ; vả lại diệu-quán rất tinh-vi, kẻ sơ-tâm khó xét thấu. Nếu cần-thận ắt đặng lý-mầu nên phải giữ chỗ yếu-ước. Ông Kha-Tử đã nói : Giữ chỗ yếu-ước mà làm ra việc to rộng là đạo hay vậy (19).

Thế nào là biết trước ? Do biết sanh về nước kia, gần gũi phụng-sự đức Như-Lai đại nguyện như thế, ngộ hầu khá trông mong, miễn được thấy Phật Di-Đà lo gì chẳng tỏ ngộ. Thế nên nói sự cầu nguyện vãng-sanh là việc làm cần-kíp trước hết.

Thế nào là giữ chỗ yếu-ước ? Bởi do pháp quán tuy là 16, nhưng chỉ nói đến một chữ Phật là đủ. Phật tuy rất tốt duy nhất tâm tức là đó (là Phật). Nay nghe tên Phật, nhất tâm chấp trì, chính rằng rất đón dễ không tổn công nhiều, vì muôn pháp chỉ duy tâm, hễ tâm đã thanh-tịnh, thì việc nào lại không xong ; vận lòng quán-tướng trong một sát-na, mà nào y-báo nào chánh-báo đều được rõ ràng, hễ móng-niệm muốn vãng-

sanh, liền được sanh về nước kia. Thế là với pháp-quán khó thành, ta chẳng tụ tập mà thành. Cho nên pháp « tri danh niệm Phật » để làm chỗ giữ tu rất là yếu-ước vậy.

Ngài Thiên-Như đã nói : Lòng Phật Thích-Ca quá thương, khuyên chúng-sanh niệm ngay danh hiệu Phật A-Di-Đà ấy vậy.

Nói « niệm danh-hiệu » là : Phật có vô-lượng phước đức, nay chỉ niệm có bốn chữ danh hiệu là A-Di-Đà Phật cũng đủ bao trùm hết cả, do vì đức Phật A-Di-Đà tức là toàn thể của nhứt-tâm, mà tâm nó gồm cả các đức nào : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bồn-giác, Thỉ-giác (20), Chơn-như, Phật-tánh, Bồ-đề, Niết-bàn, cho đến trăm ngàn vạn tên, đều chỉ trong một tên Phật A-Di-Đà đây, thâu gồm được tất cả.

Nói « Chuyên tri » là : chúng-sanh học Phật cũng có vô-lượng pháp tu hành ; nay chỉ một pháp tri-danh, đủ dùng gồm ráo. Bởi vì tri-danh hiệu Phật, tức là tri lấy nhứt tâm, mà tâm đây nó gồm hết trăm hạnh như : Tứ-đế, Lục-độ, cho đến tám muôn bốn ngàn số hằng-sa, số vi-trần, tất cả hạnh-môn, tâm thâu nhiếp được hết, nên gọi là giữ chỗ yếu-ước.

CỨU MINH LỢI ÍCH (phân ra làm ba phần) :

- 1.- *Nhơn thành.* (Thành cái nhơn niệm Phật).
- 2.- *Quả chứng.* (Chứng cái quả niệm Phật).
- 3.- *Tổng kết.* (Chung kết nhơn-quả tốt).

NHƠN-THÀNH

CHÁNH-VẤN : Tu đến đây muôn niệm-lự (vọng-niệm) đều thôi. Xét tột, nhơn được vậy là bởi nhứt-tâm bất loạn.

CHÚ GIẢI : Trước khi chưa tu pháp « niệm Phật », thì trong ý-thức niệm nào niệm nấy toàn là niệm theo trần-lao (tức là niệm chúng-sanh), gọi rằng trong một sát-na có đến chín trăm cái niệm sanh và diệt ; cứ trong mỗi một niệm lại có bốn giai đoạn là : Sanh, Trụ, Dị và Diệt. Như thế phân-tích ra từ số từ mục, thì nó nhiều đến bằng những con số vô-lượng vô-biên. Vì dầu dùng con mắt bằng « thiên nhãn thông »

đi nữa cũng không thể dòm cho thấu hết số niệm trần lao ấy !
Nên gọi là « muôn niệm lự » vậy. Những muôn niệm-lự đây
hể niệm trước diệt thì niệm sau sanh, thoát đi thoát lại, dùng
trăm kể trừ đó, nhưng rốt cục không thể trừ được.

Thế mà nay nhờ sức tri-danh, chánh niệm vừa dấy lên,
thì tạp-tướng tự-nhiên trừ hết. Dù như sư-tử ra khỏi hang,
trăm loài đều ẩn nấp. Ánh mặt trời chiếu sương, ngàn rừng
mất tuyết trắng, gọi là muôn vọng-niệm đều thôi.

Thế nên Ngài Vĩnh-Minh nói : Có người tu pháp-quán
sổ-tức (21) vọng-tướng không thôi ; tu pháp-niệm danh hiệu
Phật liền được tiêu vọng-tướng. Nghiệm xét cả hai, thì nhờ
pháp niệm Phật đây, mà niệm tư-lự thôi dứt lại càng thôi dứt,
cùng nguồn tốt gốc nên nói rằng « Xét tốt ». Đến chừng được
« nhứt tâm bất loạn » tức là thành tựu cái nhơn tu-pháp « niệm
Phật tam-muội ».

QUÁ - CHỨNG

CHÁNH-VĂN : Mới biết chưa bước lìa ngạch cửa,
mà ao báu hoa nở bốn màu, chẳng ra khỏi ngõ sân mà
đất vàng cây ngọc quanh bảy lớp, chỗ đức Di-Đà thuyết
pháp giờ hoa sen nở hóa-sanh, chim quý với chim
thường rập tiếng, nhà tranh cùng nhà ngọc chung màu.

CHÚ GIẢI : Bất luận ở đâu, người tu pháp niệm Phật
mà đã được nhứt tâm bất-loạn, mới biết từ bảo-thọ, liên-hoa
cho đến cả y-bảo, mỗi mỗi món trang nghiêm kỳ-diệu, đều
không phải là cảnh ngoài tâm, tức là tâm tịnh, độ-tịnh thể,
hà tất phải đợi tai nghe lời vàng mới là Phật Di-Đà thuyết-
pháp ? Cối Ta-bà ẩn-hoại mới gọi tịnh-độ văn-thành hay sao ?
— Thế thì chim quý, chim thường, nhà ngọc, nhà tranh (22) có
gì hơn, có gì kém, có chi tịnh, có chi uế ? — Nên nói : Cảnh
Tây-phương tịnh-độ ở ngay trước mắt là thế.

TỔNG - KẾT

CHÁNH-VĂN : Số là, với cái niệm mà không là
chơn-niệm ; với việc sanh, mà hiểu vào vô-sanh. Bởi
niệm danh Phật tức là niệm tâm ta, còn sanh nước kia,

không lìa sanh cội đây. Vì rằng tâm, Phật và chúng-sanh tuy ba mà vẫn đồng một thể ; giữa dòng và hai bên đều không nhứt định ở một chỗ nào nên gọi : Tự-tánh giác là Phật Di-Đà, duy tâm tịnh là cội Tịnh-độ.

CHÚ GIẢI : Tiếp văn trên nói ; Cái lẽ mà được nhơn tốt quả mau, như thế, là phần chính do tu pháp tri-danh niệm Phật đến chỗ nhứt Tâm, niệm tốt thành không niệm, niệm mà không niệm mới là chơn niệm. Lại cái thể niệm vốn không, niệm thật không niệm, gọi là chơn niệm vậy.

Câu « sanh vô sanh » là : Vì rõ thể sanh không có, thì sanh mà không sanh, không sanh mà sanh, thể gọi là dùng tâm niệm Phật chứng nhập bậc nhứt vô-sanh (23) như trong bài « Giáo-Khởi » văn sau có nói rành. Nên biết trọn ngày niệm Phật, chính là trọn ngày niệm tâm, rõ-ràng vắng-sanh, nhưng lặng-trang không có gì là lai vãng.

Câu « Tâm, Phật và chúng-sanh » đó, kinh nói : « Tâm và Phật cùng chúng-sanh cả ba không sai khác ». Bởi vì « tâm niệm Phật » tức là Phật A-Di-Đà, Phật A-Di-Đà tức là tánh Phật của chúng-sanh, vì đồng một bản-thể « Biến chánh-giác » nên chỉ Chúng-sanh trong tâm của chư Phật, trở lại niệm lấy chư Phật trong tâm của chúng sanh, nếu « Mê » phải cầu « Giác », mà giác thì vẫn đồng nhau, nên nói đồng một thể.

Câu : Giữa dòng và hai bên là Cõi Ta-Bà dụ ở bên này, cõi Cực-Lạc dụ ở bên kia. Ban đầu nhàm khổ ưa vui ; rồi đến cái chấp phân-biệt khổ vui đều mất, sau rốt cũng không trụ nơi phi khổ, phi vui, thể là hai bên đã không chấp trước, chẳng giữa lại cũng không đề lòng. Tự tánh sẵn có đức Phật A-Di-Đà, duy-tâm sẵn có cội Tịnh-độ, ý cũng như đây. Thể thời pháp Thiền và pháp Tịnh-độ, cả hai tuy khác lối tu, nhưng đồng về một chỗ là « tánh », vì không lìa tự tâm, mà tự-tâm tức là Phật, tức là Thiền.

Vậy ai kia chấp Thiền chê Tịnh-Độ, chính là tự chê bản-tâm của mình, cũng là chê Phật, và chê pháp Thiền của mình đương tu nữa ; mà họ cũng chẳng biết, tự nghĩ xét đó thôi !

QUẢNG HIỀN TRÌ DANH SỞ BỊ

CHÁNH-VĂN : « Lý-nhứt-tâm » đây, dù nó trọn phần về bậc Thượng trí, nhưng nó cũng thông cả « Sự, tướng » phần nào. Vì chiều theo cho hiệp với kẻ độn-căn (căn-cơ chậm lụt cũng như tối dạ).

CHÚ-GIẢI : Với « Lý-nhứt-tâm, Sự-nhứt-tâm » sẽ thấy rõ ở văn sau. Nay nói tự-tánh Di-Đà, duy-tâm Tịnh-Độ, chính là chỉ ngay về « Lý-nhứt-tâm bất loạn » trong kinh này nói thôi. Bậc thượng trí có thể vâng tu, kẻ độn-căn chưa kham lãnh nổi. Nên nói « nhứt tâm » đây, không những chuyên-chú về lý, mà cũng thông-đồng đến Sự nữa : Vì với « Sự-nhứt-tâm » ai cũng làm được, chính như : Kẻ ngu-phu, ngu-phụ (24) dù là bất-tiểu, chớ cũng có thể tham-dự biết được, làm được. Vì Pháp-trì-danh niệm Phật này ví như trời khắp che, đất khắp chỗ, trong bầu đại-tạo (vũ-trụ) không bỏ một vật nào.

3. — CẨM THỜI (phân ra làm ba phần)

- a) Tổng thán. (Than chung chấp đây bỏ kia).
- b) Biệt thán. (Than riêng chấp lý hay chấp sự).
- c) Kết thán. (Kết lời than phiến).

TÔNG-THÁN

CHÁNH-VĂN : Ngặt vì bọn bảo-thủ thói ngu, chấp lấy Sự mà không chịu nghe Lý, còn hạng tà trí tiểu huệ chấp Lý mà bỏ Sự. Chấp Sự mê Lý như trẻ nhỏ đọc sách của cò thánh ; chấp Lý bỏ Sự, như học trò nghèo lượm đặng bằng-khoán của bác nhà giàu.

CHÚ-GIẢI : Văn trên nói : Phật vì lòng thương độ cả kẻ tri người ngu. Văn đây nói : Chúng-sanh không noi theo ý Phật, thì dù có khéo dạy, mà nó cũng không khéo học, nên đáng thương thay !

« Thủ-ngu » là : Đã ngu-mê mà lại đành giữ chặt sự ngu, không chịu cải đổi. Tiểu huệ là có hơi thông được chút đỉnh, chớ chưa phải là thông. Bởi vì Sự là nương nơi Lý để phát

sanh ; Lý mà đặng Sự mới rõ-rệt, có Sự có Lý để giúp lẫn nhau không nên riêng bỏ một bên nào, còn chấp đây, chấp kia cũng đồng là một hạng ngu tệ !!

Trẻ nhỏ là : Dụ kẻ hoàn-toàn ngu-mê, vì còn trẻ con chưa mở trí, chỉ biết đọc chữ chứ không hiểu nghĩa. Chính như bảo trọn ngày niệm Phật mà chả biết ông Phật mình niệm đó là gì ?

Trò nghèo là : Dụ kẻ mới biết đọc hiểu chút đỉnh. Xưa có người nghèo đi đường lượm được cái bằng-khoán. Thấy trong ấy biên nào là : ruộng, vườn, nhà, cửa, vàng, lụa, gạo, lúa, món món số mục ; vui mừng quá đổi tự-hào rằng mình giàu to. Đâu biết rằng chỉ đếm số mục vật báu của người khác trên mặt tờ giấy mà thôi, chứ với mình có ăn thua gì. Chính như đây bảo : Mặc dầu nói khoác rằng biết tức Phật, tức Tâm, nhưng rõ-ràng Tâm mình chưa phải là Phật. Thế nên, so về Lý thì không thể niệm, so về Sự thì trong cái không thể niệm, chúng ta vẫn niệm mãi. Do vì niệm tức không niệm, Lý, Sự đều tu, ngay nơi bỗng-trí (trí mình) mà cầu Phật trí (25). Ừ ! được như vậy rồi mới gọi là bậc Đại-trí chứ.

BIỆT - THÁN

CHÁNH-VĂN : Song, dầu tu niệm Phật bằng cách sự-tướng, mà niệm được nối luôn luôn, cũng không mất công vào bực Thánh. Còn tu chỉ bằng cách chấp Lý mà tâm chưa được thật sáng-suốt, trở lại chịu cái hại lạc về ngoan không.

CHÚ GIẢI : Văn trên nêu cả hai bệnh : Chấp Lý bỏ Sự chấp Sự bỏ Lý. Văn đây đối với hai bệnh riêng chỉ lỗi kia. Nghĩa là : Chấp Sự mà tin tâm không thiết, vốn không đủ luận. Giả sử tu niệm Phật bằng cách chuyên trì danh hiệu, mỗi niệm mỗi niệm nối nhau, không có gián-đoạn, dầu chưa hiểu đế-lý của nhứt-tâm chứ cũng đã được thành-tựu tịnh-thân, đã được tịnh-thân, thì chắc được vắng-sanh vậy, dù là phẩm-vị thấp. Chính như nói : Người học trò thi đậu bằng cách nêu tên ở chỗ chót bảng, dù là hạng bét nhưng cũng không đáng hổ, chỉ sợ trên bảng không có tên mình mới thẹn

thời ! Thì ai lại nỡ nào chấp lấy cái thủ-ngu đó để chịu thiệt-thời nơi mình ấy ư !

Chỉ như chấp Lý mà tâm được sáng suốt cũng không cần luận ; ví dầu chỉ cấp-tiến bằng thói cuồng huệ (26), đâm dính vật ngoan không (27) với tâm mình mà mình chưa tỏ ngộ, lại vội khinh thường niệm Phật, coi rẻ sự vãng-sanh phải bị hại chẳng nhỏ. Chính chỗ rằng : Cho là chẳng có chi hết, như cái cối không trống rỗng kia, rồi bác đi, cho là không có cái lý nhơn-quả chi ; tui nó tự chuốc lấy những họa-ương rất lớn và nhiều lắm ! Như trời cao lồng lộng, rừng cỏ rậm ri-ri !! (28).

Hoặc có người hỏi : Vì sao không trách tội kẻ độn-căn (tối dốt) trái lại cứ dẫn ép kẻ lợi-căn (sáng lành) ?

Đáp : Vì người lợi-căn hay ý tài cao cả lên chân, múa mỗ thường tự hào có tài trí giỏi hơn kẻ độn-căn. Sở dĩ nay lập ra lời chỉ-trích, là muốn cho họ biết rằng : vẽ cọp không thành, trở lại thua một thê (29). Mong họ biết lỗi hồi tâm niệm Phật, chớ nào phải dẫn ép chi dẫu, mà thiệt ra là thương tiếc lắm mới nói !

KẾT THÁN

CHÁNH-VĂN : Đến nỗi đề đức Phật như duỗi tay luống cần, dường như mẹ dựa cửa ngóng-trông. Đối trên, nỡ dừng-dừng lời Phật dạy ; Đối dưới, đành phụ tánh linh của mình, từ đời này cho đến nhiều đời, một bước sai trăm bước vẫn sai, (30) đành lòng lục đục giữa khổ thú, bó tay lần hồi đến tử-môn, không ai cứu-vớt, không chỗ nương về, thật đáng thương và đáng tiếc !

CHÚ GIẢI : Duỗi tay là thuở xưa « Mạnh Tử » nói : Chị dâu bị đắm nước, em trai chồng nắm lấy tay chị để vớt lên. (31) Dựa cửa là : Mẹ của ông Vương Tôn-Cổ bảo ông rằng : Con mai ra đi mà chiều chưa về, thời má đã đứng tựa nơi cửa này đề ngóng trông (32).

Nay nói chúng-sanh chìm đắm dưới bể khổ. Phật ra đời tế-độ như duỗi cánh tay xuống vực sâu để cứu vớt. Thế mà chúng-sanh bỏ tánh chơn-giác, theo vọng trần, Phật thương

tưởng như mẹ tựa cửa trông con. Tuy cứu vớt rất cần, nhớ thương quá thiết, nhưng mà chúng-sanh kẻ thì đắm đuối mãi chẳng ngóc đầu, người thì xa xăm luôn không lui gót, thật là phụ bạc lời giáo-huấn của đức Từ-Tôn.

Dưới danh thua thiệt tánh linh của mình là : Hễ có tâm quyết sẽ thành Phật ; nên chi Phật dạy cái phép « niệm danh Phật », là muốn cho mỗi người niệm lấy tự tâm của mình. Để thành lấy quả Phật nơi tự tánh mình. Thế mà chúng làm ngơ tỏ lờng không tin, thì đầu chẳng phải là để cho tánh linh mình bị thua thiệt ư !

« Đời nay và nhiều đời » là : Đời đời đọa lạc không cùng.
« Một bước sai, trăm bước cũng sai » là : Đời nay bước trái bỏ qua thì sau này nhiều kiếp khó gặp.

Vào khổ thú là : Tỷ như bày dòi của ruồi xanh, chịu khổn khổ lúc nhúc ăn đồ dơ trong cau xí (Dụ : Chúng-sanh đắm mê ngũ-dục, không cầu xuất ly ngoài tam-giới).

Đến chốn tử-môn là : Dụ loài trâu, dê bị lừa đến chỗ làm thịt, không ai cứu vớt, không chỗ nương vè, đầu chẳng thương ư !! ?

4.— THUẬT-Ý (phân ra làm ba phần)

- a) Quý kỷ bất-đức (Thẹn mình chẳng có đức tài gì).
- b) Minh kỷ sở thượng (Tỏ chỗ mình quý chuộng).
- c) Nguyên kỷ thích kinh : Xét chỗ mình giải kinh này.

QUÍ KỶ BẤT ĐỨC

CHÁNH-VĂN : Chu-hoàng này đã là kẻ hạ phàm, lại nhằm đời mạt pháp chỗ xuất thân hẹp hòi hẻo-lánh, bề học-thức cạn-cột muộn-màng, chẳng thông lý nhiệm, vốn hồ lời suông, bánh vẽ (ích chi cho bụng kẻ đói. Đá yên-thạch khó đối mắt người cò-hồ (người thợ nghề buôn).

CHÚ GIẢI : Văn trước nói niệm Phật, được lợi-ích như thế, không niệm Phật mắc hại như thế, nên thuật lại ý mình chỉ trọng pháp-niệm-Phật. Văn đây, trước lấy độn-căn để tự xét cũng như tự phê-bình. Mạt-pháp là : Pháp rớt, một thời sau hai thời chánh-pháp và tượng-pháp (33) là thân mình sanh nhầm thời kỳ không có Phật. Hạ phàm là : Bảo thân không tốt.

Hẹp-hòi là : Chỗ thấy không rộng. Học muộn là : Trí hiểu không được sâu. Với sự còn chưa hiểu, hưởng nữa biết lý ? — Nghĩa là : Lợi nói không đủ để làm cho người tin vậy.

Vốn hồ là : Vì tự biết mình thấp cạn, hồ-thẹn với lời nói suông, nghĩa là : hồ lời nói đi quá việc làm (34).

Bánh vẽ : Dễ hiểu, dụ như lời nói suông.

Đá yên : Là thứ đá giống như ngọc, mà không phải ngọc.

Cồ-Hồ là : Người buôn bán bên nước Tây-Vực, khéo biết rành các thứ ngọc báu. Thuở xưa có người lượm được viên yên thạch, tự cho là ngọc Du-Cần, rồi làm bộ kiêu dóc, để dối lòa mắt người, mongặng giá cao. Hôm nọ đem tán-lĩnh (khoe) với người Cồ-Hồ. — Hồ nói : Đây chỉ là đá chớ không phải ngọc đâu anh ạ ! Người kia lấy làm xén-lên rút lui. Dụ như đối với đạo chỗ thấy còn hẹp-hòi, mơ-hồ không thật, chỉ làm trò cười trước mắt tinh đời của người thiện tri-thức (35).

MINH KỶ SỞ THƯỢNG

CHÁNH VĂN : Kính vưng theo lời tiên-sắc của Phật, dốc lòng phụng-sự kinh này, trông về nước Cực-Lạc là quê-hương, ngửa mến đức Từ-Tôn như cha mẹ.

CHÚ GIẢI : Đã tự xét mình độn-căn, thì với sự làm ắt noi theo bậc cồ-đức. Chữ « Chi » là Kính. Tiếng ngọc của Vua trong đời, lời vàng của Phật ra khỏi đời đều gọi là chữ « Sắc ». Dốc lòng phụng-sự, là Phụng-sự triệt-đề. Nước Cực-Lạc mà nói là quê-hương : Vì cõi Tịnh-Độ vắng-lặng, chính là chỗ của mỗi người để an-thân lập-mạng. Mà lại bỏ lìa quê cũ, trôi-giạt xứ người, như kẻ du tử lạc-loài, duy có một niệm lo trở về với quê cha đất tổ mà thôi.

Đức Từ-Tôn mà nói là hồ-thị (nhờ cậy) hay cha mẹ : Vì cha là chỗ nhờ của ta, mẹ là chỗ cậy của ta, (36) Phật dùng lòng đại-từ, đại-bi tiếp-dẫn chúng-sanh, mang ta bằng thai-thánh, nuôi ta bằng sữa-pháp. Ngay nơi trong tâm ngoài thân của chúng ta nay đây, đâu chẳng nhờ ơn-lực ấy mà dựng thành-lập nên người. Đức cù-lao trời cao chẳng tốt, (37) thế mà ta lại nỡ bỏ gốc sanh-thành, như con minh-linh dưỡng-tử đi theo họ khác. (38).

Vậy chỉ phải thật lòng cảm-mộ trọn đời, (39) hầu hạ đời bên, (40) sớm thăm tối viếng, không nên trái lời (41).

NGUYÊN KÝ THÍCH KINH

CHÁNH-VĂN : Vì ôm lòng kiem-lợi, đạo quý chỗ hoằng-thông. Tiếc thay các bộ sớ-thích của Tồ xưa, ngày nay ít thấy bồn nào còn trọn đủ ! — Duy có vài tập chú-giải còn ẩn-hành nơi đời, lời tuy thiết mà nghĩa quá hẹp, lý hơi bày nhưng không được rõ. Luật không tốt đến chỗ hoằng-công, đâu có thể phát khởi tín-tâm cho quần chúng ?

Vì thế, tôi vội quên chỗ tri-kiến hẹp-hòi, hết lòng suy-nghi, gommeo thân bộ loại năm kinh ; căn cứ ngay nơi một hạnh Văn-Thù ; hội về ý chỉ màu-nhiệm. Có phần thuộc về kinh « Tạp-Hoa » ; sâu-suốt các pháp môn, thời rộng gồm cả các bộ ; không một bộ nào mà chẳng tiêu-dung về tự-tánh. Nhưng có nguyện nào cũng hồi-hướng về quả Bồ-Đề. Con nay tỏ chút lòng thành, cúi mong chư Phật gia-hộ.

CHÚ GIẢI : Chưa chi làm lợi cho mình, mà có thể lợi cho người trước hơn là, Bồ-Tát phát tâm, hành đạo, nên chẳng nỡ chỉ lo được yên lành riêng cho một mình, là vì lòng mẫn ỏm cánh cánh lấy cái nghĩa-vụ kiem-lợi ; mà với cái bồn-phận làm việc kiem-lợi đó, tưởng không chỉ hơn là làm việc hoằng-pháp trước nhứt. Nhưng lời chủ-sớ của kinh này, nay phần nhiều đã lạc mất, xét về trước không còn mạnh mối ! Tuy chỉ còn một hai bồn lưu hành ở đời, nhưng chỉ lược chỗ đại-khái, chớ chưa lột hết được ý-nghĩa nhiệm-mầu.

« Hoảng-công » là công-đức không thể nghĩ bàn. Vì người mà không biết kinh đây có đủ công-đức rộng lớn như thế, nên nghi mà không tin ; dầu tin cũng không chơn-thật. Thế nên bất đắc dĩ, tôi mới làm lời sớ sao này.

Chỗ tri-kiến hẹp hòi là : Chỗ thấy ngoài da Phật-Pháp, nói da thừa ở ngoài là chỗ hiểu vào chẳng sâu, dụ như chỗ thấy cạn cột vậy. Chỗ thấy biết quá nông cạn ; đâu dễ gì so lường nghĩa lý sâu mầu của Phật ; nhưng vì tâm cứu đời nó quá u ân-cần, bắt hối thúc nên vội quên mình què hèn dốt nát.

Lòng suy nghĩ : Tâm là chủ của sự suy nghĩ : (42) Vua Nghiêu vua Thuấn là bậc Thánh, còn hết lòng suy nghĩ với việc làm, chúng ta là người bậc nào khá dễ thường mà dặng ?

Bộ loại là : Những bộ chuyên nói về Cực-Lạc như kinh « Đại-Bồ-đề » v.v... năm kinh. Văn-Thù là kinh « Văn-Thù Bát-Nhã », chuyên nói về Pháp xưng-danh-hiệu « Nhất hạnh tam-muội ».

Kinh « Tạp-Hoa » (43) là do kinh « Hoa-Nghiêm » lấy tánh-hải làm tông, rõ-ràng không phải giáo-pháp quyền-thiền vậy. Các bộ là dẫn các kinh, luận đề chứng cứ, là đề tỏ rằng không phải lời ức-kiến (44), rõ như trong hai môn ; « Nghĩa Lý » và « Bộ-Loại », đến trong văn kinh sau có biện.

Tiêu-dung về tự-tánh là : Nói không chuyên về « Sự-tướng » vì xét tốt chỗ về đến nơi đến chốn thì thấy đều tiêu-hóa, dung-hội về nơi bản-tánh của mình. Bởi vì cả thế gian và xuất thế gian, không một pháp nào lọt ra ngoài tự-tâm dặng ; y-báo, chánh-báo (45) nơi cõi Tịnh-độ mỗi mỗi cũng đều là bản-giác diệu-minh.

Vì như các chiếc bình, xuyến, kiềng, vòng, hình thức của mỗi món đồ tuy khác, nhưng cũng chỉ một chất vàng làm ra ; Nước nơi khe, ngòi, sông, suối, tuy là mỗi chỗ dù riêng, chứ dòng nào cũng chảy về một biển. Chính nghĩa là : không vật nào chẳng từ pháp-giới này lưu-xuất, và không vật nào chẳng trở về nơi pháp-giới này.

« Hồi-hương Bồ-Đề » là : Phàm chỗ tu-niệm hành-đạo đều nguyện về vãng-sanh, gọi là « Hồi-hương ». Nhưng, hương không phải hương về đâu khác hơn là chỉ hồi-hương về Tịnh-độ, hồi-hương về tịnh-độ tức là hồi-hương về tự-tánh của mình.

Hai câu rớt sau là nối văn trước, khởi văn sau : Trước khi muốn làm việc lành, ắt cầu chư Phật gia-hộ. Bồ-tát còn thế, hưởng là kẻ phàm-phu ? !

Tinh, nghĩa là không hai ; Thành là không dối. Bồ-đức có nói : Lòng tinh thành rất tốt, sẽ được quỷ thần dẫn giúp (46) hưởng chi ngôi Tam-bảo đại-từ thương xót chúng-sanh cũng như con đó, hễ việc làm có lợi-ích cho chúng-sanh, lòng tinh thành cầu Phật, Phật đâu không gia-bì !

5.— THỈNH - GIA

CHÁNH-VĂN : Kính lạy Đức Giáo-Chủ thuyết-pháp cõi Ta-Bà, đức Đại-Từ-Tôn tiếp dẫn cõi Tây-phương và kinh « Bát-khả tư-nghi Phật-hộ », Xá-Lợi-Phất, Văn-Thù cùng các vị Thánh trong hai cõi, sáu phương khắp cõi Phật số vi trần, quá-khứ hiện-tại và vị-lai, các ngôi Tam-bảo vô số tận đều chứng biết. Cúi xin rủ lòng từ-bi nhiếp-thọ lời cầu của con. Con nay đối đem kiến-thức cõi uế-độ để so lường tâm thanh-tịnh của Phật Như-Lai. Ngưỡng vâng sức đại oai-thần của ngôi Tam-Bảo gia hộ cho kẻ phàm-phu được thành thánh-trí : khiến mỗi lời của con đều hợp với thánh ý của Phật, đặng lưu-thông xa gần, lợi ích cho loài Hàm-Linh, kẻ thấy, người nghe tùy-hỷ, đều được vãng-sanh, đồng chứng lên quả « Tịnh-Quang Vô-Thượng-Giác ».

CHÚ-GIẢI : Tiếng « Qui-Mạng » lệ thường như tiếng Ba-la-mật, là cách nói đảo ngược. Chữ « Qui » có hai nghĩa :

1.- Nghĩa Qui đầu, ý nói người đời chỉ có thân-mạng là vật rất trọng hơn hết, nay đem cả thân-mạng để kính lạy, là một lòng thành-kính không hai tâm vậy.

2.- Nghĩa Quy nguyên : Ý rằng đem thân và mạng về lạy cầu tức thân-nhiếp cả sáu căn (47) về nơi nhứt-tâm.

Đức Thích-Ca là giáo-chủ cõi Ta-bà, đức A-Di-Đà là giáo-chủ cõi Tây-phương, vì do thủ-xướng pháp niệm Phật, nên lay đức Thích-Ca trước hết. Kể làm tôi con mà được phong chức Hầu, còn không quên nơi gốc, (4) Phạm-phu muốn vào bực Thánh, há dặng phụ ơn Phật hay sao ? Thuở xưa có người sắp qua đời đốt nén hương, trước cùng-dường đức Thích-Ca, chính là ý đây vậy.

Giáo-chủ thuyết-pháp là : Vì với việc thuyết-pháp độ-sanh, trong một cõi không thể có hai đức Phật ; nên gọi là giáo-chủ. Nghĩa là : làm chủ một giáo-pháp.

Tiếp dẫn là vì chúng-sanh nhớ niệm Phật, được Phật đuổi tay tiếp-dẫn, dụ như người đi đường, gặp người yếu-đuối thì dìu-dỡ, người quên đường thì chỉ dẫn. Lại có hai nghĩa : Một là tiếp dẫn lúc sống, thì giúp đỡ cho đạo tâm yên-tĩnh. Hai là tiếp dẫn lúc chết, thì dẫn dắt thần hồn vãng-sanh.

Đại Từ-Tôn : Như mẹ nhớ con gọi là « Từ ». Lòng từ không chỉ hơn gọi là « Đại ». Chữ « Tôn » nghĩa như chữ chủ vậy. Lẫn nhau đề nói cũng có thể gọi đức Thích-Ca là Từ-Tôn cõi này, đức Di-Đà là giáo-chủ cõi kia. Gồm hai đức Như-Lai đó gọi là ngôi « Phật Bảo ». Kinh này nguyên tên là « Bất-khả tư-ngiê Phật hộ-niệm » là ngôi « Pháp bảo ». Chúng nghe kinh này như Ngài Văn-Thù, Ngài Xá-Lợi-Phất v.v... gọi là ngôi « Tăng bảo ».

Nói chữ « Bảo » là lược có sáu nghĩa . 1.- Hiếm có ; 2.- Lia dơ ; 3.- Sức quý ; 4.- Rõ đẹp ; 5.- Rất tốt ; 6.- Chẳng đổi. Trong bộ « Yếu tập » có nói đủ nghĩa này.

Suy xét cho cùng tốt hai cõi : Ta-bà và Cực-lạc, bốn góc trên dưới mười phương, nhần đến cõi Phật nhiều như số vi-trần khắp tất cả xứ ; quá-khứ, hiện-tại, vị-lai và khắp tất cả thời. Trong đó có ngôi Tam-bảo ngang trùm mười-phương dọc suốt ba giới, cũng nhiều đến số vô-cùng-tận.

Lại Tam-bảo cũng chia : có sự, có lý, có khác, có đồng như văn sau giải rõ. Nay văn đây nói trong ngoài, mình và người đều nương về ngôi ấy. Bực Cồ-Đức nói : Sau khi Phật diệt-độ phạm các hàng đệ-tử có tác-thuật kinh luận chi, sách vở gì, đều phải trước kính lễ ngôi Tam-Bảo.

Bởi vì cảnh thánh cao màu, lời Phật kín-nhiệm, mà muốn dùng trí mọn của phàm-phu, để tự-tiện so-bàn, khác nào lấy ngao lương biển nương ống đơm trời (49), luống tự nhọc-nhẫn, phần được không mấy. Thế nên cần phải kính ngò Tam-Bảo, thăm mong gia-hộ.

Oai-thần đó, như kinh nói : Phật-lực không thể nghĩ bàn, Pháp-lực không thể nghĩ bàn ; Hiền-thánh lực không thể nghĩ bàn. Thế nương thần-lực của Tam-Bảo, có thể khiến tâm ngu, bỗng thành Thánh-trí. Miệng phàm thuật lại thăm hiệp được tâm Phật vậy.

Xa gần là : Gồm cả « Xứ » và « Thời ». Xứ là : Từ một góc cho đến cùng khắp mười phương. Thời là : Từ một sát-na cho đến tột đời vị-lai, đều gọi là từ gần đến xa.

Hàm-linh, gọi tất cả loài : Hữu-tinh vì lựa không phải loài vô-tinh như cây đá.

Thấy nghe tùy hỷ là : Hễ đối kinh đây, mà được mắt thấy, hoặc tai nghe cho đến tạm thời tùy thuận, sanh tâm hoan-hỷ, là đã trồng căn lành sẽ đồng được vãng-sanh về nước kia vậy.

Tịch Quang là : Cõi chơn Tịnh-Độ của Như-Lai. Người mà được sanh về nước kia rồi, thấy Phật nghe Pháp, giác-ngộ được pháp « Vô-Sanh-Nhẫn » : nhận định bản-tâm của mình, vì thể và dụng của bản-tâm ấy Tịch-Chiếu không hai nên gọi là « Thường-Tịch-Quang ».

Quả « Vô-Thượng-Giác » là : Phật chứng quả « Viên-mãn đại-giác » vượt khỏi hàng nhị-thừa và các vị Bồ-Tát. Trên quả đây lại không quả nào cao hơn nữa nên gọi là « Vô-thượng-quả », tức là chứng « Nhứt-thế chủng-trí » (50) của Phật. Nên trong kinh nói : Đều đặn bất thời chuyển nơi quả « A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-Đề ». Thế đủ biết rằng : Miến đặn vãng-sanh thời quyết-định thành Phật. Cho nên nói đồng chứng lên quả « Tịch-Quang Vô-thượng » cầu xin chư Phật gia-bị ý gồm như thế.

Từ trước đến đây là lời « Thông-tự đại-ý » của một bộ kinh đã xong.

B.— KHAI-CHƯƠNG THÍCH-VĂN

(phân ra làm hai)

- 1.- **Lược Tiêu.** Dón nêu 10 nguyên-tắc.
- 2.- **Tường thích.** Giải rõ mười môn ấy.

1.- LƯỢC TIÊU

Sắp giải kinh này chung nêu mười môn :

- 1.- *Giáo khởi sở nhơn : Cái nhơn vì giảng-giáo.*
- 2.- *Tạng giáo đẳng nhiếp : Gồm thấu tạng, giáo, phần.*
- 3.- *Nghĩa lý thâm quảng : Nghĩa lý rất rộng sâu.*
- 4.- *Sở bị giai phẩm : Thích-hợp các giai-phẩm.*
- 5.- *Năng-thuyên thể tánh : Chuyển bản về thể-tánh.*
- 6.- *Tôn thủ chỉ qui : Chỉ rõ về tôn-thủ.*
- 7.- *Bộ loại sai biệt : Bộ loại sai khác nhau.*
- 8.- *Dịch thích tụng trì : Người dịch, giải, tụng, trì.*
- 9.- *Tổng thích danh đề : Chung giải tên kinh này.*
- 10.- *Biệt giải văn nghĩa : Giải riêng nghĩa từ văn.*

CHÚ GIẢI : Với sự giải kinh này so theo ý lời Sở kinh Hoa-Nghiêm lược làm mười môn : Tám môn trước thuộc về nghĩa môn, hai môn sau là chánh thích về kinh văn.

Lại nữa với việc chia 10 môn để giải đây Đại-đồng Tiêu-dị với « Ngũ trùng huyền nghĩa » (51) của ngài Thiên-Thai vì là chia ra thành 10 môn, thấu lại còn 5 môn, nên có chỗ nhiều và ít vậy thôi.

2.- TƯỜNG-THÍCH (Giải thích rõ 10 môn trên)

Trước từ Giáo khởi sở nhơn đến 10 là Biệt giải văn nghĩa.

GIÁO-KHỞI SỞ-NHƠN (phân ra làm hai phần) :

- 1.- *Tổng : Giải rõ phần chung.*
- 2.- *Biệt : Giải rõ phần riêng.*

1.- TÔNG

CHÁNH-VĂN : Trước nói rõ phần Tông là chỉ vì nhân-duyên của một việc lớn mà đức Như-Lai Ngài phải xuất hiện ra thế-giới này. Giáo-pháp của Ngài thuyết ra trong một đời, tóm chỗ đại-ý : chỉ vì muốn khai-thị cái tri-kiến của Phật cho chúng-sanh ngộ-nhập. Nay kinh này cố-ý chỉ ngay cho chúng-sanh : dùng tâm niệm Phật để vào chỗ tri-kiến của Phật.

CHÚ GIẢI : « Đại sự nhân-duyên » (52) là dẫn câu văn trong kinh « Pháp-Hoa ». Kinh kia nói lý-do đức Như-Lai ra đời, bồn-ý Ngài muốn độ tất cả chúng-sanh đều được thành Phật. Vì bất-đắc-dĩ mà Ngài phải quyền-biến nói ba thừa, đến sau căn-cơ của các đệ-tử thuần-thực, Ngài mới hội ba thừa qui về nhứt-thật, mới vừa cái bồn-ý của Ngài. Nên biết : Từ nói kinh « Hoa-Nghiêm » về sau, kinh « Pháp-Hoa » về trước, trong khoảng thời-gian đó tuy Phật thuyết có nhiều Pháp-môn cao, thấp, không đồng ; nhưng đâu chẳng phải là vì một đại-sự nhân-duyên đây. Trừ ngoài một đại-sự ấy, lại không có một đại-sự thứ hai nữa.

Nay kinh này nói : Hễ nhứt-tâm trì danh hiệu của Phật A-Di-Đà, tức được bực bất-thối-chuyển. Đây là chỉ ngay tự-tâm của phàm-phu rốt-ráo được thành quả Phật. Nếu tin chắc như thế, cần gì phải trải qua ba thừa để học, lâu xa nhiều kiếp để tu, mà chỉ không vượt ra ngoài một niệm, mau chứng quả Bồ-Đề, đâu không phải là đại-sự hay sao ?

2.- BIỆT

CHÁNH-VĂN : Biệt là chuyên theo kinh này cũng có mười nghĩa :

- 1.- Vì lòng đại-bi thương xót chúng-sanh, nên Phật nói kinh này để làm cầu bến cho đời mạt-pháp.
- 2.- Vì trong vô-lượng pháp-môn riêng rút ra một phương-tiện tối thắng này.
- 3.- Vì chê khờ khen vui, để cho chúng phàm-phu trong đường sanh-tử dấy lòng ưa cõi vui, nhằm cõi khờ.

- 4.- Vì giáo-hóa dẫn-dắt hàng nhị-thừa chấp không chẳng tu Tịnh-độ.
- 5.- Vì khuyên các người mới phát tâm hành Bồ-Tát Đạo, nên gắng tới niệm Phật, để được gần gũi Như-Lai.
- 6.- Vì thân nạp hết căn lợi, độn thấy đều được độ thoát.
- 7.- Vì hộ trì người tu hành nhiều chướng nạn, để khỏi bị sa-đọa.
- 8.- Vì chính chỉ ngay nơi cái tâm hữu-niệm, đừng chứng vào cái lý vô-niệm.
- 9.- Vì cách chỉ dạy rất khéo là nhơn cầu vãng-sanh mà thật ra là ngộ quả « Vô-sanh ».
- 10.- Vì chỉ rõ đường tắt tu-hành, lại đường tắt trong đường tắt nữa.

CHÚ-GIẢI : Với lời giải-thích sẽ thấy văn sau, mà mỗi bài nổi lên có lớp-lang liên-tiếp, dụ như sợi dây chuyền tròn kế nhau luôn.

- 1.- Bởi chúng-sanh mê đắm, Phật vì đó làm cầu bến.
- 2.- Sở dĩ làm cầu bến được, là vì nhờ có phương-tiện tối-thắng.
- 3.- Sao là phương-tiện tối-thắng ? Vì có cái tài độ chúng phàm-phu.
- 4.- Không những chỉ độ chúng phàm-phu, mà cũng độ cả hàng nhị-thừa Thánh-nhơn nữa.
- 5.- Chẳng những hàng nhị-thừa, mà cũng độ cả đến Bồ-Tát kia.
- 6.- Đầu những riêng độ trong loài người, mà cũng phổ-độ tất cả chúng-sanh ở các loài.
- 7.- Chẳng những chỉ độ chúng-sanh lúc bình-thường, cũng độ cả trong khi bị chướng nạn.
- 8.- Tuy rằng độ-sanh rộng lớn như thế, thật ra không ngoài một niệm của chúng-sanh đặt vào lý « Vô-niệm ».

9.- Đã nói hữu niệm đẳng lý « Vô-niệm » ,thì cũng ngay nơi vắng-sanh đẳng chứng quả « Vô-sanh ».

10.- Vì gồm suốt chín môn trước, để biết Pháp-môn tri danh niệm Phật đây là đường tắt (tri danh) trong đường tắt (các pháp niệm Phật).

Lại do vì đường tắt trong đường tắt đây, mới có thể làm cầu, bến cho đời mặt-pháp.

Thế là trước, sau thứ lớp, đầu cuối xoay vần, cho nên nói « Cũng như dây chuyền ».

CHÁNH-VĂN : Một : Vì lòng đại-bi thương xót nên làm cầu, bến cho chúng-sanh đời mặt-pháp là khi Phật thành đạo đã đương đời ác-trước, hướng chỉ nhằm đời mặt-pháp, chính ở vào thời kỳ đấu-tranh kiên-cố, lần hồi thắng-mãng, (món mồi) san lại càng san, đều nhờ thần-lực kinh này cứu vớt chúng-sanh sau để muợn ở đời tốt, kiếp tàn, như vậy, đâu chẳng phải là lòng từ-bi cực-điểm dự-phòng đề pháp tế-độ ư !

CHÚ-GIẢI : Đã đương đời ác-trước là thế-giới này, đến khi mà con người ai cũng sống còn chỉ có hai vạn tuổi, tức đã bắt đầu vào cái thời kiếp-trước. Thuở đức Thích-Ca ra đời, người sống chỉ còn trăm tuổi, đã là khá thương ! — Vì trải qua đời ác-trước đã lâu lắm !

Chính vào thời-kỳ đấu-tranh là : Năm trăm năm trước nhứt, về thời kỳ giải-thoát kiên-cố ; dần dần mỗi số ; Năm trăm năm thứ nhì là thời kỳ tu Thiền-định ; 500 năm thứ ba ; người thông-thái học đạo ; 500 năm thứ tư, dựng lập chùa tháp. Nay chính đương thời-kỳ thứ năm là đấu tranh kiên-cố (53) lại là đáng thương !

Sau lại càng sau là hẳn đến khi mà thời kỳ pháp diệt hết, lại càng đáng thương hơn nữa. — Thế nên Phật nói kinh này, lược kê lòng đại-bi có ba điều cảm-khái chí-mật-thiết :

1.- Thuở Phật còn tại thế, vì rất thương chúng-sanh trong số kiếp ngũ-trước ác-thế này, nên Ngài nói pháp tri-danh niệm Phật là pháp mà chúng-sanh lấy làm khó tin, đây là lòng đại-bi thương xót chúng-sanh lần thứ nhứt.

2.- Sau khi Phật diệt-độ về sau, kể tu-hành phần đông là hạng phước-huệ càng ngày càng kém, tội-chướng mỗi bữa mỗi thêm nhiều, làm gì mong thấy được Phật, nên Phật nói kinh này là để chúng-sanh đời sau tuy không được thấy Phật và Phật đã diệt, nhưng pháp tri-danh niệm Phật vẫn còn; hễ ai có lòng tin-niệm, thì chóng khỏi đường sanh-tử, được vãng-sanh thấy Phật Di-Đà, đây là lòng đại-bi thương xót chúng-sanh lần thứ hai.

3.- Như trong kinh « Đại Bồn » nói : Sau Phật diệt-độ khoảng lâu xa đến cuối đời mạt-pháp, các bồn kinh to dài-dòng, và đạo-pháp khó tu, đều lần hồi tiêu-diệt hết, vì chúng-sanh không đủ sức để học tu kinh pháp ấy ! Chỉ riêng còn một bồn kinh này ở đời độ-sanh, đến rốt sau mới diệt. Thế thì đủ biết : lúc nước ngập nhầy trời, còn có thuyền từ cứu vớt, đêm khuya tắm tối hãy còn được huệ sáng-soi. Đây là lòng đại-bi thương-xót chúng-sanh lần thứ ba vậy.

Ví như đấng cha lành lo nghĩ cho đoàn con dại, vì lòng thương vô hạn, dành để lại nghề nuôi sống, có thể với chất-chất sâu xa, dòng-dõi thừa sót, đến nỗi gia-sản điều-tàn thân hình bần-khố, cũng còn chỗ nhờ cậy. Nên nói lòng từ-bi rất tốt, phòng đề pháp tế-độ chúng-sanh.

CHÁNH-VĂN : Hai : Đặc-biệt là với vô-lượng pháp-môn đưa ra một môn phương-tiện tối-thắng.

Vào đạo có nhiều môn vốn không lựa chọn, nhưng với chỗ đèo cao, đồng bằng, đường cong, nẻo thẳng, thì khó dễ tự phân, nên ở trong vô-lượng pháp-môn, chỉ có một môn niệm Phật là phương-tiện tối-thắng, lược kê có bốn :

- a) Phương-tiện thứ nhất : Với kiếp không gặp Phật ra đời, song mà thường được thấy Phật.
- b) Phương-tiện thứ hai : Dầu chưa đoạn hoặc-nghiệp, cũng được thoát kiếp luân-hồi.
- c) Phương-tiện thứ ba : Không nhọc công tu các hạnh khác, mà đặng chứng pháp Ba-la-mật .

d) Phương-tiện thứ tư : Không phải trải qua nhiều kiếp, mà chóng được giải-thoát.

CHÚ-GIẢI : Pháp-môn là : Cái thể của đạo, nó kín-nhiệm thậm-thâm, phải từ cửa mới bước vào được. Mà lập pháp-môn không đồng vì mỗi căn-cơ khác nhau nên nói vô-lượng ; khéo-léo dắt-dẫn, khiến được nhập môn, gọi là phương-tiện. Mà nói chữ « Thắng » là phương-tiện trong phương-tiện. Tức trong « Quán-kinh » chỗ nói rằng khác đó là đây.

Nhiều môn là : Có người hỏi rằng : Với những pháp-môn khác đều có thể vào đạo được, hà-tất riêng tu môn niệm Phật mới được vãng-sanh ?

Đáp : Các môn tuy nhiều nhưng có khó và dễ khác nhau, thế nên không ngại chỉ với cái không lựa-chọn mà có thể nói lựa chọn.

Hiềm đường đèo ải gập-ghenh khó đi. Khúc đường quanh quèo khó đến, là dụ các pháp-môn kia. Bằng-thẳng thì dễ đi, là dụ như pháp-môn niệm Phật, ai cũng có thể tu-hành được. « Thắng mau thì đi dễ đến » là dụ tu pháp-môn niệm Phật mau vượt khỏi đường sanh-tử. Như bà Vi-Đề-Hi xem khắp cả các cõi Phật trong mười phương, mà chỉ muốn nguyện sanh về thế-giới Cực-Lạc Phật A-Di-Đà.

Thường được thấy Phật là trong « Khởi-Tín-Luận » đã chỉ rõ pháp « Chơn-Như Tam-Muội » (54) và hai môn « Chỉ » (55) « Quán » rồi. Lại nói có người mới học pháp-quán này, tâm còn hèn-nhát, cho rằng cõi Ta-Bà không được thường gặp Phật. Sợ tín-tâm không vững ; đức Như-Lai có phương-tiện rất hay đề-nhiếp-hộ tín-tâm kia, bảo họ chuyên lòng niệm Phật, liền đặng sanh về cõi Phật, thường được thấy Phật. Như trong tạng-kinh nói : Chuyên niệm đức Phật A-Di-Đà ở thế-giới Cực-Lạc Tây-Phương, sẽ được vãng-sanh không hề lui sụt. Còn kinh Di-Đà đây nói : Bảy ngày nhứt tâm chắc được Phật hiện trước mặt.

Cho nên biết rằng trên hội Linh-Sơn, Phật Thích-Ca đã nhập-diệt, còn hội Long-Hoa thì đức Di-Lặc (56) chưa ra đời,

Trong kỳ khoảng giữa không có Phật ra đời mà vẫn được thấy Phật, đây là pháp phương-tiện tối-thắng thứ nhất.

Được ra khỏi luân-hồi là do nơi vọng-hoặc sanh hành-nghiệp, (57) có nghiệp cảm-thụ quả-báo, rồi phải trôi-lăn qua lại trong sáu đường, để chịu khổ mãi không thôi. — Y theo pháp khác tu-hành, đến chừng vọng-hoặc hết, mới được thoát-ly luân-hồi. Nhưng mà trong thời-kỳ tu-tập đó với những nỗi đau-thai chuyển kiếp giữa thế-gian, cũng chưa chắc giữ cho được khỏi cái khổ thăng-trầm. Duy có pháp-môn niệm Phật đây, dầu còn mang nghiệp cũng được vắng-sanh. Vì, một là do sức niệm Phật của mình, hai là nhờ thần-lực cao cả của Phật bảo-đảm, nhiếp-thọ. Một phen mà được sanh về nước kia, liền vượt ra khỏi ngoài ba cõi, không còn bị luân-hồi trong sáu thú. Nên kinh nói: Chúng-sanh niệm Phật, được sanh về đó rồi đều chứng lên bậc « Bất-thối-chuyển ». Đây là pháp phương-tiện tối-thắng thứ hai.

Đặng pháp Ba-la-mật là các vị phát- tâm hành Bồ-Tát đạo, có vị đã trải qua trong hằng-sa kiếp, để tu pháp lục-độ, vạn-hạnh, mà cũng chưa hoàn-toàn công-hạnh được ! — Thế mà nay đây chỉ có nhưt tâm niệm Phật: muốn việc trần tự nhiên dứt bỏ, tức là pháp « Bồ-thí Ba-la-mật ». Nhưt tâm niệm Phật: Các việc ác tự dứt, tức là « Trì-giới Ba-la-mật »: Nhưt tâm niệm Phật lòng được nhu-hòa mát-diệu, tức là « Nhẫn-nhục Ba-la-mật ». Nhưt tâm niệm Phật: vĩnh-viễn không bị thối lui, đọa-lạc, tức là « Tinh-tấn Ba-la-mật ». Nhưt tâm niệm Phật: Không sanh các vọng-tưởng, tức là « Thiền-định Ba-la-mật ». Nhưt-tâm niệm Phật: Chánh-niệm rõ-ràng, tức là « Bát-nhã Ba-la-mật ». Suy xét cho cùng tốt thì không ra ngoài nhưt tâm niệm Phật mà muốn hạnh được đầy đủ cả. Như trong kinh Đại-Bồ, Ngài Pháp-Tạng có phát-nguyện rằng: « Khi ta thành Phật, chúng hữu-tính trong nước ta, nếu không được thần-thông tự-tại Ba-la-mật, thì ta không lãnh lấy ngôi chánh-giác làm chi ». Đây là pháp phương-tiện tối-thắng thứ ba.

Chóng đặng giải-thoát là: Trong bộ « Trí-độ-luận » nói: Có các vị Bồ-Tát tự nhờ mình thuở trước ché bai pháp Đại-Bát-Nhã, nên đọa trong ba đường dữ, rồi ra đi tu, đã trải

qua nhiều kiếp. Tuy hành các hạnh khác, nhưng không diệt được tội, sau gặp bạn tri-thức dạy niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà, mới tiêu được tội-chướng siêu-sanh Tịnh-Độ. Lại trong kinh « Thập-tru đoạn kết » có nói : Khi ấy trong pháp-hội có bốn ức chúng Bồ-Tát, tự biết mình lắm đời về trước đã chết đây lại sanh kia, liên-miên không dứt, là bởi nguồn gốc do lòng tham muốn ; nghĩ thế chán-ngán, rồi muốn sanh về cõi nước nào không còn lòng ham muốn. Phật bảo : Bèn Tây-phương cách đây vô số quốc-độ có đức Phật hiệu là « Vô-Lượng-Thọ », dân chúng trong cõi kia rất thanh-tịnh, không có lòng : dâm, giận và ngu-si, vì hóa-sanh bằng hoa sen, chớ không do cha mẹ sanh đẻ như cõi này : các người hãy cầu sanh về cõi kia. Thế nên trong kinh « Đại-Bồ-n » nói : Bồ-Tát muốn làm cho chúng-sanh kịp mau an-trụ trong đạo quả vô-thượng Bồ-Đề đây, thì cần phải phát-triển cái nghị-lực tinh-tấn, để nghe tu theo pháp-môn này.

Nên biết rằng : Tu các pháp ví như con kiến bò lên núi ; tu môn niệm Phật này cũng như thuyền đi thuận nước, xuôi gió (58) ; thế sự mau, chậm cách nhau như trời với vực. Bực Cồ-Đức có nói : Muốn tu chỉ một đời được chứng quả, thì phải đề tâm nơi pháp này. Đây là pháp phưng-tiên tối-thắng thứ tư.

CHÁNH-VĂN : Ba : Vì chê khờ khen vui, đề cho chúng phàm-phu trong đường sanh-tử, sanh lòng ưa cõi vui nhàm cõi khờ.

Bởi các chúng-sanh mê quên tự-tánh, cam chịu luân-hồi, đã từ nhiều kiếp đến nay, mà cũng chưa tỉnh ngộ, nên đức Phật mới chỉ bày hai cõi «Khờ», «Vui», mở lập hai môn «Chiết» và «Nhiếp», chê khờ khen vui, khiến cho ưa vui, nhàm khờ, tâm Bồ-Đề đã phát, tịnh-nghiệp mới thành.

CHÚ-GIẢI : Nếu cứ theo pháp-môn bình-đẳng mà luận, thì có chi là sạch có chi nhơ, và hồng ưa, nhàm. Thế làm gì có lập ra hai môn « Chiết » và « Nhiếp » ? — Nhưng, nay với chúng phàm-phu còn ở trong sanh-tử, mê mất chơn-tâm rượt theo cảnh trần, trải lâu chịu đủ cách luân-hồi, quay-cuồng mãi không biết bao lần lên xuống, đành lòng cam chịu, chưa

từng có một niệm giác-ngộ tấn-tu, đề cầu nguyện giải-thoát. Nếu nay đã ngăn không giúp họ sự ưa vui, nhằm khổ mà lại muốn cho họ giác-ngộ ngay nơi tự-tâm, thì có khác nào ếch ruộng, cá giếng, (59) đã không cho thêm nước, mà lại trách nó sao chẳng trời lên... thì càng thêm chìm đắm đối với sự trách có ích gì ? — Vì thế, nên chính trong cái lẽ không khổ, không vui, mà đức Phật chỉ rõ ra có cảnh khổ cõi vui, dùng pháp « Chiết-phục » để diệt-trừ mọi nỗi khổ, bày môn « Nhiếp-Thọ » làm cho được an vui. « Chiết-phục » là khuyến-khích chúng si-mê, làm cho họ sanh tâm nhàm lìa ; « Nhiếp-Thọ » thì nương đỡ những chúng biếng trễ, khiến họ sanh lòng ưa muốn. Vậy sau những chúng đã ở lâu trong cảnh khổ bần-sinh (ngũ-dục), mới chề là cảnh nhơ-nớp, vừa nghe cõi Phật thanh-tịnh trang-nghiêm mới phấn-chấn cầu sanh. Chừng đó mới biết rằng : Cõi này là đồng lửa lớn, cõi kia là ao nước mát. Thì lẽ tất nhiên là những chúng-sanh đã bị lửa phiền-não thiêu đốt từ lâu, nay há chẳng nên tránh cõi này mà về cõi kia ru. Phương-tiện độ-sanh lẽ phải như thế, đã sanh về nước kia thấy Phật nghe Pháp, đặng « Vô-sanh-nhãn » mới ngộ bản-tâm mình đây, xưa nay vốn là bình-đẳng.

CHÁNH-VĂN : Bốn : Vì đề giáo-hóa dẫn dắt hàng nhị-thừa chấp không, chẳng tu Tịnh-độ là bởi do hàng nhị-thừa vừa chứng được lẽ « Ngã-không » liền sanh lòng đắm-trước (ưa thích), nghe nói đến việc làm cho cõi Phật thanh-tịnh, là phải giáo-hóa chúng-sanh thì lòng họ không ham muốn. Nên nay khiến họ hồi bỏ tâm Tiều-thừa, đề hướng về Đại-thừa là phát ý niệm Phật cầu nguyện vãng sanh.

CHÚ-GLẢI : Vừa chứng được lẽ « Ngã-không » là hàng tiều-thừa chỉ mới giác-ngộ được trong thân ngũ-uẩn không có cái ngã làm chủ, chớ chưa biết cả ngũ-uẩn cũng là không nữa, nên mới chấp cảnh là có, rồi chỉ muốn tránh cảnh khổ ồn-ào, trốn về cảnh vui vắng-lặng. Nếu nghe nói đến cảnh Tịnh-Độ, để cho chúng-sanh niệm Phật sanh về bằng cách hóa sanh, thì lòng không ưa thích. Như các hàng Thinh-Văn, không thấy được thần-lực Phật Lô-Xá-Na, và không được dự vào đại-hội

của các vị Bồ-Tát, là vì bốn ý họ không hoan-nginh về chỗ nói công-đức thanh-tịnh các cõi Phật trong mười phương. Bực Cồ-Đức nói : Hàng tiểu-thừa không nhận cái lối nói có cõi Phật khác (Di-Đà). Bên đại-thừa thì nói có vô-số cõi Phật. Đức Thế-Tôn gọi bực tiểu-thừa là hàng « Độc-thiện kỳ-thân », (60) cũng kêu là bọn « Độn-căn A-La-Hán ». Cho nên Phật dạy họ quày tâm đoạn-diệt, (61) tu hạnh Tịnh-Độ, mới biết lòng bi-trí, sức hạnh-nguyện của Phật, Bồ-Tát rộng lớn như thế, vô cùng như thế. Tâm không ngại cảnh, cảnh chẳng ngại tâm, tất cả các pháp, bốn-tánh nó tự không, thành thử trọn ngày độ-sanh, nhưng trọn ngày không chấp độ. Thế mà những kẻ chỉ riêng tu Thiền-định, không nguyện vãng-sanh, thật là lằm lằm vậy ! !

CHÁNH-VĂN : Năm : Vì khuyên các người mới phát-tâm hành Bồ-Tát đạo, nên gắng tu niệm Phật, đề được gặp Như-Lai là bởi bực mới phát tâm hành Bồ-Tát đạo (62), tâm đại-thừa ấy mới kiến-lập nhưng sức thắng-nhẫn chưa thành ; cũng như chim con lông cánh còn yếu, chỉ nên chườn cánh ; và đứa con bé thơ, cần phải gần bên mẹ, khi mà Bồ-Tát đã vào hội chánh-định-tụ gần gũi đức Thế-Tôn, mới đặng nhẫn-lực, chứng pháp « Vô-sanh » trọn thành quả Phật.

Bây giờ ngồi thuyền đại-nguyện vào biển khổ độ-sanh. Như trong « Trí-Độ-Luận » đã nói : Và chẳng tu Bồ-Tát đã đến bực lục-trụ, mà còn thối mất tâm đại-thừa, nhiều kiếp làm Thinh-Văn. Xem như « trứng cá », « bông xoài » đủ làm gương soi rở.

Nên biết pháp niệm Phật là cha của Bồ-Tát, vì sanh đẻ ra pháp-thân, cho đến cả Thập-địa Bồ-Tát, trước sau chẳng lìa pháp niệm Phật, thì bực sơ tâm Bồ-Tát đâu nên tự cho là đủ, mà không nguyện vãng-sanh ư ?

CHÚ-GIẢI : Bộ « Trí-Độ-Luận » nói : Chúng cụ-phước phàm-phu (63) dẫu có lòng đại-bi muốn sanh trong đời ác-trược để cứu-khổ cho chúng-sanh, thật là vô-lý. Vì sao ? — Vì phiền-não quá mạnh, mà chưa được sức nhẫn, tâm duyên theo cảnh

sắc, thỉnh ràng buộc, phần mình đã đọa trong tam-đồ, thì đâu có thể cứu được người ?

Đầu cho được sanh trong loài người, nhưng đối với quả Phật cũng khóặng. Vì nhờ có tu phước-đức bố-thí, tri-giới từ kiếp trước, nay hoặc đặng làm vua, làm quan, bị cái phước giàu có bắt phải ham sướng mê vui ! Vì dầu có gặp thiện tri-thức cũng không chịu tin theo, vì ngu-mê phóng-túng ; tạo nhiều tội ác, do đây phải đọa-lạc nữa.

Lại du như hai người đối với việc cứu kẻ bị đắm nước : một người vội nhảy ngay xuống nước để cứu, thì cả hai bị chìm luôn. Một người biết dùng phương-tiện : Đi lấy thuyền bè bơi ra cứu-vớt, cả hai đều khỏi nạn. Người mới phát tâm Bồ-Tát muốn độ-sanh cũng lại như thế. Cần phải gần-gũi Như-Lai, được thuyền từ là pháp « Vô-sanh-nhẫn » rồi, mới có thể vào biển khổ cứu-độ chúng-sanh, như người kia được thuyền ; cứu đặng nạn chết đắm.

Lược ấy nói : Vì như đứa bé nếu mà lìa mẹ, thì nó sẽ té xuống hầm, xuống giếng, hoặc khát sữa phải chết. Lại như chim con lông cánh còn yếu, chỉ nên nương cây chuyền cành, khi lông cánh đã cứng-cáp rồi, mới có thể bay liệng giữa hư-không thung-dung tự-tại được.

Cũng như phạm-phu chưa có sức nhẫn, chỉ nên chuyên niệm Phật A-Di-Đà, cho được chánh-định (tam-muội). Lúc lâm-chung được chánh-niệm, quyết-định vãng-sanh, thấy Phật, đủ sức nhẫn rồi, trở lại trong cõi này để cứu-độ chúng-sanh.

« Chánh định tu » là : Đề lựa riêng biệt với tà-định và bất-định. Vì phạm-phu, tà-ma, ngoại-đạo nhưt định không có phần đấy ; bực sơ phát-tâm tu-hạnh Bồ-Tát, hoặc tấn lên Đại-thừa, hay lui xuống Tiểu-thừa cũng chưa nhưt-định. Nay được An-dưỡng của Phật A-Di-Đà rồi, không luận phạm-vị cao hay thấp, đều đặng bực bất-thối-chuyển cả, mới gọi là chánh-định. Chữ « Tu » là nhóm, tức là một nhóm người chánh-định. Chính trong kinh nói : « Các người bực thượng-thiện nhóm hội ». Vì rằng đã vào trong hội này là được thấy Phật nghe pháp.

Bồ-Tát lục-trụ còn lui mất tám Đại-thừa là : Ông Thân-Tử phát-tâm tu-hạnh Bồ-Tát, đã chứng được bậc trụ thứ 6 (trong thập trụ) của Biệt-giáo ; nhưn gặp lúc người Bà-la-môn xin trông con mắt (64) nhần không được, liền thối tám Đại-thừa, luân-hồi trong năm đường (65).

« Nhiều kiếp làm Thịnh-văn » là có nhiều vị như Ông Xá-lợi-Phất chẳng hạn, đã phát-tâm từ đời Phật Đại-thông-tri Thắng, do nhần không được, nên phải lui sụt tám Đại-thừa, đọa xuống hàng Thịnh-văn nhiều kiếp bằng số vi trần đếm đến nay.

Nên trong kinh nói : Bầy cá rồng-rồng, bông xoài, Bồ-Tát sơ phát tâm ba sự đây, trong cái nhưn thì nhiều, đến chừng kết quả chẳng còn bao nhiêu. Dẫn lời đây để chỉ rõ bậc sơ tâm Bồ-Tát cần phải gần-gũi đức Như-Lai đặng chỗ nương dựa vững vàng, để khỏi bị lui sụt vậy.

Pháp niệm Phật là cha của Bồ-Tát : Trong kinh « Hoa-Nghiêm » quyển thứ mười một nói : Ông Oai-Quang đồng-tử, nhưn thấy tướng của đức Như-Lai mà đặng mười món lợi-ích : Món đầu nói : Đặng pháp niệm Phật tam-muội (66) gọi là pháp-môn « Vô-biên-hải-tạng ». Lời sơ kinh ấy nói : Pháp niệm Phật tam-muội là cha của Bồ-Tát, nên trước nhưn nói đó, Bởi do Bồ-Tát dùng pháp phương-tiện làm cha (67) mà pháp niệm Phật đây chính nhần thật-sự, vì đó là phương-tiện ; Lại niệm Phật được thành Phật, vì đó là hột giống Thân-sanh (68).

Thập-địa trước sau là : Trong văn Thập-địa từ trước đến sau, địa nào cũng nói tắt cả việc ra làm, không rời pháp niệm Phật. Lại nói bậc « Viễn-Hành » địa (69) Bồ-Tát tuy biết tắt cả cõi nước cũng như không có, mà hay dùng hạnh thanh-tĩnh nhiệm-mầu, để làm trang-nghiêm cõi Phật. (70) Trong kinh « Như-Lai bất tư-nghì cảnh-giới » nói : Ông Bồ-Tát đến lúc rõ biết chư Phật và tắt cả pháp đều duy một tâm lượng, thì đặng sức nhần tùy thuận, (71) hoặc được vào bậc sơ-địa ; đến khi bỏ thân liền sanh vào thế-giới « Diệu-Hỉ », (72) hoặc sanh trong cõi Cực-Lạc thanh-tĩnh của Phật, nên Ngài Long-Thọ là do bậc

sơ-địa (73) mới được vãng-sanh. Ông Ma-Ta-Kiệt là do đặc pháp nhãn mới được vãng-sanh, chỉ như đức Văn-Thù, Phổ-Hiền (74) v.v... Cho đến hết thấy các vị đại Bồ-Tát đồng lắm không thể kể xiết, mà cũng đều phát nguyện vãng-sanh, hưởng chỉ bực sơ-tâm Bồ-Tát mà không cầu vãng-sanh ư ?

Ngài Vĩnh-Minh nói : Muốn gá thân nơi đài sen, đề lia hân cái khổ bào thai nơi bụng mẹ, sanh về nước Cực-Lạc là quốc-độ của chư Phật, đã đặc pháp thần-thông du-hí, (75) thì những người ấy đều là đã hiểu rõ được tự-tâm rồi, không vị nào mà không dạy chúng vãng-sanh.

Ngài Thiên-Như nói : Các người nếu giác-ngộ được tự-tâm rồi, thì với việc vãng-sanh về Tịnh-độ dầu sức mạnh bằng ngàn trâu, không thể kéo lại được. Thế thời ông Sơ-phát-tâm Bồ-Tát, tuy là hiểu rõ nhưng còn cách Phật rất xa, nên chính phải cầu-nguyện vãng sanh không nên trễ vậy.

CHÁNH-VÂN : Sáu : Vì thân nhiếp cả các căn lợi, độn cũng đều thoát là bởi các pháp-môn khác, có môn quá cao thời kẻ hạ-cơ không phần nhờ, có môn quá thấp thời không hợp với sức Thượng-căn, thế nên đức Phật ban đầu nói kinh « Hoa-Nghiêm », các bực tiểu-căn như đui như điếc. Ông Ưu-Ba-Ly đem tri như lửa đom-đóm đề xết, kết thêm tội cho hai thầy Bí-Sô. Chỉ có một pháp môn niệm Phật này, thượng-cơ hay hạ-căn cũng được gồm thân, vì đều thích-hợp ; khá gọi rằng : Như vị thuốc A-Dà chữa lành muôn chứng bệnh ; lò lớn đúc thành ngàn món đồ ; đầu không phai là cửa từ bi mở rộng, pháp phổ-độ không bỏ sót một căn-cơ nào ?

CHÚ-GIẢI : Như đui là : Đức Như-Lai lúc ở trong rừng Thệ-đa (76) diễn nói kinh « Đại-Hoa-Nghiêm », lúc ấy các bực Thượng-Đức Thịnh-Văn như các ông Thân-Tử, Mục-kiền-Liên v.v... lãnh-hội không nổi, dù như đui như điếc, không thấy không nghe chi cả (77) cho đến bực Tích-Hạnh Bồ-Tát còn nói là phơi mang (78). Đấy rõ biết rằng vị pháp-môn cao, đạo lý đại, mà căn-cơ thì tiểu,

Kết thêm tội là : Trong kinh Tịnh-Danh nói : Có hai thầy Bí-Sô phạm giới căn-bản, bằng trường-hợp vô-tâm đến phát lồ sám-hối ; Ông Ưu-Ba-Ly y luật tiêu-thừa để định tội, làm cho hai ông chẳng giải được lòng nghi (79), Ông Tịnh-Danh quả rằng : Ngài Ưu-Ba-Ly ! Ngài chớ đem pháp thường làm nhiễu-loạn tâm kia, chớ thêm tội cho hai thầy Bí-Sô ấy. Đức Vĩnh-Gia (80) phê-bình trí soi xét của Ngài Ưu-Ba-Ly như lửa đom-đóm, rằng đã không thể khai-ngộ chỗ mê lầm của hai ông, mà trở lại làm tăng thêm nữa. Đây rõ biết rằng vì pháp-môn thấp, mà căn-cơ thâm, giáo-lý lại thiện.

Ngoài ra như đem pháp Bất-tịnh-quán, làm trao cho anh thợ rèn, pháp sô-tức đem dạy cho người giữ mồ (81) không lợi ích chi cả. Chỗ lập môn kia, đây (Đại-thừa, Tiêu-thừa) cũng lại đều khác ; mà căn-cơ có cao, thấp, có lớn, nhỏ thế nó không hợp hết được. Chỉ có pháp môn niệm Phật này, đã có ba bậc, lại có chín phẩm, nên thấy đều độ thoát. Thấu trên người bậc thượng, thời ba tâm (82) tròn phát, để đi ngay vào quả « Vô-sanh ». Thấu dưới người bậc hạ, thì mười niệm thành công, cũng được sanh về nước kia vậy. Chính rằng : Không ngoài một pháp, mà khéo hợp các cơ. Những trang hào-kiệt khỏi bị cái xấu hổ bằng cách dẫn xuống, kẻ thường dân lại được sự lợi ích với lên, số là đối với pháp tri danh niệm Phật đây không có căn-cơ nào mà chẳng thấu ; nghĩa là : Gồm nhiếp hết các loài hữu tình ấy vậy.

A-Dà-Đà (83) là tên vị thuốc bên Tây-Vực, chỉ một vị thuốc ấy, có thể trị lành các chứng bệnh. Dụ như chỉ một pháp tri danh niệm Phật, mà rồi các bệnh : ngũ-dục, tam-độc, vô-lượng phiền-não, cho đến những bệnh cố-chấp chênh-lệch của tiêu-thừa ngoại đạo đều tiêu trừ tất cả.

Lò lớn là : Trong một lò lớn hầm đúc muôn món, đều thành đồ cả. Dụ như : Chỉ một pháp tri danh niệm Phật, tùy theo căn-cơ dầu lợi, dầu độn, là hạnh tu của mỗi người, chớ cũng đều được vắng-sanh về trong chín phẩm đều đặn bậc bất thối cả.

Rộng lớn là : Trong sách Châu-Dịch, quẻ kiền nói là Đại-sanh, quẻ khôn nói là Quảng-sanh. Nay pháp môn tri

danh niệm Phật không một chúng-sanh nào mà chẳng độ. Dụ như trời khắp che, đất khắp chở, đều nuôi gồm chứa cả muôn loài. Lòng chí từ không phân biệt lựa chọn, nên gọi là pháp « Phổ-Môn ».

CHÁNH-VĂN : Bấy : Vì hộ trì người tu-hành nhiều chương nạn đề khỏi bị sa-đọa là : Bởi đời mạt pháp rồi, nên người tu-hành hay mắc nhiều chương-nạn, nếu một phen thiếu chánh-kiến, liền sa ngã vào các đường tà. Nhờ nguyện lực oai-thần đức Phật kia gia-hộ cho người tn, ở trong hào-quang cao cả che chở, khỏi bị ma sự khuấy rối, và Phật Ngài hộ niệm cho mãi đến lúc Đạo thành. Cho nên biết rằng hễ chánh niệm phân minh, ma-vương không khuấy rối, ví như đồ hình con Bạch-Trạch từ quái, gương bán đẹp yêu (yêu không trốn đặng) (84).

CHÚ-GIẢI : Đa chương nạn là gì ? Người tu-hành trong khi ngồi thiền-định, quán-tưởng kích-phát, nên ngũ-ấm nó hay sanh ma-chương (85). Như trong kinh « Lăng-Nghiêm » có chỉ 50 thứ ma. Có câu : Không sanh tâm tưởng Thánh, gọi là Thiện-cảnh-giới ; bằng móng tâm tưởng Thánh liền mắc vào bọn tà. Nên biết hễ tâm chánh-kiến hơi kém, thì tà ma lừng lên, đã không ích mà lại còn bị tổn hại, muốn tấn lên trở lại sa xuống. Do đây, những kẻ căn-cơ thấp kém không dám học đạo (tham-thiền).

Thế mà nay đây người niệm Phật sẽ nhờ đại-nguyện, đại-lực của Phật nhiếp-thọ, hộ-trì cho. Oai thần của Phật không thể so lường, không có thiên-ma nào dám can-phạm đến, dầu có Ma-sự sắp đến rồi thì nó cũng tự tiêu-diệt.

Lại trong kinh nói : Người niệm Phật có Hào-quang của Phật soi vào mình, ánh sáng chung quanh cách bốn mươi dặm, nên ma không thể xâm-phạm được do vì nhờ sức Phật A-Di-Đà và mười phương Phật thường hộ-niệm, mãi từ ngày phát-tâm, cho đến khi thành Đạo, từ trước đến sau mỗi việc đều lành cả. Bởi do chánh niệm phân-minh, dầu ma có đến cũng dễ biết dễ trừ ; chẳng phải sánh như hạng người đắm ưa ngồi tịnh, chấp lấy cảnh không, trong tâm không tự chủ, gặp ma không biết, đề đến nổi nhập tâm ấy vậy.

Đồ hình Bạch-trạch và gương báu là : Dùng hai dụ đây để rõ ý rằng : Chẳng những chỉ nhờ sức hộ-trì của chư Phật, mà là cần nhờ sức niệm của mình nữa. Có con Thần thú (chúa yêu) tên Bạch-Trạch biết nói tiếng người rõ được tánh tình muôn vật, các tà-tinh hễ trông thấy bóng nó liền trốn mất. Nên nói : Nhà nào có đồ hình Bạch-Trạch, quyết không có các loài yêu quái như vậy.

Lại con tinh trên núi, con quỷ ngoài đồng, chúng nó có thể biến đủ thứ hình (86), để dối gạt mọi người, nhưng nó không thể biến hiện hay là tàng hình trước gương báu được. Dụ như người niệm Phật : hễ chánh niệm hiện tiền, trí-huệ sáng-suốt, tất cả thiên-ma, tâm-ma (87), đều không dám khuấy phá được.

CHÁNH-VĂN : Tám : Vì chính chỉ ngay nơi cái Tâm hữu-niệm, đặt chứng vào lý vô niệm là : Tâm vốn vô niệm, mà có niệm thì sai. Nhưng vì chúng-sanh từ vô-thỉ đến nay tập-quán vọng-tướng quá lâu đời, chưa dễ gì vội dứt liền đi được, nay dạy cho chúng niệm Phật, chính như : Lấy thuốc độc nọ để giải thuốc độc kia, và dùng binh ta để dẹp lui binh địch ; bệnh lành, giặc yên, cũng như thân hết bệnh, lại không có thân mạnh vào khác ; tức là : Nguyên kẻ giặc cướp chính là con ruột của nhà ta.

CHÚ-GIẢI : Trong « Khởi-Tín Luận » nói : Tâm vốn ly niệm, mà khởi niệm lên đề niệm Phật, đâu khởi tự làm khuấy rối lại tâm mình ư ? Trong « Phật-Tạng-Kinh » nói : Không cảm-giác không quán-niệm gọi là : Niệm Phật. Không nghĩ tưởng : Không nói năng gọi là niệm Phật, mà khởi niệm đề niệm Phật, đâu không trở lại trái với tâm Phật ? Nay đây bảo rằng : Bặt các niệm giác-quán (vọng-niệm), là thiết tướng niệm Phật, lý ấy rất đúng. Song tâm tuy ly-niệm, nhưng mà đã bị vô-minh nhiễm-ô tâm-thê, vọng-niệm nối chuyển, như chứng bệnh bảy năm (88), dân loạn lâu ngày, nên gọi tập-quán (thói quen). Nay muốn gắng-gượng dẫn ép khiến cho nó lập tức yên-tĩnh, thì ra dứt động về tịnh, càng dứt càng động. Dầu thô-niệm tam

ngừng, nhưng tế-niệm vẫn còn tíc-tắc. Thế mà nhận cho là phải, đâu chẳng lầm lẫn ư ?

Đã còn địa vị phàm-phu, chưa có thể dứt vọng-lự, quên duyên trần (89), đâu không ngay nơi duyên-lự ấy đề tấn-tu, cho nên dùng tâm niệm Phật đề tấn-công vọng-niệm : Niệm một tiếng Phật đã cải đổi được trăm ngàn muôn ức các tạp-niệm kia vậy. Huống chi vọng từ chơn khởi, như sóng do nước sanh ; tức niệm tức không, rõ-ràng bày nguyên bản-thể vô-niệm. Không phải ngoài vọng-niệm mà riêng đặt quả Bồ-Đề. Nên nói muôn pháp lường dối, chỉ là nhứt tâm, nếu ngộ được lý nhứt tâm, thì mất ngộ đâu cũng đều là Bồ-Đề cả.

Dụ như thân bệnh, khi lành rồi gọi đó là thân mạnh, dân loạn yên rồi gọi đó là lương dân, nếu bỏ vọng-niệm đề riêng tìm chơn tâm, thì bác nào thầy thuốc làm chết thân người bệnh rồi mới trị lành bệnh, và nhà chánh-trị toan giết cả nước rồi mới an-ninh cho dân, đâu có lẽ vậy ư ?

CHÁNH-VẤN : Chín : Vì cách chỉ dạy rất khéo là như cầu văng-sanh mà thiết ra là ngộ lý vô-sanh bực thất-địa Bồ-Tát vừa gọi là đặc cái hiện-tượng vô-sanh-nhãn, bực Bát-địa mới đặt lý vô-sanh. Nếu muốn diệt gấp sự hữu-sanh đề cầu lý vô-sanh, càng cầu càng xa. Nay phải dùng pháp cầu-sanh Tịnh-độ mới ngộ được lý vô-sanh, vào chỗ có, mà được chỗ không, tức nơi phàm thành bực Thánh, khá gọi rằng : « Lời hay thấu đạo lý, thuốc quý đời xác tiên ».

CHÚ GIẢI : Vừa hiện tượng là : Như trong kinh Hoa-Nghiêm nói : Mười địa, địa nào cũng đều có nói rằng đặt vô-sanh ; nhưng chánh-thức là về bực Bát-địa mới thiết đặt, còn Thất-địa chỉ nói là Tịnh-vô-lượng, thân, khẩu, ý mới đặt Vô-sanh pháp-nhãn Quang-minh.

Lời sơ giải-thích văn trên của kinh ấy lại nói : Bát-địa Bồ-Tát mới chính thức đặt Vô-sanh pháp-nhãn. Chứ đối với « Vô-sanh pháp-nhãn của kinh kia, thì, ở đây bực thất-địa Bồ-Tát là mới được cái minh-tượng của « Pháp-nhãn » nó hiện-tiền, chứ thực ra là chưa thiết đặt. Như lời sơ trong Quán-

kinh nói : Vô-sanh tức thuộc bậc sơ-trụ, ý lược đồng như đây. Nhấn đến Bát-địa, là tất cả những điều phân biệt của Tâm-ý và Ý-thức, mới gọi là thiết được bậc vô-sanh pháp-nhãn. Vậy nên biết : Với quả vô-sanh-nhãn, bậc Thánh như thất-địa còn khó được, huống chi là chúng phàm ư ? !

Càng xa là : Nhàm chán sự sanh sống là khổ, vội muốn kíp diệt cái có sanh sống đó để về nơi cái không sanh, nhưng cái diệt đó nó không phải chơn diệt, thì chỉ thêm hoài công phọc-nhãn, rồi rồi thành ra trôi lẩn trở lại. Tỷ như cái định nghiệp làm trâu chưa hết, dầu phá cho hư cái xe ngựa... chủ lại sắm nữa, lời xưa đã dụ rõ thế.

Kinh này nói : Chuyên lòng niệm Phật, phát nguyện vãng-sanh, đã sanh về nước kia rồi, hoa nở thấy Phật, tự biết được bản tâm của mình vốn là không sanh, thì dầu có phương-tiện cầu sanh cũng chẳng ngại gì ? — Nên có câu : Tung-bừng cầu sanh, mà không hề trái với lý vô-sanh ; trọn ngày nguyện sanh mà tâm vẫn chưa từng sanh thế mới gọi là thiết được quả vô-sanh.

Do nơi hữu-sanh mà tỏ được lý vô-sanh, nên nói vào chỗ có, mà đừng chỗ không ; có sanh là thuộc về phàm-phu, nhưng nhờ có sanh mới chứng được quả vô-sanh, nên nói : Từ nơi phàm thành được Thánh. Tới đường về nhà, tiếm siêu mật độ, (ai đi nấy đến bằng một cách ngầm kín), khó nghĩ khó bàn, nên nói : Lời hay thấu lý đạo ; bỗng chốc đổi dời, như : Từ nơi đất bằng, bay lên cảnh tiên, người thường dần trở thành người sang cả, nên nói : Thuốc quý đổi xác tiên. Thế mà bỏ lời hay (lời Phật dạy niệm Phật), chấp lấy lời lường, bỏ vị thuốc tiên mà uống lấy thuốc độc, há chẳng đáng thương lắm ru ?

CHÁNH-VĂN : Mười : Vì chỉ rõ đường tắt tu hành, lại đường tắt trong đường tắt.

Đây có hai nghĩa : Nghĩa thứ nhất là các môn học đạo, muôn dặm xa xuôi ; còn niệm Phật vãng-sanh, xưa kêu là đường tắt. Song, một pháp niệm Phật lại có nhiều môn. Nay pháp trì-danh đây thiết

là trong đường tắt, tắt mà càng tắt. Ví như : Chim Hạc tung mình, đâu kịp Đại-Bằng cất cánh, ngựa Ký ruidi vó, đâu bằng Rồng chúa vươn bay, không gặp không đi mà mau, mà đến, là tắt trong đường tắt vậy.

CHÚ-GIẢI : Hai nghĩa ấy : 1) So sánh với nhiều môn tịnh-nghiệp. 2) Là lựa kinh Tiểu-bồn, để riêng biệt với kinh Đại-bồn giữa Bồn-Bộ, nên nói đường tắt trong đường tắt. Đường tắt là gì ? — Tức là con đường ngắn đi bằng ngang mau đến, gọi là tắt. Đường ngắn là ví dụ pháp môn niệm Phật, sức làm rất dễ-dàng ; mau đến là ví dụ niệm Phật công thành rất mau chóng.

Ngài Thiên-Đạo Đại-sur có làm bài kệ nói : « Duy có đường tắt tu hành là chỉ niệm A-Di-Đà Phật, thế thôi ». — Nên nói : Tu các môn khác, gọi là : Dọc ra ba cõi, còn niệm Phật cầu vãng-sanh, kêu là ngang ra ba cõi. Dụ như con kiến hay con mọt chẳng hạn, ở trong cây tre, đục bề dọc thì phải trải qua từng mắt, từng lóng khó thông, đục bề ngang thì một lỗ thấu phủng ra ngoài liền. Thế đem các môn tu khác so với môn tu niệm Phật này, thì, pháp-môn niệm Phật rất là mau kết-quả hơn cũng như thế.

Song pháp-môn niệm-Phật lại còn chia ra làm nhiều môn như trong văn sau sẽ giải : Tứ Thật-tướng niệm-Phật, có bốn món, cho đến muôn hạnh hồi-hương v.v...

Vời tánh « Phật Thật-tướng », dầu rằng mỗi người sẵn có. Nhưng vì chúng-sanh phần nhiều bị nghiệp-chướng quá nặng, số người tỏ ngộ được tánh Phật ấy thì chỉ phần ít, nên sau đây kê ra vài môn, như : Tu pháp niệm-Phật bằng cách « Quán-tướng-Phật » đến lúc cất tượng đi, hoặc khi chẳng có tượng trước mắt, thì lại không thấy cái như tu ấy, thành ra gián đoạn. Tu pháp niệm-Phật bằng cách « Quán tướng » thì tâm thô cảnh tế, diệu-quán khó thành. Tu pháp niệm-Phật bằng cách làm muôn hạnh thì sự làm quá ư bề-bộn, chỉ cho khỏi nặng đầu sa đầy.

Duy có một pháp niệm-Phật bằng cách tri-danh đây là tiện lợi thẳng tắt. Hễ niệm Phật được nối liền, liền được vãng-

sanh. Cồ-Đức đã nói : Miễn được thấy Phật A-Di-Đà, lo gì không tỏ ngộ « Tánh Phật Thật-Tướng ». Thế là không mong cầu ông « Phật Thật-Tướng » mà ông « Phật Thật-Tướng » hiện bày rõ rệt. Nên pháp-môn niệm Phật là đường tắt của pháp tu-hành, mà pháp tri-danh lại là đường tắt trong pháp niệm Phật vậy.

Chim Hạc liệng đã hơn chim thường, mà đầu bằng chim Đại-Bằng một phen cất cánh ; ngựa Ký ruồi dong tuy hay hơn ngựa khác nhưng đầu kịp rờng bay. Hai vật trên đều dụ pháp niệm Phật, hai vật dưới đều dụ pháp tri-danh niệm Phật vậy.

« Chẳng mau chẳng đi » là, trong kinh dịch lời hệ từ nói : Lý của kinh-dịch, không suy-nghĩ không tạo làm, là cái lẽ vắng lặng không lay động hễ có cảm là liền thông-suốt cả trong thiên-hạ, nếu chẳng phải bậc tri-thần trong thiên-hạ thì ai mà dự biết việc đây ? Duy có bậc Chí-Thần mà thôi, vì bậc Chí-Thần không gấp mà mau chóng, và không đi mà đến liền. Ý nói gấp rồi mới mau, đi rồi mới đến là cái vật tầm thường.

Thề xú quẻ cỏ thi là vắng vắng-lặng, không suy-nghĩ không tạo làm, nhưng hễ có cảm liền thông, thế mới gọi không gấp mà mau, không đi mà đến ; có cái hay màu-nhiệm hơn muôn vật, nên gọi là Chí-Thần. Dẫn lời Kinh-Dịch đây để chỉ rõ : Các pháp-môn niệm Phật, tuy đồng nói vắng-sanh, nhưng vì sức tu hơi khó hơn, và thời gian cũng lâu hơn, thế là tỷ phải đi gấp, mới đến mới mau được. Tu pháp tri-danh niệm Phật này thì không kể năm, tháng, không luận nhiều công, miễn niệm làm sao chỉ trong bảy ngày cho được nhứt-tâm, liền sanh về nước kia, chẳng biết sao mà lẽ thần-diệu hay đến tốt bậc như thế này !

Nên lời « sao » trong Phẩm Phổ-Hiền Hạnh-Nguyện có nói : Trong Đại-Tạng có trên cả mấy bốn, hoặc Kinh, hoặc Luận, cũng đều nói cái tu nhân niệm Phật. Song đều dạy phải siêng tu, chứa công bồi đức cho nhiều, mới được vắng-sanh. Kinh này chỉ dạy tri danh hiệu được nhứt-tâm, liền lên bậc bất-thối, đâu không phải tắt mà lại tắt sao ?

CHÁNH-VĂN : Nghĩa thứ nhì là trong « Vô-lượng-thọ » kể nhiều y báo, chánh-báo, chép đủ các pháp tu-trì. Nay kinh Di-Đà đây chọn chỗ giản-tiện, bỏ chỗ phiền-phức, lấy chỗ tóm-tắt, bao gồm chỗ sâu rộng, không nói chi khác, chỉ dạy pháp tri-danh, miễn sao niệm được nhất-tâm, là liền sanh nước Cực-Lạc. Nên nói : Giản-dị càng giản-dị, nhiệm-mầu càng nhiệm-mầu, đường tắt trong đường tắt vậy.

CHÚ-GIẢI : Với kinh « Vô-lượng-thọ » sẽ thấy rõ trong hai môn « Bộ-Loại » và « Dịch-Thích », bởi đối với kinh này, nên người đời kêu kinh kia là Đại-Bồn, vì bộ tuy đồng nhưng rộng, hẹp có khác nhau. Kinh kia vì người ưa rộng. Phật nói rộng ; kinh này vì người ưa hẹp. Phật nói hẹp. Nhưng lời tuy tóm-tắt mà lý rất rõ-ràng, sự dầu đơn-sơ, mà công được bội-thăng. Như trong kinh Đại-Bồn rộng luận việc làm các điều phước thiện, còn kinh này chỉ nói hễ chấp tri danh-hiệu, tức là đa-phước, đa-thiện. Kinh Đại-Bồn còn phân ba bậc ; mà kinh này nói, hễ được sanh về nước kia, đều được bậc « Bất-thối-chuyển » nơi quả Bồ Đề. Thế nên pháp tri-danh niệm Phật, chẳng những là chỗ thiết-yếu trong các pháp-môn niệm Phật, mà chính là chỗ rất thiết-yếu trong bộ kinh Di-Đà này. Nên nói : Pháp, trong các pháp thậm thâm vi-diệu, pháp nhiệm-mầu trong các pháp nhiệm-mầu, đường tắt trong những con đường tắt ấy vậy.

CHÁNH-VĂN : Như trên trong khoa Biệt nói mười nghĩa, lại lấy chín nghĩa trước là Thông (chung), một nghĩa sau là Biệt (riêng). Gồm luôn cả nghĩa của phần Tổng văn trước đề làm Sở nhơn lập giáo của kinh này.

CHÚ-GIẢI : Thông là : Những kinh chung cùng nói rõ về pháp-môn Tịnh-Độ, đều vì đồng một nhơn đây. Biệt là : Riêng chỉ nói rõ về kinh này, chú trọng pháp tri-danh, do vì dùng pháp tri-danh làm nguyên nhơn. Tổng là : Tức như văn trước tóm nói rõ tất cả các kinh, đều vì một đại-sự làm nguyên-nhơn.

Còn nói về cái ý mà Phật Thích-Ca. Ngài nói ra kinh này là cốt vì : 1) Đề dạy chúng-sanh niệm Phật ; 2) Đề dạy

chúng-sanh tri-danh niệm Phật; 3) Để dạy chúng sanh niệm Phật bằng cách tri-danh mà được vào tri-kiến của Phật, cho rõ nhứt tâm bất loạn, đây là một đại-sự mà thôi; vậy nên đây hiệp lại ba cốt yếu trên để làm chỗ sở nhơn lập-giáo của bộ kinh này.

TẠNG-GIÁO ĐẲNG NHIẾP (phân ra làm ba phần) :

- 1.- Tạng-nhiếp. Kinh này thuộc về tạng nào ?
- 2.- Giáo-nhiếp. Kinh này thuộc về giáo nào ?
- 3.- Phần-nhiếp. Kinh này thuộc về phần nào ?

1.- TẠNG-NHIẾP

CHÁNH-VẤN : Đã biết Phật nói kinh này có nguyên nhân như thế ; nhưng chưa biết kinh đây đối trong : Phần Tạng-Giáo nó thuộc về đâu ?

Nói về Tạng có hai : 1.- Tam-Tạng ; 2.- Nhị-Tạng.

Trước nói : 1. Tam-Tạng là :

- a) Tạng Tu-Đa-La.
- b) Tạng Tỳ-Nại-Da.
- c) Tạng A-Tỳ-Đạt-Ma.

Nay kinh đây (Di-Đà) thuộc về Tạng Tu-Đa-La. Bởi các kinh cũng đều có thân thuộc lẫn nhau, nhưng kinh Di-Đà đây không phải như các kinh kia.

CHÚ-GIẢI : Tiếng Phạm nói : Tu-Đa-La. Tàu dịch : Khế-Kinh, tức là Tạng-Kinh, sẽ giải thấy trong đề-mục văn sau. Tỳ-Nại-Da, Tàu dịch là « Điều-Phục », tức là Tạng-Luật. A-Tỳ-Đạt-Ma, Tàu dịch là : « Đối-Pháp », tức là Tạng-Luận.

Hai tạng trên đều có nhiều nghĩa, ở đây không cần lắm, nên không dẫn giải. Thuộc về Tu-Đa-La là ở trong ba tạng : Kinh, Luật, Luận, mà Kinh Di-Đà đây thuộc về tạng kinh.

« Lẫn thuộc nhau » là như kinh Hoa-Nghiêm thuộc về tạng kinh mà gồm cả tạng Luật và Luận, vì trong các phẩm

thập tạng nói rõ về việc Giới-Luật ; còn các phẩm Văn-Minh nói rõ về Luận-nghị. Kinh Phạm-Võng thuộc về Tạng-Luật mà gồm cả Tạng-Kinh, vì phần trên của phẩm Tâm-Địa rộng nói ngôi bậc của các vị Bồ-Tát. Còn kinh khác so theo đây nên biết.

Kinh đây đã chẳng gồm Giới-Luật lại cũng không kiêm luận-nghị, vì từ đầu chỉ cuối, chuyên nói về pháp-môn niệm Phật, cầu sanh Tịnh-Độ, nên nói kinh đây, không phải như các kinh kia.

CHÁNH-VĂN : Nhị-Tạng là :

a) Bồ-Tát tạng.

b) Thỉnh-văn tạng.

Nay kinh Di-Đà đây thuộc về Bồ-Tát tạng ; các kinh cũng có lẫn thuộc nhau ; nhưng kinh đây không phải như các kinh kia.

CHÚ-GIẢI : Tạng Bồ-Tát và Tạng Thỉnh-Văn sẽ thấy rõ trong phần « Thích-Văn » sau có giải. Tạng mà phân làm hai là do vì tạng kinh có Đại-thừa, Tiểu-thừa, nên phân ra làm hai hạng đề thâu thuộc, đó là pháp ; nếu ước về người thì có ba bậc (tam-thừa), cũng phải phân ra ba tạng, vì bậc người Duyên-Giác, phần nhiều chẳng nương nơi kinh giáo nên gồm trong bậc người Thỉnh-Văn, cho nên chỉ có hai tạng.

Nay thuộc về Bồ-Tát tạng, là vì kinh đây diễn nói pháp Đại-thừa, như : y-báo, chánh-báo đều trang-nghiêm, tín, nguyện vãng-sanh v.v... tất cả đều là hạnh tự-lợi, lợi tha, là bốn phận của Bồ-Tát, đề giáo-hóa chúng-sanh, làm cho cõi Phật được thanh-tịnh.

Lẫn thuộc là : Như kinh Hoa-Nghiêm thuộc về tạng Bồ-Tát, cũng gồm cả Thỉnh-Văn tạng, vì kinh kia bao hàm tất cả các bậc. Kinh Di-Đà đây bậc nhị-thừa chẳng dặng vãng-sanh (cõi Tịnh-độ) nên nói không phải như các kinh kia.

Có người hỏi : Thế sao trong văn-kinh nói : Đức Phật Di-Đà kia có chúng đệ-tử Thỉnh-Văn ?

Đáp : Đây chỉ tạm có, chờ rớt thì không, đến sau trong « Thích-Văn » sẽ biện rành.

Lại hỏi : Chán bỏ cảnh khổ, tìm về cảnh vui, dường như riêng về phần tự-lợi, đâu phải hạnh Bồ-Tát ?

Đáp : Cầu sanh về Tịnh-Độ, chính là để thấy Phật nghe pháp, đặng vô-sanh-nhẫn rồi, trở lại cõi này cứu khổ chúng-sanh ấy là hạnh Bồ-Tát, chứ không phải cái đạo của Thinh-Văn, như trong bộ Thập-Nghi-Luận, Ngài Thiên-Thái đã nói.

2. - GIÁO - NHIẾP

CHÁNH-VĂN : Giáo là : Y theo Ngài Hiền-Thê định phân giáo pháp có năm phần là : Tiểu, Thi, Chung, Đốn và Viên. Nay kinh Di-Đã đây thuộc về Đốn-Giáo, mà cũng gồm cả hai giáo trước là Chung và Viên.

CHÚ-GIẢI : Năm giáo là : 1. - Tiểu-thừa giáo :

Nói pháp chỉ chuyên nói « Nhơn-Không », (91) dầu có luận nói « Pháp-Không » chút ít, nhưng cũng chẳng mấy rõ-ràng ; vì y nơi lục thức, tam độc để thành lập cái căn bản Nhiễm, Tịnh, (92) nên chưa tột thấu nguồn gốc của « Pháp-Không » (93).

2. - Đại-thừa Thi-giáo : Do thời thứ hai chỉ nói « Pháp-Không » thời thứ ba nói cả ba thừa, nhưng không hứa định tánh « Xiển-Đề » (94) được thành Phật, là lời thuyết pháp chưa tột chỗ cực điểm của bậc Đại-thừa, nên gọi là : Thi-giáo. Trong đó có người thành Phật, có người không thành Phật, nên lại gọi là : Phần-giáo. Với chỗ nói thi, phần nhiều nói về Pháp-tướng, ít luận đến pháp tánh. Dầu có nói tánh, cũng còn là con số tương. Bởi y nơi tám thức sanh diệt để kiến-lập ra các nghĩa loại có nguyên-nhơn : Sanh-tử và Niết-bàn.

3. - Đại-thừa Chung-giáo : Do chỉ ra lý diệu-hữu của Trung-Đạo, nên nói định tánh « Xiển-đề » đều sẽ thành Phật, mới nói tột chỗ cực điểm của Đại-thừa, nên gọi là :

Chung-giáo ; vì đúng với thật-lý, nên lại gọi là « Thật-giáo ». Với chỗ nói thì phần nhiều luận về pháp-tánh, ít luận đến Pháp-tướng. Dầu có nói đến « tướng » đi nữa, nhưng cũng hội về « tánh ». Bởi căn-cứ nơi Như-Lai-Tạng tánh nó tùy theo vọng-duyên của tám thức, để thành lập ra các nghĩa.

4. - Đốn-giáo : Giáo này hoàn-toàn không nói đến pháp-tướng chỉ nói rỗng về Chơn-tánh, hễ là nhứt-niệm bất-sanh tức gọi là Phật chứ không trải qua thứ lớp từng bậc gì nữa.

5. - Viên-giáo : Giáo này thống-nhứt cả bốn giáo trước, sự lý hoàn-toàn trọn vẹn. Bởi lập trường lý-luận như thế này : Pháp-giới nhiều vô cùng tận, biên tánh trọn vẹn hợp hòa, không ngăn ngại nhau, với nhơn-duyên sanh khởi vì một tức tất cả ; tất cả tức một, tướng tức tánh, tánh tức tướng, tánh tướng nhiếp lẫn nhau. Như cái lưới ngọc (95) của trời Phạm-Vương mỗi ảnh chiếu trùng nhau thay nhau làm chủ-quan, khách-quan bằng cách nhiều đến vô cùng vô-tận.

Năm giáo nói trên rõ như trong lời Huyền-Đàm kinh Hoa-Nghiêm đây sợ nhiều không dẫn.

Kinh này thuộc về « Đốn-Giáo ». Trong môn nghĩa-lý sau có giải.

Cũng gồm cả trước sau hai giáo là trước thông « Chung-giáo » bởi do tất cả chúng-sanh niệm Phật dù là định-tánh Xiển-Đề đều sẽ làm Phật.

Sau gồm « Viên-giáo » là cũng trong môn nghĩa lý có giải.

3. - PHẦN - NHIẾP

CHÁNH-VĂN : Phần là mười hai phần giáo. Như : phần Tu-Đa-La ; phần Kỳ-Dạ v.v... Nay kinh này thuộc về hai phần : Tu-Đa-La và Ưu-Đà-Na.

CHÚ-GIẢI : Phần là từng phần, bởi vì nhứt-đời thời-giáo của Phật có chia ra từng phần, đều có chỗ sở-thuộc.

« Kỳ-dạ » Tàu dịch « Trùng-tụng ». Ưu-Đà-Na Tàu dịch « Vô-vấn-tự-thuyết » trong 12 bộ, đây sợ nhiều, không dẫn (96).

Nói thuộc hai phần: 1.- Thuộc phần « Tu-Đa-La » vì là Khế kinh, 2.- Thuộc phần « Ưu-Đà-Na » vì là không đợi ai thừa thỉnh mà Đức Phật Ngài tự kêu ông Thân-Tử và chúng hội nói cho nghe.

NGHĨA LÝ THÂM QUẢNG (phân ra làm ba phần) :

- 1.- **Nhiếp-đốn.** (Gồm cả Đốn-giáo).
- 2.- **Phản-viễn.** (Gồm một phần Viễn-giáo).
- 3.- **Bàng-thông.** (Lan rộng các giáo).

1. - NHIẾP - ĐỐN

CHÁNH-VĂN : Đã biết rằng kinh này thuộc về « Đốn-giáo » và có ít phần thuộc về « Viễn-giáo » ; chứ chưa biết nghĩa lý hoàn-toàn như thế nào.

Trước nói kinh này thuộc về « Đốn-giáo » đó, số là bảo : « Pháp-trì-danh » liền « được vãng-sanh, mau siêu, chóng chứng », vì không quanh-co, (lâu dài, chậm trễ) nên kinh Di-Đà chính thuộc « Đốn-giáo ».

CHÚ-GIẢI : Chính thuộc nghĩa « Đốn » là : Vì tất cả kẻ phàm muốn chứng lên bậc Thánh, sự đó rất khó lắm ! Vì đường đạo lý quá xa. Nay chỉ có một « pháp trì danh » liền đăng vãng-sanh, đã vãng-sanh rồi, tức thì đăng bậc « Bất-thối ». Khá gọi rằng : Đời chỉ trọn thành, một đời đăng xong. Vì như đem ngôi báu trao ngay cho kẻ thường dân, chẳng trải qua giai-cấp và cũng không phải như lối vòng do của Tiệm-giáo, thì đâu sánh kịp, nên gọi kinh này thuộc về nghĩa « Đốn ».

CHÁNH-VĂN : Hoặc có người hỏi thắc-mắc rằng : Kinh này « Đốn-giáo » là tâm không sanh một niệm gì hết, tức gọi là Phật. Như năm pháp, ba tự-tánh đều không tám thức, hai món vô ngã đều trừ. Thế mà nay « Pháp trì danh niệm Phật » đây thì lại có niệm ; đã có niệm : thế nào gọi là « đốn » được ?

Đáp : Do nhứt tâm bất loạn, chính gọi là vô-niệm ; nếu còn có niệm, chẳng gọi là nhứt tâm, nhưng đã được nhứt tâm rồi, thì pháp nào là pháp chẳng vắng-lặng ?

CHỮ-GIẢI : Năm pháp là : 1.- Danh ; 2.- Tướng ; 3.- Vọng-tướng ; 4.- Chánh-trí ; 5.- Như-như (97).

Ba tự-tánh là : 1.- Danh-tướng : là tánh biến kế-chấp, 2.- Vọng-tướng : là tánh duyên tha khởi. 3.- Chánh-trí như-như : là tánh viên thành-thật (98).

Bát-thức là : A-lại-da, Mat-na và sáu thức ; (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) hiệp thành tám thức.

Hai vô-ngã là : Nhơn vô-ngã và pháp vô-ngã (99).

Sắp về trước, cũng đều thuộc vào trong năm pháp cả. Rõ thấy trong kinh Lăng-Già và các kinh, đều không, đều trừ, cả năm pháp ấy có chỗ gọi rằng : Thân Phật là vô-vi (không hình tướng) không mắc vào các con số, gọi là Phật Thân. Một niệm không sanh, tức gọi là Tâm-Pật ; ấy là tôn-chỉ của « Đốn-Giáo ». Nay nói niệm Phật, thời niệm hiệu Phật, thuộc về Danh, còn đối thân Phật, thuộc về Tướng, nhờ niệm Phật kia, thuộc về Vọng-tướng. Dầu cho tịnh niệm nối nhau, được vào pháp « Tam-ma-Địa » (chánh-định) đi nữa ; nhưng cũng còn thuộc về danh-từ « Chánh-trí như-như ».

Vả lại phân biệt là Phật, thuộc về thức-tinh. Năng-niệm là **Tâm**, sở-niệm là **Cảnh**, thuộc về Nhơn và Pháp ; thế còn chưa trừ được tướng hữu-ngã, huống là với tướng vô-ngã, lẽ nào trừ được ư ?

Chỗ không, chỗ trừ của « Đốn-Giáo » kinh này đều có cả. Do vì chỗ có niệm, cho nên họ thắc mắc là chưa phải « Đốn » ; chớ đây chính bảo là vô-niệm kia mà ! Bởi do nhứt-tâm bất-loạn ; thời chẳng chấp có tâm đề niệm ; chẳng chấp không tâm đề niệm ; chẳng chấp cái tâm bằng cũng có cũng không đề niệm ; và chẳng chấp cái tâm bằng chẳng phải có chẳng phải không đề niệm. Vậy thử hỏi lia bốn câu ấy ra, lại có gì là niệm. Thế thì tuy gọi rằng niệm Phật, chớ vẫn niệm mà vô-niệm vậy. Niệm mà vô-niệm, thế mới gọi là nhứt-tâm. Cái tâm như thế tâm nó cũng không tâm nữa kia, chỉ cưỡng kêu là nhứt, chứ thật ra tướng Nhứt cũng còn không, đâu tìm được những con số mà người bảo : 5, 3, 8, 2. — Thế thời lý nhứt-tâm bất-loạn đây, chẳng khác nào « nhứt-niệm bất-sanh » đâu nên nói kinh này chẳng phải là « Đốn » ?

2.- PHẦN VIÊN

CHÁNH-VĂN : Một phần thuộc « Viên-giáo » là lập-trường của Viên-giáo, vì trong bốn món pháp-giới, ba món trước chung lẫn cả các giáo, một món sau riêng thuộc về Viên-giáo. Nay kinh này : Viên-giáo toàn-nhiếp, nó có một phần nhiếp thuộc về Viên-giáo. Bởi vì nó chỉ có ít phần Viên-giáo, nên gọi thuộc « Phần Viên ».

CHÚ-GIẢI : Bốn pháp giới là : 1. - Sự pháp-giới ; 2. - Lý pháp-giới ; 3. - Sự-lý vô ngại pháp-giới. Với ba pháp giới này các kinh đều có ; 4. - Sự-sự vô-ngại pháp-giới (100) đây, thì đặc-biệt nhất là riêng một kinh Hoa-Nghiêm có thôi, nên gọi là « Nhứt-thừa Biệt-giáo », Sự và Lý vô-ngại thì đồng với « Đốn » và « Chung ». Còn sự-sự vô-ngại thì chẳng đồng hai giáo kia (đốn và chung) vì riêng ngoài nhứt-thừa trong « đồng-giáo » kia, nên gọi là « Biệt » (riêng) chứ không phải biệt là « Biệt-giáo » trong bốn giáo : Tạng, Thông, Biệt, Viên (101).

Nay kinh Di-Đà đây có một phần thuộc Viên-giáo là do kinh Hoa-Nghiêm thì hoàn-toàn là Viên-giáo ; còn kinh Di-Đà đây, chỉ có ít phần thuộc Viên-giáo. Đối với phần ít ấy, xin sơ-lược kể nói ra có 10 nghĩa :

1. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : cả trong khí giới, từ mây bụi, mây lông đến một vật hữu hình, vô-hình đều diễn nói pháp-âm mâu-diệu. Kinh Di-Đà nói : Nước, chim, cây, rừng đều rao pháp « Ngũ-căn », « Ngũ-lực », « Thất-giác-chi », « Bát-thánh-đạo » các pháp-môn (sẽ rõ ở sau).

2. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Trong mây vi-trần đủ cả mười phương-pháp-giới huy-hoàng vô-tận. Đây thì như trong kinh Di-Đà-Đại-Bồ-nh nói : Với trong một cây « Bảo-Thọ », thấy 10 phương cõi Phật như bóng trong gương.

3. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Chẳng hề cử-động ra khỏi chốn « Tịch-diệt đạo-tràng », mà đã đi khắp pháp-giới, nên nói thể-tướng vẫn yên-lặng như xưa, vốn không hành-động chút gì sai khác, thể mà các pháp-giới nhiều như số vô-đẳng vô-lượng, đều đã đi khắp tất cả. Đây thì như trong kinh Di-Đà-Đại-Bồ-nh nói : Đức Phật A-Di-Đà vẫn thường ở tại cảnh Tây-phương tịnh-độ, mà cũng có ở khắp cả cõi trong mười phương.

4. - Kinh Hoa-Nghiêm nói lời ví dụ rằng : « Cây thuốc chùa » (102) nếu ai thấy cây ấy, mắt được thanh-tịnh, cho đến nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cả sáu căn, không căn nào mà chẳng thanh-tịnh. Chúng-sanh thấy Phật cũng lại như thế, là do thấy đức Phật Viên-Giác, (103) nghe pháp Phổ-môn nhờ thần-lực, sáu căn mới được thanh-tịnh vậy.

Kinh Di Đà nói : Đức Phật A-Di-Đà ngồi nơi cây « Bảo-Thọ » đạo-tràng, với cây báu ấy kẻ thấy, người nghe, sáu căn đều được thanh-tịnh.

5. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Chúng-sanh trong tám nạn, (104) đều siêu lên bậc Thập-địa, kinh Di-Đà nói : Các chúng-sanh trong Địa-ngục, Ngạ-quỉ Súc-sanh, hễ có niệm Phật đều được vãng-sanh.

6. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Một tức tất cả, nên đức Như-Lai có thể đối với một thân, đề hiện ra nhiều đầu bằng số « vi-trần », ở trong nhiều cõi Phật bằng số « bất-khả-thuyết », trong mỗi một cái đầu, hiện ra vô số lưỡi, trong mỗi mỗi lưỡi thốt ra vô số tiếng tăm, cho đến nào văn, tự, câu, nghĩa đầy cả pháp-giới. Kinh Di-Đà thời như trong Đại-Bồ-ni nói : Nước Cực-Lạc kia có vô-lượng hoa báu, trong mỗi đóa hoa phóng ra ba mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn ánh quang-minh ; trong mỗi quang-minh hiện ra 36 ức na-do-tha trăm ngàn thân Phật, khắp vì mười phương chúng-sanh để thuyết tất cả pháp.

7. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Đức Lô-Xá-Na, Đức Thích-Ca đều hiện ra hai tướng : Thắng-ứng thân, và Liệt-ứng thân (105). Đây thì như trong Quán-Kinh nói : Đức Phật A-Di-Đà hiện thân cao lớn bằng số 60 muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần ; mà lại thấy thân Liệt-ứng bằng một trượng sáu thước trên « Ao bát công-đức thủy » (sẽ giải rõ ở sau).

8. - Kinh Hoa-Nghiêm nói : Đức Lô-Xá-Na Phật làm Giáo-chủ. Đây thời như Ngài Thanh-Lương nói : Đức Phật A-Di-Đà tức là Đức Bồ-ni Lô-Xá-Na.

9.- Kinh Hoa-Nghiêm nói : Kinh Hoa-Nghiêm là kinh « Đại Bất Tư-Nghì » còn kinh Tịnh-Danh và các kinh là « Tiểu-Bất Tư-Nghì » mà kinh Di-Đà thì lại là kinh « Bất-khả Tư-Nghì công-đức » vậy thôi, chứ chẳng phải là « Tiểu hay Đại » gì!

10.- Lập trường của kinh Hoa-Nghiêm là nói : Chính nơi tâm phàm-phu để thành ngay trí bất-động của chư Phật. Kinh Di-Đà đây nói : Không ngoài pháp niệm Phật bằng cách xưng-danh mà được Phật hiện tiền. Thế thì kinh Di-Đà bằng bậc với kinh Tịnh-Danh và các kinh... đồng một loại với kinh Hoa-Nghiêm.

Vì Viên-giáo trọn thân kinh này (Di-Đà). Kinh này một phần thuộc Viên-giáo, bởi do nghĩa có ít phần thuộc Viên-giáo, nên mới gọi là « Phần-viên ».

3.— BẢNG THÔNG (phân ra làm hai phần) :

1.- Quán-kinh.

2.- Chư-kinh.

QUÁN - KINH

CHÁNH-VĂN : Trước nói kinh này thông-đồng với kinh « Thập-Lục-Quán » đó là bởi có người chấp rằng : 16 pháp quán gọi là Định-Thiền, với chấp-tri danh hiệu gọi là Tán-Thiền. Nay vì lẽ thông-đồng mà nói, thì trong đây có hai nghĩa : 1.- Tổng ; 2.-Biệt.

Trước nói Tổng là Kinh Thập-Lục-Quán cả 16 pháp diệu-quán, đều chủ về lý nhứt-tâm. Kinh Di-Đà đây trọng về lý nhứt-tâm, chính hiệp với ý kinh kia. Vì kinh kia nhứt-tâm tác-quán, kinh này nhứt-tâm xưng-danh ; thế đều đồng với cả hai đồng qui về LÝ NHỨT-TÂM, mà lại tán dương kinh kia, dẫn ép kinh này. Rõ như trong lời Sớ Ngài Tịnh-Giác đã nói...

CHÚ-GIẢI : Bảng-thông là, không phân biệt Đốn-giáo hay Viên-giáo, chỉ lấy nghĩa-lý thông đồng nhau giữa các kinh Đại-thừa mà thôi. Do vì kinh Thập-lục-Quán là kinh chuyên-môn nói về Tịnh-Độ, nên dẫn đề nói trước.

Định-Thiện, Tán-Thiện là : Ngài Cồ-Sơn phân-phán ra, cho 16 pháp-quán là Định-Thiện. Đối với kinh đây pháp tri-danh cho là Tán-Thiện (106), chứ đây bảo rằng : « Nhứt-tâm bất-loạn » có sự, có lý, chính nơi « Sự nhứt-tâm » đã chẳng phải hoàn-toàn Tán-Thiện thay, huống chi là « Lý-nhứt ».

Chính hiệp với ý kia, là kinh kia dạy tu 3 pháp-quán như vậy : Tâm quán không tức không, quán giả tức giả, quán trung tức trung, vượt hẳn lớp lang thế là đặc « Tam-quán nhứt-tâm ». Kinh Di-Đà này dạy tu niệm Phật bằng cách « chấp-tri danh-hiệu » đến khi định cái « Nhứt-tâm bất-loạn », thì cả năng-tri, sở-tri, đều không thể có, đó gọi là « Không-quán » ; Chính đương lúc không mà năng, sở rõ ràng, đó gọi là « giả-quán » ; chẳng phải giả, chẳng phải không mà thường không, thường giả, bất khả tư-nghì, đó gọi là Trung-đạo-quán. Bởi vì riêng giữ một danh-hiệu Phật để niệm, liền được nhứt-tâm, đã nhứt-tâm thì, có gì thứ lớp ! — Đây chính là nghĩa ba quán viên-tu. Thế thời kinh kia dùng nhứt-tâm quán-tướng làm tôn. Kinh đây dùng nhứt-tâm tri niệm làm chủ, vì Quán tức là niệm, niệm tức là quán. Vậy hai kinh chỗ nói đã đồng nhứt-tâm, sao riêng với kinh này chệ là Tán-Thiện !

Cho nên pháp-môn này tên là « Pháp niệm Phật tam-muội », cũng tên là « Nhứt hạnh tam-muội », cũng tên là « Chư Phật hiện-tiền tam-muội », cũng tên là « Bát-nhã tam-muội », cũng tên là « Phổ-đẳng tam-muội ». Nói « Tam-muội » nghĩa là Chánh-định. Kinh Di-Đà này đã thông-đồng với nhiều « Pháp tam-muội » như thế sao dám chệ là Tán-Thiện ? Nói cho đúng lý : Tu quán-tướng nếu chẳng định nhứt-tâm, thì pháp quán ấy cũng thành là Tán ; Tu tri-danh nếu được nhứt-tâm, pháp tri-danh ấy tức thành là định. Đừng tính ở quán-tướng hay tri-danh, mà chỉ tính ở chỗ định nhứt-tâm cùng không nhứt-tâm mà thôi.

Như lời sơ của Ngài Tịnh-Giác nói : Đối với Quán-kinh, Ngài Trí-Giả đại-sur cho ba môn tịnh-nghiệp (107) thuộc về Tán-Thiện, 16 pháp diệu-quán thuộc về Định-Thiện ; chớ chưa nghe Ngài chệ pháp tri-danh là Tán-Thiện bao giờ ! Ông Cồ-Sơn phê-phán kinh Di-Đà Tán-Thiện, theo ý tôi (Vấn-Thê)

không nhận cái thuyết kia. Và như lời Sớ trong phẩm Phổ-Môn giải rằng : « Nhứt-tâm xưng danh » có sự, có lý, chuyên niệm đức Quan-Âm, lòng niệm không gián-đoạn, gọi là « Sự nhứt-tâm ». Nếu đạt được tâm này, bốn tánh (108) không sanh, vì tương-ưng với « Pháp không huệ » gọi là « Lý-nhứt-tâm ». Trong phẩm Phổ-Môn kia nói thiếu hai chữ « Bất-loạn » Ngài Trí-Giả còn dùng hai chữ « Không-huệ » (huệ chơn-không) để giải; huống chi kinh Di-Đà nói : « Nhứt-tâm bất-loạn thì đâuặng chẻ là Tán-Thiện ?! Theo ý ngu tôi xét : Ngài Trí-Giả khi nhập-diệt, còn xưng danh hiệu Tam-bảo, ngài Chương-An khi lâm-chung, cũng niệm Phật A-Di-Đà, và niệm hai vị đại-sĩ Quan-Âm, Thế-Chí.

Hai Thầy Trò của ngài Trí-Giả đồng « Xưng-danh niệm-danh », như thế thì hẳn không đặng đem hai chữ « Tán-Thiện » để gán cho « pháp trì-danh », của kinh này, xét đó, càng thêm tin chắc.

CHÁNH-VĂN : Kế đây nói nghĩa riêng. Hoặc có người thắc-mắc cho rằng :

1. Kinh Di-Đà đây chỉ nghe danh suông của Phật.
2. Kinh Di-Đà đây nói thân Phật là liệt-ứng.
3. Kinh Di-Đà đây nói hoa sen chùng đặng bánh xe.
4. Kinh Di-Đà đây nói tội ngũ-nghịch không được vãng-sanh.
5. Kinh Di-Đà đây thuộc về hạ phẩm.

Họ nạn như thế vì họ không biết hai kinh (Quán kinh với A-Di-Đà kinh) thật đồng một nghĩa, và họ không biết kinh A-Di-Đà lại càng độc yếu hơn nữa.

CHÚ-GIẢI : « Chỉ nghe danh suông » là có người thắc-mắc cho rằng : Trong Quán-kinh dạy tướng tướng-hảo của Phật. Còn kinh Di-Đà đây chỉ chấp-trì bốn chữ danh-hiệu suông chớ không thấy thân tướng-hảo của Phật nên họ cho là Tán-Thiện.

Song trong kinh này đã nói : « Đức Phật A-Di-Đà cùng các Thánh-chúng hiện ở trước mặt người kia ». Đã nói Phật hiện thời đâu không tương-hảo ? — Huống cùng Thánh-chúng, chủ và bạn đều hiện bày ? Số là kinh kia do tác-quan thấy Phật. Kinh đây do tri-danh thấy Phật, dù chỗ tu nhưn không đồng, chớ chỗ thấy Phật thì một.

« Thân-liệt-ứng », là có người nói mắc mớ rằng : Trong Quán-kinh nói thân Phật cao đến sáu mươi muôn ức na-do-tha, hằng-hà sa do-tuần (109). Còn kinh này không nói, họ nghĩ là « Thân-liệt-ứng » cho nên gọi là Tán-Thiện.

Song trong kinh Đại-Bồ-n nói : Lúc bấy giờ đức Phật A-Di-Đà phóng hào-quang lớn, chiếu khắp tất cả thế-giới, Ông A-Nan thấy dung-thể của Phật lớn cao vọi vọi như núi vàng ròng, cao vọt lên trên tất cả thế-giới. Thế thì trong Quán-kinh chỗ nói còn cuộc hạn trong một thế-giới ; nay kinh này nói tất cả thế-giới là cao lớn hơn biết bao, đâu nên nói là Thân-Liệt-Ứng ! ?

Kinh Đại-Bồ-n lại nói cây báu nơi đạo-tràng (110) của Phật A-Di-Đà toàn dùng các món báu tự-nhiên hợp thành, cây báu ấy, không phải thân tượng sáu ngời dưới cội cây Bồ-đề, thời đâu nên nói là Thân-Liệt-Ứng ! ?

Lại trong Quán-kinh nói : Phật kia hoặc hiện thân một tượng sáu, hay tám thước ; hoặc hiện thân cao lớn đầy giữa hư-không. Thế là tùy cơ-cảm của chúng-sanh, nên chỗ thấy có lớn nhỏ không nhứt định ; thành thử Cổ Đức nói : Dầu liệt-ứng, dầu thẳng-ứng, dầu sanh-thân, dầu Pháp-thân, nhưng cũng không phải hai thân. Huống chi trong kinh đây không thấy nói ra thân Phật lớn, nhỏ chơi cả sao dám quyết định đặt-điều cho là Thân Liệt-Ứng ?

« Hoa-sen chừng bằng bánh xe », là có người bảo rằng : Trong Quán-kinh nói : Hoa sen lớn mười hai do-tuần ; còn kinh đây nói : Hoa sen nhỏ hạng bằng bánh xe, cho nên gọi là Tán-Thiện.

Song họ đâu biết cái nghĩa bánh xe lớn nhỏ không nhứt-định. Như trong kinh Đại-Bồ-đề nói : Bánh xe lớn đến trăm ngàn do-tuần, (111) đâu những « mười hai do-tuần » mà thôi ; rõ như trong văn sau có biện.

« Tội ngũ-nghịch không được vãng-sanh », là có người đưa ra nạn-đề rằng. Trong Quán-kinh nói : Tội ngũ-nghịch được vãng-sanh ; còn kinh Đại-Bồ-đề nói : Chỉ trừ tội ngũ-nghịch không được vãng-sanh. Họ chê kinh này công tể-độ hẹp-hòi, nên họ cho là Tán-Thiện.

Nhưng họ đâu biết dưới câu : « Chỉ trừ tội ngũ-nghịch » có thêm bốn chữ « Phỉ-báng chánh-pháp » nữa. Nghĩa là : Tội ngũ-nghịch mà gồm « Phỉ-báng chánh-pháp », mới bị trừ ra. Tuy người đủ tội ngũ-nghịch, (112) mà không « phỉ-báng chánh-pháp », vị tất là không được vãng-sanh ?

Bởi do « Phỉ-báng » thời không tin, vì không tin nên không được vãng-sanh. Sở-đĩ có câu : Nghi thời Hoa-sen không nở, thật thế.

Trong Quán-kinh không nói : « Phỉ-báng chánh-pháp ». Nếu như gồm có phỉ-báng ấy cũng không được vãng-sanh vậy. Lại trong Quán-kinh về phạm « Hạ-hạ » trong văn ngũ-nghịch nói : Người phạm tội ngũ-nghịch, khi lâm-chung niệm danh hiệu Phật mười tiếng, liền được vãng-sanh. Thế là pháp Quán-tưởng chưa thành chỉ nhờ mười niệm..., vậy tội ngũ-nghịch cũng được vãng-sanh đó, chính là nhờ có niệm danh hiệu mới được vãng-sanh mà thôi.

Hướng nữa trong kinh Đại-Bồ-đề nói : « Những tội đọa Địa-ngục, Ngạ-quỉ, Súc sanh, cũng sanh về trong cõi của ta » ; Những người đọa trong Địa-ngục đó, không phải là người ngũ-nghịch chớ gì ?

« Chỉ thuộc về hạ-phạm » là có người thắc-mắc rằng : Trong Quán-kinh nói về ba phạm hạ : Phạm đầu, nói đối với người trí-thức, dạy bảo chấp tay, hoặc vòng tay đề niệm « Nam-mô A-Di-Đà Phật ». Về phạm thứ ba nói, Thiện-hữu dạy rằng : « Nếu người kém trí-thức không thể niệm Phật bằng cách chấp vòng tay, thì nên chỉ niệm danh hiệu ». Thế thì pháp tri-danh

được vãng-sanh đó, dường như chỉ ở phẩm hạ ! Họ đâu có biết pháp tri-danh có Sự, có Lý. Lý lại có thấp có cao. Nay nói người vãng-sanh về hạ-phẩm đó chỉ là sự thiện, nếu thành lý-quán, thời đồng với ba quán viên-tu của kinh kia, kế hiệp không hai, lo gì phẩm-vị không cao. Huống chi trong văn hạ-phẩm, chính chỉ cho người ác, người ngu có niệm Phật được về ở đó, chứ không phải nói về người thiện và người trí tri-danh, mà cũng ở phẩm hạ đâu. Nên biết hai kinh (Di-Đà và Quán-kinh) vẫn đồng một nghĩa.

Độc-yếu là lược giải có ba ý :

1.- Trong Quán-kinh chép rõ về thân Phật tuy nói rằng thân ấy tức là Báo-thân, tức Pháp-thân, nhưng mà với số na-do-tha (113) hằng-sa đó không phải là không có con số đề kê, với hóa-thân (ứng-hóa hay sanh-thân) cao lớn bao nhiêu, (114) còn đợi 13 lời vấn đáp đề biện-giải điều nghi sau. Kinh đây chỉ nói Quang-minh vô-lượng, Thọ-mạng vô-lượng. Thế thì không thuộc về các con số nào mà chỉ ngay về pháp-thân thôi, đây là món độc-yếu thứ nhứt vậy.

2.- Với 16 pháp diệu-quán, tuy rằng : Tâm tức quán, quán tức tâm, nhưng mà trước phải quán mặt trời, kế quán đến nước, đến đất, đến hàng cây, đến bảo tọa, sau mới quán vào thân Phật. Thế thì không phải không thứ lớp, biết bao là bộn bề. Còn kinh này nói : Không cần tu các hạnh-nghiệp đó, chỉ chuyên về một pháp tri-danh, thoát được nhứt-tâm, liền thấy Phật hiện trước mắt. Đây là món độc-yếu thứ hai vậy.

3.- Sanh về ba phẩm Thượng, có thể đạo khắp mười-phương, thừa-sự chư Phật ; còn hai phẩm Trung và Hạ không thấy dạy như thế. Chớ kinh đây nói : Tri-danh được vãng-sanh liền được mỗi sáng ra đi cúng-dường chư Phật khắp mười phương rồi liền trở về nước kịp trong giờ ăn buổi mai. Đây là món độc-yếu thứ ba vậy.

Người đời nghe nói hai kinh đồng một nghĩa còn sanh nghi thay, huống lại nghe nói kinh này độc-yếu hơn, càng thêm sợ hãi. Cho nên nói kinh này là pháp mà người đời « Nan-Tín » (khó tin) và cũng nói kinh này là kinh « Bất khả tử nghi công-tức vậy ».

CÁC KINH

CHÁNH-VĂN : «Lại nói thông-đồng trong các kinh », là ý nghĩa của kinh này cùng thông-đồng nhau với các kinh Đại-thừa : Như kinh Tịnh-Danh, kinh Pháp-Hoa v.v... Song người mà đã thấy được chỗ lan rộng thông - đồng nhau như thế thời mới biết nghĩa lý kinh này bao trùm, thâm-thúy, rộng xa chứ không nên coi như các kinh thiên-cận (Tiểu-thừa) mà tự mắc tội lỗi !!

CHÚ-GIẢI : Kinh Tịnh-Danh, kinh Pháp-Hoa v.v... Kinh đây nói : Nhứt-tâm tri-danh đặng sanh về nước kia (Cực-lạc) tức là đồng với « Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh ». Đây là nghĩa kinh Tịnh-Danh.

Lại kinh này nói : « Nhứt-tâm tri-danh tức là đồng với « Dụng thâm-tâm niệm Phật »... nhấn đến « một mình vào nhà người nhứt-tâm niệm Nam-mô Phật, đi khất-thực không bạn, cũng nhứt-tâm niệm Phật, một tiếng niệm Nam-mô Phật, đều đã thành quả Phật ». Đây là nghĩa trong kinh Pháp-Hoa.

Chữ « Đẳng » v.v..., là lược dẫn các kinh, như : Kinh Văn-Thù nói : « Tu pháp nhứt hạnh tam-muội », kinh Đại-Phẩm nói : « Nếu người tán-tâm niệm Phật... Nhấn đến hết khổ, được phước kia không hết ». Đây là nghĩa kinh « Bát-Nhã ».

Như kinh nói : Trong 21 ngày cuối đầu lễ niệm danh hiệu các đức Phật trong mười phương. Đây là nghĩa kinh Viên-Giác.

Như nói : Năm trăm (500) người con ông Trưởng-giả, xưng niệm danh hiệu của bảy lớp (7 đời) Phật, (115) bèn đặng thấy thân Phật vàng chói, liền chứng quả A-La-Hán. Đây là nghĩa trong kinh Quán Phật tam-muội.

Như nói : Ông Bồ Tát tu sáu phép niệm (116) mà phép niệm Phật là thứ nhứt. Lại nói : Buộc lòng niệm nghĩ nhớ Phật, vì nhờ sức nhơn-duyên ấy, mà đoạn được phiền-não. Đây là nghĩa trong kinh Niết-Bàn.

Như Phật bảo Phụ-Vương rằng : Ngày nay nên niệm Phật A-Di-Đà ở thế giới Cực-Lạc Tây-Phương, thường cần tinh-tấn.

sẽ được quả Phật. Lại nói : Tu mười tám đề hồi-hương cầu vãng-sanh, khi mạng-chung ắt được sanh về cõi nước Phật kia (Phật A-Di-Đà). Đây đều là nghĩa trong kinh Bảo-Tịch.

Chỉ như kinh này cũng đồng nhau với nghĩa Viên của kinh Hoa-Nghiêm thì đã thấy ở văn trước rồi.

Với nghĩa niệm Phật, không thể kể xiết. Như trên là chỉ ngay đại-ý của một bồn kinh mà nói thế thôi. Nếu bàn rộng về nghĩa kinh, thời như : Kinh Tịnh-Danh nói : Nơi phương trượng (thất) của ông Duy-Ma dung-nạp cả ba mươi hai ngàn (32.000) tòa sư-tử. Nay kinh này nói : Cõi Tịnh-độ đức Phật A-Di-Đà, mười phương sanh về đó, nhiều như những hạt mưa, đều sanh trong « Ao-thất-bảo » không hề chật-hẹp ; tức là nghĩa kinh Tịnh-Danh.

Trong phẩm « Như-Lai-Thần Lực » nói : Đức Phật Thích-Ca cùng các Hóa-Phật ở mười phương đồng hiện ra tướng lưới rộng dài cho đến cõi trời Phạm-Thiên, vì để khen ngợi kinh Pháp-Hoa. Kinh này nói : Chư Phật ở sáu phương đều hiện tướng lưới khen ngợi đức Phật A-Di-Đà, cũng lại như thế, tức là nghĩa kinh Pháp-Hoa. Lược dẫn một phần ít, đồng với các kinh Đại-thừa, còn bao nhiêu nữa sợ nhiều không dẫn nói.

Lại luận « Khởi-Tín » trong phần nhân-duyên lời Sớ nói : Bực Thập-Tín sơ-tâm có bốn môn cơ : Dùng sự lễ bái sám-hối để diệt tội giúp cho bậc sơ-cơ (Thiên-nhơn-cơ). Dùng tu-tập pháp chỉ-quán để giúp cho bậc trung-cơ, (Thịnh-Văn cơ và Duyên-Giác cơ). Dùng pháp cầu sanh Tịnh-Độ để giúp cho bậc thượng-cơ. (Bồ-Tát cơ). Cơ đầu là những chúng-sanh nhiều nghiệp-chướng. Cơ bậc trung là phàm-phu, nhị thừa. Thế thì biết Pháp-môn Tịnh-Độ là pháp tu của bậc Đại-Thừa Bồ-Tát. Nghĩa lý bao trùm tổng-kết văn trên. Chữ « Tội lỗi » là những người khinh chê kinh này, tức là khinh chê các kinh Đại-Thừa, mắc tội vô-lượng.

SỞ BI GIAI PHẨM (phân ra làm hai phần)

1.- *Liệu giản* (So chọn)

2.- *Tổng thâu* (Tóm thâu)

1. - LIỆU GIẢN

CHÁNH-VĂN : Đã biết kinh Di-Đà đây văn đón, nghĩa đủ, lời gần, ý xa. Nhưng chưa rõ nó sẽ giúp cho căn-khí nào, và có bao nhiêu từng bậc ?

Trước nói về cách (Liệu-Giản) là so chọn đề phân biệt, thì ban đầu (kể sau là giai-cấp) là ba hạng người không phải căn-khí : 1. - Người vô-tín ; 2. - Người vô-nguyện ; 3. - Người vô-hạnh ; trái lại, đều là người có căn-khí (căn-cơ).

CHÚ-GIẢI : Trước nói căn-khí có phải, có quấy. Sau phân riêng giai-cấp, có thắng (hơn), có liệt (thua), cốt yếu là muốn cho chúng-sanh biết, đừng buông quấy, theo phải, bỏ liệt, dùng thắng.

Tín : là tin rằng chúng-sanh với Phật không hai ; chúng-sanh niệm Phật chắcặng vãng-sanh, rốt-ráo thành Phật. Như trong kinh đã nói : « Các người đều phải tin theo lời ta ». Phải vậy !

Nguyện : là vì tin đây không phải chỉ tin-suông. Mà phải như con nhớ mẹ, nhìn theo triu-mến, quyết muốn vãng-sanh. Như trong kinh đã nói : « Nên phải phát-nguyện, nguyện-sanh về quốc-độ-kia ». Thật thế !

Hạnh : là vì nguyện không phải chỉ nguyện suông, cần phải thường hành tinh-tấn, mỗi niệm nối nhau không gián-đoạn. Như trong kinh đã nói : « Phải chấp-tri danh-hiệu, đề niệm cho được nhứt-tâm bất-loạn ». Thật vậy.

Ba việc này, gọi là « ba món tư-lương » ; tư-lương chẳng đủ, không mong gì đi tới trước. Lại nữa ba món này như cái đỉnh có ba chơn. Hoặc đều không, hoặc có một thiếu hai ; hoặc có hai thiếu một, đều không thể đứng vững được.

Lại dùng lời dụ để rõ : Ví như với năm giống lúa, người không tin là không tin ngay nơi hạt giống lúa này, là bây giờ trồng bốn giống đây, chắc sau đặng thành lúa,

Người có tín mà không nguyện : Tuy có biết giống tốt, mà không có tâm mong cầu gì đến lúa. Người có nguyện mà không hạnh : Tuy có mong cho được lúa, mà không cần-mần cây cấy. Với ba món này : Hoặc toàn không, hay lẫn thiếu một hoặc hai, xét theo văn nói trên, nên biết (là không được).

Ba hạng người này, đều tỷ-du như món đồ hư bề, không đứng được pháp-vị cam-lồ, nên gọi là Phi-khí.

Lại nữa, người đời tuy làm các việc từ-thiện, nhưng đối với cõi Phật kia, họ không có Tín, Hạnh, Nguyện, cũng gọi là hạng người Phi-khí, mặc dầu người có tội-lỗi, nhưng đối với cõi Phật kia có đủ Tín, Hạnh, Nguyện, cũng gọi là người phải căn-khí.

Với câu « Trái lại đều là căn-khí », như văn sau sẽ nói rõ.

CHÁNH-VĂN : Trong những món đồ phải căn-khí lại còn tùy mỗi căn-cơ mà có ra từ « Bối » từ « Phẩm » thành ba, thành chín ; chín lại hơn chín ; ba lại hơn ba, phân-tích nhiều lần từ ngành ra nữa, thì phải nhiều đến vô-lượng. Như trong « Hai bộ » nói rõ.

CHÚ-GIẢI : Tiếp theo nói về giai-cấp « Bối », là trong kinh Đại-Bồn nói ba bối. Phẩm là trong Quán kinh nói chín phẩm. Cho nên nói là ba, là chín.

Trong ba « bối », mỗi « bối » có ba, thì thành ra chín « bối ».

Trong chín phẩm, lại mỗi phẩm có chín, thì thành tám mươi mốt (81) phẩm. Bối đã không cùng. Phẩm cũng không tốt, thì thành ra trăm nghìn vạn ức « Bối » và « Phẩm », cho nên nói : Cũng đến vô-lượng.

Đối với cái lẽ : Đều gọi tu niệm Phật, đồng được vãng-sanh. Sở dĩ có phân ra nhiều Bối, Phẩm như vậy là do giữa giới tu niệm có sự có lý, công hành-tri hoặc trễ hoặc siêng, thành thử tùy theo nhưn nào, thì kết-quả nấy, nên với ngôi bậc nó phải sai khác. Cho nên kinh Niết-Bàn nói : Cũng một pháp « Thập nhị nhưn-duyên » từng không hai pháp : Nhưng mà người bậc hạ-trí quán-tu, thì được đạo quả Thinh-Văn.

Người bậc trung-trí quán-tu, thì được đạo quả Duyên-Giác ; người bậc thượng-trí quán-tu, thì được đạo-quả Bồ-Tát. Người bậc thượng thượng trí quán-tu thì được đạo quả Phật.

Cũng như câu : Đồng một thức ăn trong một bát, chư thiên thọ-dụng có ngon dở khác nhau ; cùng một dòng sông, 3 thú lội qua có sâu cạn không đồng (117) đâu có đối được.

Vả lại ta tự-phu là người lợi-căn (sáng-auốt), nghe nói pháp niệm Phật, hoặc đem lòng khinh dễ, đâu biết Bối và Phạm có cao có thấp, là cốt ở nơi người mà thôi. Nếu quyết không niệm Phật thì phần ngu dốt để lại cho người vậy. Còn kẻ hiểu kỳ ý giỏi, xin bình-tâm suy nghĩ lại !!

2.- TÔNG-THÂU

CHÁNH-VĂN : Tông-thâu là cứ niệm danh-hiệu Phật ắt được vãng-sanh về nước kia : Thì ra hoặc cao, thấp, hoặc Thánh, phàm ; cho đến hoặc tin, nghi, khen, chê. Miễn biết có đức Phật kia, là thành được thiện-căn rồi, dù lâu đến nhiều kiếp, nhiều đời, đều nhờ đó sẽ được giải-thoát.

CHÚ-GIẢI : Hoặc cao, hoặc thấp là, do sanh phàm-thượng liền được quả Phật, còn sanh ở phàm-hạ, phước cũng hơn cung trời (118).

Thế thì phàm-vị tuy khác nhưng cũng đều được bậc Bất-thối cả.

Hoặc Thánh, hoặc phàm là : dù hạng phàm-phu đủ điều ràng-buộc (119) nhưng miễn được vãng-sanh thời đồng ngôi với các vị Bồ-tát, cu hội một nơi rồi, thế nào cũng sẽ thành quả Thánh. Đây là nói theo lối thuận.

Dưới đây nói tin, nghi, khen, chê gồm cả thuận và nghịch không một hạng nào mà chẳng được lợi ích.

Hỏi : Người tin, người khen được như thế là phải, còn người nghi, người chê vì sao cũng nói có căn lành ?

Đáp : Ông THƯỜNG-BẤT-KHINH Bỏ-tất thọ ký cho mỗi người được làm Phật. Người nghi không tin đến nỗi đánh mắng Ông, nhưn đó chúng bị đọa vào Địa-ngục. Từ trong Địa-ngục ra rồi, rồi cuộc cũng được thành-đạo. Đầy đâu chẳng phải đánh, mắng là từ nghi sanh ra ? Nghi từ biết sanh ra ? Biết từ nghe sanh ra ? Vì nghe biết có Phật rồi mới sanh nghi. Nếu không nghe biết thì nghi từ đâu mà có ? Nhưn vì nghe biết thì một chữ Phật, đã chứa trong tạng-thức, như gieo giống xuống đất bỗng gặp mưa, sương thấm-nhuần sẽ có ngày nứt mầm, mọc mọc. Người chê Phật cũng nghĩa như thế. Nên nói hễ biết có Phật đều thành thiện-căn, rồi rồi cuộc cũng được giải-thoát ; nếu không nghe, không biết thì không thành hạt giống lành.

NĂNG-THUYỀN THỀ-TÁNH (phân ra làm bốn phần).

1. *Tùy-tướng : Theo tướng văn tự...*
2. *Duy-thức : Chỉ có thức biến...*
3. *Qui-tánh : Đều về tự tánh...*
4. *Vô-ngại : Sự lý vô ngại...*

1.- TÙY-TƯỚNG

CHÁNH-VĂN : Đã biết kinh Di-Đà này trùm khắp các cơ, nhưng chưa rõ lý năng-thuuyền lấy gì làm thề-tánh ? Y theo xưa lần lượt chia ra làm mười môn. Xét tận gốc, tóm lại thành bốn môn. Trước nói Tùy-tướng, trong ấy lại chia ra làm hai :

1.- **Thịnh, Danh, Cú, Văn.**

2 - **Nghĩa sở-thiên.**

Do vì văn với nghĩa đều thuộc về tướng-văn-tự.

CHÚ-GIẢI : Lần lượt chia ra mười môn (121) rõ thấy trong lời Huyền-Đàm của kinh Hoa-Nghiêm. Ngài KHUÊ-PHONG đối trong ấy tóm ghép lại làm thành bốn môn :

1.- *Thịnh, Danh, Cú, Văn*, là cứ theo kinh giáo Đại-thừa, Tiểu-thừa, hoặc có kinh dùng « Thịnh » làm giáo-thề ; hoặc có kinh dùng Danh, Cú và Văn-thân để làm giáo-thề. Nay theo Ngài Thanh-Lương đại-sư dùng hết bốn môn. Lấy Thịnh làm

giáo-thề ; Danh là thứ lớp, hàng ngũ để giải tự-tánh của pháp ; Cú là thứ lớp sắp-đặt để giải sự sai biệt của pháp ; Văn là thứ liên-hợp, kết làm chỗ nương cho hai món trên. Danh, Cú, Văn, ba món đây tráo-trở cho tiếng nói hình-dung tỏ-rõ ra. Bởi chỉ có một Thỉnh thì không thể giải rõ nghĩa được ; còn riêng : Danh, Cú, Văn thì không có tự-thề : cho nên gồm cả bốn món này, mới đủ làm giáo-thề, do gồm cả giả, thật, thề, dụng, giúp nhau vậy.

2. - *Nghĩa sở-thuyên* là : Thỉnh, Danh, Cú, Văn bốn món này nếu không có nghĩa gì để làm chỗ sở-thuyên (bị nói) thì đồng như thiên vận (122) suông, chớ không có ý vị chi cả. Còn nếu chỉ có nghĩa suông mà không có văn-tự, thời lý-mẫu do đâu để được hiển bày. Bởi thế cho nên văn-tự tùy theo nghĩa, nghĩa tùy theo văn-tự. Văn nghĩa lẫn giúp mới thành giáo-thề.

Vì vậy cho nên kinh này từ câu « Như thị ngã văn » đến câu « Tác lễ nhi thôi ». Đó là cái thề của Thỉnh, Danh, Cú, Văn mà trong đây nói những y báo, chánh báo, tín, nguyện, vãng-sanh v.v... là những nghĩa sở-thuyên vậy. Dùng cả hai món này (Văn nghĩa) nương lẫn nhau để làm giáo-thề.

CHÁNH-VĂN : Lại nếu cứ mỗi pháp để hiển nghĩa, thì không một pháp nào không phải là Phật-sự, như cơm thom, hào-quang, v.v... Nên biết mỗi pháp đều làm giáo-thề được cả.

CHÚ-GIẢI : Pháp hay hiển nghĩa, thì mỗi pháp tự bày, chẳng đợi văn-tự. Như kinh Hoa-Nghiêm nói : Đai mây, lưới báu, mao khổng (lỗ chơn lông) hào-quang đều có thể thuyết-pháp cả. Kinh Tịnh-Danh nói : có thể-giới Phật dùng cơm thom làm Phật-sự (123). Có thể giới Phật dùng hào-quang làm Phật-sự, cho đến một sắc, một cử, một động, không có một pháp nào mà không phải Phật-sự, v.v... Nay kinh Di-Đà này thì nước, chim, cây, rừng, đều diễn tiếng pháp (pháp âm) vi-diệu. Thế thì tùy lấy một pháp mà dùng cũng đều thành giáo-thề cả.

2. - DUY THỨC

CHÁNH-VĂN : Duy thức là văn đây, nghĩa đây đều do thức biến-hiện, mà có bốn ảnh cả bốn câu.

CHÚ-GIẢI : Bốn câu là : 1) Duy có bốn-chất, không có ảnh-tượng (124) tức là Tiều-thừa giáo. Vì hàng Tiều-thừa không biết giáo-pháp đều do thức biến-hiện, nên nhận rằng đức Như-Lai có thuyết-pháp.

2) Cũng bốn-chất, cũng ảnh-tượng, tức là Thỉ-giáo. Vì do đức Phật tự diễn-giảng nào văn, nào nghĩa đều từ nơi Diệu-quán-sát-trí (125) của tịnh thức thứ sáu hiện ra gọi là : « Bốn chất-giáo (126). Người nghe thì từ trên thức biến ra nghĩa, gọi là « Ảnh-tượng-giáo » (127). Vì chư Phật và chúng-sanh lẫn nhau làm Tăng-thượng-duyên (128).

3) Chỉ có ảnh-tượng, không có bốn-chất, tức là Chung-giáo. Vì lìa tâm chúng-sanh, thì không có Phật, duy dùng lòng đại-bi, đại-trí làm tăng-thượng-duyên, khiến trong tâm chúng-sanh căn-cơ đã thuần-thục kia, hiện ra Phật thuyết-pháp. Thế nên Phật-giáo toàn là ảnh tượng trong tâm chúng-sanh.

4) Không phải bốn-chất, không phải ảnh-tượng, tức là Đốn-giáo. Chẳng những ngoài tâm không Phật, mà ảnh-tượng trong tâm chúng-sanh cũng không ; do vì chơn tánh vốn dứt hẳn văn-tự, ngôn-thuyết, tức là giáo mà không có giáo. Như câu : Tòn-giả (Tu-Bồ-Đề), không thuyết-pháp ; tôi (Đế-Thích) cũng không nghe (129) kể thuyết và người nghe đều không, chỉ có duy-thức mà thôi. Nên lấy thức làm giáo-thề vậy.

Nay kinh này căn-cứ theo hai giáo : Chung và Đốn, thì trong tâm chúng-sanh ra xuất ly cõi khổ, tự trong tâm thấy có Phật giảng-thuyết nào y-báo, chánh-báo, tín, nguyện, vãng-sanh, Cực-lạc ; mà kỳ thật không thuyết, không nghe, nên dùng thức làm giáo-thề.

3. - QUI-TÁNH

CHÁNH-VĂN : Qui-Tánh là : Trước lấy môn cảnh nơi sở biến, đề qui về tám thức nơi năng-biến. Nay đem tám thức sở biến qui về nhất-tâm năng biến. Thế là lấy tánh làm giáo-thề.

CHÚ-GIẢI : Nhứt tâm là gì ? Tức là tự thể chơn-như. Vậy từ chơn-như đây lưu-xuất ra các giáo-pháp, nên hội các tướng về một tánh (chơn-như). Thời chỗ gọi rằng : Phần Trùng-Tung vẫn chơn-như, phần Thọ-Kỷ cũng chơn-như, luôn 12 phần giáo tất cả đều chơn-như. Sắp về trên lần-lựa xét tâm-giáo-lý chơn-thật, rớt-ráo tới đến nơi đây. Ví như cảnh vật không lìa chiêm bao, chiêm bao không lìa người ngủ.

Lời sơ trong kinh Viên-giác nói : Chúng sanh và giáo-pháp vốn không tất cả duy có thức biến, thức lại như huyễn-thuật, như mộng-mị, chỉ là nhứt tâm. Thế là dùng tự-tâm làm giáo-thể.

Nay kinh này, Y, Chánh, Nguyên cả các pháp, nào vẫn nào nghĩa rớt ráo đều về lý « Nhứt tâm chơn như ». Cho nên bậc Cổ-Đức nói : Các kinh đại-thừa đều dùng một « Thật-tướng » để ấn-chứng làm giáo-thể của kinh. Kinh này dùng « nhứt tâm bất-loạn » tức là thật-tướng tức là « chơn như ». Thế thì hiệp lại hai môn (Tùy-tướng, Duy-thức) trước lại hội qui về Nhứt-tâm để làm giáo-thể.

4. - VÔ NGẠI

CHÁNH-VẤN : Vô-ngại là Tâm, Cảnh, Sự, Lý, vốn tự thông suốt lẫn nhau. Cảnh và Sự gọi là Tùy-tướng. Tâm là Duy-thức. Lý là qui tánh, đều giao-triệt với nhau.

CHÚ-GIẢI : Giao-triệt là, do một tâm vẫn có ; hai môn là sanh-diệt và chơn-như, vì chơn-như tức là sanh-diệt, cho nên Lý nó không ngại gì với Sự, cảnh và tâm Sanh-diệt tức là Chơn-như, cho nên Sự Tâm và Cảnh cũng không ngại gì với Lý.

Nay kinh này nói : Tâm tức là Độ, thời vẫn một niệm vô-vi mà không ngại gì với Ao, Lầu, Chim, Cây khắp bảy, bữa giảng, hễ chúng-sanh tin ưa, tùy nguyện vãng-sanh. Độ tức là Tâm, thì đủ cả thất bảo trang-nghiêm mà cũng không ngại với toàn-thể không tịch (vãng-lặng), chẳng dính mắc một mảy trần, thật không có chúng-sanh, sanh về nước kia. Thế là dùng cả tâm, cảnh, sự, lý dung-nhiếp lẫn nhau làm giáo-thể.

TÔN-THỨ CHỈ QUI (phân ra làm ba phần) :

1. - *Tông-trần.* (Chung bày tông-thứ)
2. - *Di-giải.* (Giải riêng tông-thứ)
3. - *Chánh-ý.* (Chính tông-thứ kính này)

1. - TÔNG-TRẦN

CHÁNH-VĂN : Đã biết kinh đây về cái thê Năng-thuyên của nó bao trùm như thế ; Nhưng chưa biết chỗ tôn-thứ của kinh như thế nào ? Luận rằng : Chỗ trọng của lời nói gọi là tôn, chỗ qui về nơi tôn gọi là thứ, nhưng có Thông (chung) và Biệt (riêng) : Luận về Thông thời Phật-giáo lấy chữ nhơn-duyên làm Tôn. Biệt, thời y theo xưa chia ra mười môn (130) : 1. - Từ môn « Ngã-pháp cụ hữu » đến môn thứ mười là « Viên-dung cụ đức ». Sau lại sau ; trước ; thứ lớp có cao và thấp, cho nên kinh nào cũng đều có Tôn và Thứ.

CHÚ-GIẢI : Trọng là chuộng. Vì Thánh nhơn lập giáo lời lẽ trong một bộ kinh, chuộng-trọng về chỗ nào ; thì chỗ chuộng-trọng ấy là Tôn. Qui là đến, đến chỗ lập ra Tôn (lập-trường) đây đề cầu việc gì ? Xét chỗ về đến của Tôn gọi là Thứ.

Nhơn-duyên là lựa khác với không-nhơn và tà-nhơn. Giáo-pháp của đức Phật nói ra trong 49 năm, không ngoài hai chữ nhơn-duyên. Như nói : Vì nhơn-duyên nên sanh-diệt ; vì nhơn-duyên nên tức không, vì nhơn-duyên nên tức giả, vì nhơn-duyên nên tức trung. Vậy biết với tôn-chỉ của Phật-giáo duy có hai chữ nhơn-duyên đã bao gồm hết cả, nên gọi là Thông (phần chung).

Mười môn là : 1. - Tôn « Ngã pháp cụ hữu ». Trong chấp có ngã ngoài chấp có pháp (131) gọi là tôn của ngoại-đạo nương theo Phật-Pháp (132). 2. - Tôn « Pháp có, ngã không » thời khác với ngoại đạo, tức là tôn của Tiểu-thừa. Do đây từ trước đến sau ; từ thấp đến cao, nhần đến tôn thứ mười là : « Viên-dung cụ đức ». Mười môn phân-biệt rõ đủ trong lời Huyền-Đàm kinh Hoa-Nghiêm. Nếu tóm lại thời thành năm môn. Song không ngoài những Tôn : Hữu, Vô, Pháp-tướng, Pháp-tánh, và Viên-dung.

Nay kinh này tôn-trọng về pháp. Do y-báo, chánh-báo, tín, nguyện, vãng-sanh về Tịnh-độ v.v..., đều qui về lý nhứt-tâm. Vì nhứt-tâm bất-loạn tức là pháp-tánh.

2.- DI GIẢI

CHÁNH-VĂN : Kinh Di-Đà đây xưa có nhiều nhà giải ; có nhà nói dùng Tín, Nguyện làm Tôn ; có nhà nói vượt khỏi ba cõi, hai món đều thanh-tịnh làm Tôn. Khiến cho chúng sanh đặng quả vị « Bất-thối-chuyển » là Thù.

CHÚ-GIẢI : Tín, Nguyện làm Tôn, là, các nhà giải phần nhiều đồng-ý với nghĩa đây. Do vì trong kinh thường nói : « Nếu có người tin. Nên phải phát-nguyện, nguyện sanh về cõi nước kia ».

Hai món thanh-tịnh là gì ? Như trong luận nói : Cực-Lạc, Thế-Giới, y, chánh hai báo (133) thanh-tịnh trang-nghiêm, chẳng phải y, chánh hai báo trong ba cõi này bị kip. Nên lấy hai món thanh-tịnh đây làm Tôn, mà cốt-yếu chỗ về của nó là vì khiến cho chúng-sanh, sanh về cõi nước Cực-Lạc thanh-tịnh kia. Sanh về nước kia rồi, liền đặng quả-vị Bất-thối-chuyển, lấy đây làm thù.

CHÁNH Ý (phân ra làm hai phần) :

- 1.- *Tổng- cử : Tổng thù chung của kinh này.*
- 2.- *Biệt-minh : Tổng thù riêng của kinh này.*

TỔNG CỬ

CHÁNH-VĂN : Kinh đây trọng về pháp-tánh, với trong Pháp-tánh lại chia có Tổng và Biệt, gồm hiệp chung lại thì là « Y chánh thanh-tịnh, và, Tín ; Nguyện vãng-sanh » lấy đó làm Tôn-Thù.

CHÚ-GIẢI : Dùng cả hai thuyết trước, hiệp lại thuyết sau để nói đó, chung làm « Tôn-Thù ». Vì thuyết trước không gồm y-báo, chánh-báo ; thuyết sau chưa rõ Tín, Nguyện, nên phải hiệp chung lại mới khỏi thiếu sót. Bởi vì do cả y, chánh, tín, nguyện, gồm giúp lẫn nhau mới được vãng-sanh, mà cũng không ngoài một cái tự-tâm.

Chung làm « Tôn-Thú » là gì ?

So theo như kinh Hoa-Nghiêm : Vì kinh kia cũng gồm chung cả các thuyết « Nhơn-quả, duyên-khởi », và, « Thật-lý pháp-giới » lấy đó làm Tôn và Thú. Nếu muốn phân ra, thì câu trên làm Tôn, câu dưới làm Thú ; nghĩa cũng tự rõ. Bằng muốn thêm, thì kinh Hoa-Nghiêm kia thêm câu « Bất-tư-nghi », kinh Di-Đà đây cũng thế.

BIỆT MINH

CHÁNH-VẤN : Lại phân biệt mà nói, thì thành năm pháp đối :

- 1.- Giáo-nghĩa ; 2.- Sự-lý ; 3.- Cảnh-hạnh ;
4.- Hạnh-tịch ; 5.- Tịch-dụng.

Dùng làm Tôn và Thú, (mỗi một đối là một tôn-thú, cả 5 đối là 5 tôn-thú).

CHÚ-GIẢI : Một : « Giáo-nghĩa một pháp-đối » là sao ? Là dùng Giáo làm Tôn, để cho rõ nghĩa làm Thú. Nói cái giáo tôn trọng pháp niệm Phật vãng-sanh đây, ý đó ra sao ? Chính là vì muốn cho chúng-sanh hiểu rõ lời nói trong kinh đây là, y-báo, chánh-báo của Phật A-Di-Đà rất thanh-tịnh trang-nghiêm, đăng sanh lòng tin niệm Phật và pháp nguyện sẽ được sanh về nước kia. Trong kinh giáo có nghĩa như thế, đó là Thú ; chớ không phải chỉ là ngôn-ngữ văn-tự suông mà thôi.

Hai : « Sự-lý một pháp-đối » là gì ? Là dùng sự làm Tôn, khiến người ngộ Lý làm Thú. Nương nơi văn trên lời nói dạy trong một bộ kinh đều ước về nghĩa sở-thuyên, mà trong nghĩa ấy lại có sự và lý. Rằng tôn trọng những sự y-báo, chánh-báo, tín, nguyện v.v... ý đó ra sao ? Chính là muốn rõ bày trong sự có đủ lời chỉ-lý, đó là Thú ; chớ không phải chỉ nói những tích-sự duyên suông mà thôi.

Ba : « Cảnh và Hạnh một pháp-đối » là gì ? Dùng Cảnh làm Tôn, khiến ra Hạnh làm Thú. Cảnh tức là Lý-sở-quán, đối với trí năng-quán, nên gọi là cảnh. Nói « tôn trọng lý đây », ý đó ra sao ? Đã biết tự-tánh sẵn có Phật Di-Dà, nơi tâm vốn có cõi Tịnh-độ, chính muốn tức nơi đó dùng làm chơn cảnh,

mà khởi ra quán-hạnh, chấp-tri danh-hiệu đề-niệm đến nhứt-tâm bất-loạn, đó là Thủ ; chứ không phải chỉ thông hiểu suông lý đấy mà thôi.

Bốn : « Hạnh-Tịch một pháp-đối » là gì ? Dùng hạnh làm Tôn, khiến đến chỗ không-tịch làm Thủ. Nay tôn trọng pháp-niệm Phật và quán-hạnh đây ý nó ra sao ? Bởi do tâm thể ta tuy vắng lặng, nhưng huân-tập thói nhiễm-ô nhiều đời, nên nay hễ chạm cảnh thì sanh tình, nếu không tu quán-hạnh thì, dầu miễn-cưỡng, dẫn-ép vọng-tâm, rốt cuộc không phải là đặc pháp Định-huệ bình-đẳng (134). Nay y pháp chánh-quán và chấp-tri danh-hiệu, đến chỗ nhứt tâm, thời trở lại cái bản-thể Không-Tịch, ; đó là Thủ ; chứ chẳng những làm cái vọng-kế có tạo-tác mà thôi.

Năm : « Tịch-Dụng một pháp-đối » là gì ? Dùng bản thể Không-Tịch làm Tôn, khiến sanh tri-diệu-dụng làm Thủ. Nói tôn-trọng cái thể vắng-lặng đây, ý nó ra sao ? Bởi vì vọng-tưởng chấp-trước không do đâu được giải-thoát, nay chuộng cái vắng thì, vọng hết, tâm qui-nhứt, tịch-tịnh đến cùng-tột, tâm-thể sáng suốt. Dụ như bụi hết, gương sáng, hình-ảnh nào mà không chiếu hiện ? Chỗ gọi rằng : Đã sanh về nước kia, chứng đẳng vô-sanh-nhãn, rồi trở vào đường sanh-tử, dùng vô số phương-tiện, làm Phật-sự lớn-lao diệu-dụng độ-thoát chúng-sanh rất nhiều đó là Thủ, chứ không phải chỉ đắm-chấp nơi chỗ vắng-lặng suông mà thôi.

Như vậy mười môn lần lựa sanh-khởi làm Tôn và Thủ.

BỘ-LOẠI SAI-BIỆT (phân ra làm ba phần)

- 1.- Minh-bộ (Đồng-bộ với kinh này)
- 2.- Minh-loại (Đồng-loại với kinh này)
- 3.- Phi-bộ phi-loại (Chẳng phải bộ loại nhưng cũng niệm Phật).

1.- MINH-BỘ

CHÁNH-VĂN : Đã biết kinh Di-Đà đây, Tôn-Thú rộng sâu, nhưng chưa biết đồng với bộ nào, loại nào và có mấy thứ ? Trước nói rõ về bộ. Bộ có hai thứ :

- 1.- Đại bản ; 2.- Kinh Di-Đà này.

CHÚ-GIẢI : Bộ là các bồn đồng-qui về một bộ, mà văn-nghĩa có rộng và hẹp. Rộng là kinh Đại-Bồn, hẹp là kinh đây (Di-Đà).

Đại-Bồn có sáu tên :

- 1.- Vô-lượng bình-đẳng thanh-tịnh Giác kinh ; Đời Hậu Hôn, Ngài Chi-Lâu-Ca sám dịch (135).
- 2.- Vô-Lượng-Thọ kinh ; Đời Tào-Nguy, Ngài Khương-Tăng-Khải dịch.
- 3.- A-Di-Đà kinh đồng một tên với kinh đây ; Đời Ngô, Ngài Chi-Khiêm dịch.
- 4.- Vô-Lượng-Thọ Trang-nghiêm kinh ; Đời Tống, Ngài Pháp-Hiền dịch.
- 5.- Rút trong kinh Bảo-Tịch, quyển thứ 18, tên là Vô-Lượng-Thọ Như-Lai Hội ; Đời Đường, Ngài Bồ-đề Lưu-Chí dịch.
- 6.- Tên Phật-thuyết Đại A-Di-Đà kinh ; Đời Tống, huyện Long-Thơ, Cư-sĩ Vương-Nhật-Hưu, tóm rút của bốn nhà dịch trước, so-sánh làm một bộ, duy trừ bộ Bảo-Tịch, ông chưa kịp xem.

Song năm nhà dịch trên, lẫn nhau có khác và đồng, như : Đời Hán, đời Ngô hai nhà dịch ấy, với 48 lời nguyện, chỉ còn phân nửa là 24 thôi, còn bao nhiêu lời văn đại-đồng, tiêu-dị, (phần lớn đồng nhau, chỉ khác là phần nhỏ).

Ông Vương-Nhật-Hưu chung lấy văn của năm nhà dịch, so-sánh lấy chỗ giản-dị và rõ ràng, lưu-thông đời nay, lợi-ích rất lớn. Nhưng Ông không theo bản chữ Phạm, chỉ chăm-chước theo văn Tàu, nên chưa dùng phép dịch. Phải chi Ông dùng bản chữ Phạm để dịch lại, thì thành sáu nhà dịch, không ai phê-bình được. Vì thế, nên Ông không nói dịch, mà chỉ nói giáo-chánh thôi. Lại trong đó có chỗ bỏ chỗ dùng, ông theo văn xưa, nhưng cũng có chỗ lấy chưa hết.

Như ba bức vãng-sanh, theo bản dịch đời nhà Ngụy, đều nói « Phát Bồ-đề tâm », mà Ông Vương-Nhật-Hưu chỉ nói bậc trung mới phát Bồ-đề tâm, bậc hạ không phát, bậc thượng hoàn toàn không nói đến. Thế thì trên dưới mất thứ

lớp. Vả lại trong văn, nói : Người có nhiều thiện-căn, là hoàn-toàn chỉ cho người phát tâm Bồ-đề. Ba bậc tuy không đồng, nhưng vẫn đồng một điều là có phát-tâm ấy, làm điểm chính của sự vãng-sanh, thế mà ông lại bỏ đi, nên nói ông lấy có chỗ chưa hết.

Song nay giải lời Sớ-Sao kinh này, với chỗ viện-dẫn, về nghĩa thì gồm thấu cả năm nhà dịch, về lời lẽ thời phần nhiều theo văn của ông Vương-Nhật-Hưu, bởi vì bản dịch của ông ấn-hành được lưu thông, người đời thường dùng, ai ai cũng quen thấy. Còn năm bản kia chỉ rút chút ít, phần đại khái thì lấy kinh Đại-Bổn làm mục-tiêu. Nên với cả sáu môn trên, đều gọi là Đại-bổn. Kinh Di-Dà đây kêu là Tiểu-Bổn ; Dù văn có nhiều và ít, chứ nghĩa không hơn không kém, nên cho thuộc về đồng-bộ.

2.- MINH-LOẠI

CHÁNH-VĂN : Minh-loại là gì ? Nó có ba thứ :
1.- Quán-kinh ; 2.- Cồ-Âm-Vương kinh ; 3.- Hậu xuất A-Di-Đà kệ kinh.

CHÚ-GIẢI : Loại là gì ? Loại, nghĩa là không đồng bộ, nhưng đồng một loại. Thí-dụ như anh em chú bác, tuy không đồng một cha mẹ, mà đồng một ông nội, bà nội, cũng gọi là anh em ngang vai, anh em ngang hàng, nên nói là đồng-loại.

Quán-Kinh là gì ? Kinh « Quán Vô-Lượng-Thọ Phật » nói đủ 16 pháp diệu-quán và nhứt-tâm tam-quán, rõ như lời Sớ-Sao của bổn kinh ấy nói.

Khi Phật ở tại Chiêm-Ba-Đại-Thánh, nơi ao Đà-Dà-Linh, cùng với 100 thầy Bỳ-Sô nói kinh Cồ-Âm-Vương. Trong kinh ấy nói : Nếu có bốn chúng thọ trì danh-hiệu của Phật A-Di-Đà, đến khi mạng chung, sẽ được Phật và Thánh-chúng tiếp-dẫn vãng-sanh v.v....

Kinh Hậu-xuất-Kệ là kinh gì ? Kinh này từ đầu chí cuối, chỉ toàn là nói bằng kệ (136) nên gọi là bộ Đà-Đà. Trong bộ ấy nói : « Người phát-nguyện dụ như chư Phật » ; mà với 48 lời thệ-nguyện, chỉ còn phân nửa là 24 lời nguyện. Cũng đồng

với hai nhà dịch đời Ngô, đời Hôn. Nhưng 48 lời nguyện từ xưa đến nay tuyên-truyền đã lâu ; 24 lời nguyện ấy hoặc là bản chữ Phạm đứt, thiếu cũng chưa biết chừng ?

Có người hỏi : Kinh Cồ-Âm-Vương cũng nói tri-danh, vì sao không đồng bộ với kinh này ?

Đáp : Do vì lời chú kinh kia tuy cũng có nói pháp tri-danh, nhưng mà trọng về pháp tri-chủ hơn.

3.- PHI-BỘ PHI-LOẠI

CHÁNH-VĂN : Xét, rõ « Phi-bộ phi-loại » là những bản kinh không phải đồng bộ và đồng loại, nhưng cũng nói kèm về pháp môn Tịnh-Độ. Như kinh Hoa-Nghiêm, kinh Pháp-Hoa và Luận-Khởi-Tín v.v... Lại dầu không phải bộ loại, nhưng mà trong ấy cũng nói về pháp chuyên trì danh-hiệu, như kinh Văn-Thù Bát-Nhã.

CHÚ-GIẢI : « Cũng có nói kèm » là gì ? Ngoài những kinh đồng-bộ đồng-loại ra, còn có những kinh tuy không chuyên nói về pháp-môn Tịnh-độ, nhưng trong ấy cũng có nói đến lời khuyến-tán vãng-sanh Tịnh-độ, như kinh Hoa-Nghiêm phẩm Hạnh-Nguyện đã nói : « Mười lời đại nguyện lớn và rồi sau lại nói cũng do mười nguyện chùa ấy, để dẫn-dắt về nước Cực-Lạc » ấy vậy.

Trong kinh Pháp Hoa nói : “Người nào tụng kinh này (Pháp Hoa) khi mạng chung (chết) sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà”. Thật vậy, về Luận Khởi Tín, như trong khoa Giáo-Khởi trước đã nói, hai chữ vân-vân (v.v...) là : Như kinh Quán Phật tam-muội, kinh Thập-Trụ và đoạn kết và các kinh đều có nói đến Pháp-môn Tịnh-độ trùng trùng không phải một. Như lời Tập-dẫn trong văn sau sẽ rõ. Với kinh Văn-Thù Bát-Nhã, cũng sẽ nói rõ trong văn « Chấp trì danh-hiệu » sau.

DỊCH-THÍCH TỤNG TRÌ (phân ra làm 5 phần)

1. Minh-dịch (nói việc phiên-dịch)
2. Minh-thích (nói việc giải-thích)
3. Minh-tụng (nói việc tụng có tech)
4. Minh-trì (nói trì danh có linh-nghiệm)
5. Kết-khuyến (lời kết đề khuyến)

1. - MINH DỊCH

CHÁNH-VẤN : Đã hiết kinh này, nào bộ, loại, rộng, nào hẹp, đồng, khác với nhau như thế rồi, nhưng chưa biết kinh này dịch về thời-đại nào, có bao nhiêu nhà dịch ? Cho đến người chú-thích mở rộng là ai ? Những người đọc tụng thọ trì có linh nghiệm gì ?

Trước hết nói rõ có hai nhà dịch : 1.- Đời Dao-Tần Ngài Tam-Tạng Pháp-sư « Cưu-Ma-La-Thập », dịch bộ kinh « Phật thuyết A-Di-Đà » tức bộ kinh này.

CHÚ-GIẢI : Chữ Dao-Tần, nghĩa là thuở đời Châu có nhà Dinh-Tần ; Nam Bắc Triều có nhà Phù-Tần và Dao-Tần (137). Nay nói Dao-Tần, là để phân biệt với Phù-Tần và Dinh-Tần kia.

Tam-Tạng, tức là người học thông ba tạng : tạng Kinh, tạng Luật và tạng Luận, thêm giỏi cả tiếng Hoa (Tàu) tiếng Phạm (Brahma) nữa.

Chữ Pháp-sư nghĩa là người nhận-lãnh được Phật-pháp, diễn-giảng dạy bảo, làm mô-phạm trong chúng.

Cưu-Ma-La-Thập, là tiếng Phạm, đọc đủ là : Cưu-ma-la-kỳ-bà-Thập ; năm chữ trên, dịch là « đồng-thọ » (tuổi trẻ đức cao) ; chữ Thập là người thông-thạo các môn văn-tự của phương đây (Tàu) hiệp cả Tàu và Phạm chung kêu là « La-Thập ».

« Dịch » là đời. Nghĩa là đời tiếng Phạm thành tiếng Tàu, theo sách Châu-Lễ nói Chủ quản tiếng nói thuộc về bốn phương, mỗi phương đều có ông Quan thông-thạo tiếng phương ấy. Như ông Quan phương Bắc nói là « Dịch ». Do kinh này, từ xứ Tây Thiên-Trúc đem sang nước Đông-Độ, mà nói rằng « Dịch », là vì đời nhà Hôn ông Quan phía Bắc (nước Tàu) gồm thông cả tiếng Tây Thiên-Trúc nữa, nên khi đức Ma-Đẳng bên Tây-Trúc mới đến Tàu, ông bên gọi là « Dịch ». Nay cũng căn-cứ theo đây.

Xét bốn truyện của Ngài Pháp-sư La-Thập, chính là người nước Trung Thiên-Trúc. Cha Ngài tên là Cưu-Ma La-Diệm dòng-dõi làm chức Tướng-quốc (Quan Thừa-tướng) lại

bỏ chức, đi du lịch qua nước Ku-che (Cru-Ty) ; Vua nước ấy (138) đem gả em gái, sanh ra Ngài. Khi Ngài vừa sanh sẵn có tinh-thần sáng suốt ; năm lên bảy tuổi, một hôm theo mẹ vào chùa, thấy cái bát bằng sắt Ngài lấy đội thử lên đầu, thoạt nghĩ : Bát này nặng quá làm sao ta đội nổi. Tức thì bát ấy quá nặng bội phần, Ngài không thể đội được. Ngài liền tỏ ngộ được lý « Vạn-pháp duy-tâm », học rộng nhớ dai, không ai sánh kịp. Bởi còn tuổi trẻ mà đức-hạnh cao cả, nên gọi là « Đồng-Thọ ».

Đã học thông ba tạng, từ phương Đông vua nước Ku-Che (Cru-Ty). Vua này mới lập Pháp tòa Sư-tử bằng vàng mời Ngài ngồi lên thuyết-pháp. Bấy giờ chúa Phù-Kiên chiếm lấy nước Tần, sắp đem binh qua đánh lấy Tây-Vực. Bổng gặp Quan Thái-sử vào tâu : « Bẩm Chúa-Thượng, Tiều-thần xem Thiên-văn thấy hiện một ngôi sao lạ bên Tây-Vực, chắc có bậc Đại-đức trí-nhơn vào giúp Trung-Quốc ». Chúa Phù-Kiên nói : « Trẫm nghe bên nước Ku-Che (Cru-Ty) có Ngài La-Thập, phải chăng là ngôi sao ấy ? » Rồi liền sai tướng-soái Lữ-Quang (139) đi đánh nước Cru-Ty. Khi sắp hành binh chúa Phù Kiên bảo Lữ-Quang rằng : « Trẫm đây không phải ham muốn đất đai mở rộng biên-cương mà dùng binh đâu. Chỉ vì Trẫm nghe ngài La-Thập là người hiểu sâu pháp-tướng của Phật, có thể làm giảng mới cho kẻ hậu-học. Nếu khanh đánh thắng được nước Cru-Ty rồi phải lập tức chạy trạm đề hộ tống đưa Ngài La-Thập về đây cho Trẫm gặp ».

Bấy giờ, Lữ-Quang chiến-thắng nước Cru-Ty, bèn chở Ngài La-Thập về. Nhưng đi mới nửa đường nghe tin chúa Phù-Kiên bị Dao-Trần làm hại, nên Lữ-Quang không về nước mà ở lại Lương-Châu. Ngài La-Thập vì thế nên không được đến nước Tần.

Sau Dao-Trần cũng nghe danh tiếng Ngài, qua thỉnh nhưng Lữ-Quang không cho. Dao-Trần chết, con Dao-Trần là Dao-Hưng cố thỉnh, song Lữ-Quang cũng không cho. Như đó Dao-Hưng cử binh đi đánh, cháu Lữ-Quang thua, đầu hàng nước Tần. Bấy giờ mới rước được Ngài La-Thập vào ải, tôn kính Ngài lên làm chức Quốc-sư.

Ngài xem kinh cũ, nghĩa phần nhiều sai lạc, không hiệp với bốn chữ Phạm. Ngài bèn triệu-tập các thầy sa-môn như ông : Tăng-Triệu, Tăng-Duyệt, tất cả hơn 800 người, mới dịch ra kinh, luận trên 390 quyển đều thần suốt nguồn-tâm, mở bày lý-nhiệm.

Trước khi sắp tịch, Ngài nhóm chúng lại nói : Tôi nguyện những kinh của tôi dịch, lưu-truyền đời sau được thông-dụng khắp cả, nay đối trước chúng, tôi phát lời thệ thành thật : « Nếu kinh sách của tôi dịch không sai lầm, thì sau khi đốt thân, cuống lưởi tôi không cháy nát ».

Ngài tịch ở đất Trường-an, nhằm niên-hiệu Hoằng-Thị, năm thứ 11 (140) tháng 8, ngày 20. Sau khi làm lễ trà-tỳ, củi cháy hết, xác ngài tiêu, mà cuống lưởi vẫn còn nguyên vẹn như lúc sống.

Nay kinh này, ngài La-Thập dịch, cuống lưởi không hư, cùng với chư Phật tướng lưởi rộng dài _đề khen ngợi kinh đây, hiệp lại mà quán xét thì, lời Phật nói thật không sai ; do nơi đây lại càng thêm tin.

CHÁNH-VĂN : Hai : Kinh « Xưng Tán Tịnh-Độ Phật Nhiếp-Thọ », đời Đường, ngài Tam-tạng Pháp-sư Huyền-Trang dịch.

Hai kinh hiệp lại so-sánh, phần lớn đồng nhau, chỉ khác chút ít, người đời yêu chuộng, phần nhiều đều theo bản nhà Tần.

CHÚ-GIẢI : Ngài Huyền-Trang pháp, sư : Nguyên là con nhà họ Trần, người ở huyện Hưu-Thị, xuất thân tại Châu Lạc-Dương ; đời nhà Đường (141). Thuở nhỏ gặp nhiều hoạn-nạn theo anh trưởng là ông Kiến pháp-sư, xuất-gia ở chùa Tịnh-Trụ, năm lên 11 tuổi tụng kinh Duy-Ma và Pháp-Hoa bỗng nhiên giác-ngộ (phát huệ) người đời không ai sánh kịp, 21 tuổi giảng bộ Tâm-Luận, không cần xem văn-tự, mà nói thông như nước chảy. Người đời tặng Ngài là Thần-Nhơn (người hay như thần).

Hoàng-Hiệu Trinh-Quán năm thứ ba (142) ngài qua Tây-Vực (Ấn-Độ) thỉnh kinh, gặp đủ mọi sự nguy-hiểm, đường gian-nan, trải qua một trăm năm mươi nước mới đến nước Xá-Vệ (143) thỉnh hơn 600 bộ kinh.

Đến năm Hoàng-Hiệu Trinh-Quán thứ 19, (144) trở về kinh-đô nước Tàu, ở tại đền Ngọc-Hoa, phiên-dịch Kinh, Luận, tổng cộng 1.330 quyển.

Khi ngài đã già bệnh, nằm thấy có bông sen trắng lớn và tướng-hảo của Phật. Ngài nằm nghiêng bên hữu chõng chơn lại mà tịch ; xác để hai tháng mà diện mạo như lúc còn sống (145).

Nhắc lại ngày trước, khi Ngài qua Tây-Vức thỉnh kinh, Ngài vỗ cây Tùng ở chùa Linh-Nham Ngài thệ, và dặn rằng : Ta đi qua phương Tây, người phải ngả về phương Tây, lúc ta trở về phương Đông, người cũng ngả về phương Đông nhé. Dặn thế rồi Ngài đi, thì cây Tùng y lời dặn của ngài, ngả về phương Tây dài đến hai trượng. Một hôm bỗng nhiên nó ngả trở lại phương Đông (146) đệ-tử mừng nói rằng : Thầy sắp về ! Quả nhiên ngài về thật. Người đời gọi cây Tùng ấy là : Ma-đảnh-Tùng (147).

Xét lời thệ nguyện của Ngài chơn thật, nên muốn chi được nấy, không sai. Như vậy cuống lưỡi của ngài La-Thập không hư, cùng với tướng lưỡi rộng dài của chư Phật, vẫn đồng một ý. Nên với kinh Ngài dịch đây, đâu chẳng tin ư ?

Hiệp lại so sánh : Là nghĩa hiệp trước sánh sau mà dịch trùng lại vậy. Đại-đồng, Tiều-dị : là tiếng Phạn có hơi khác, và lời nói có nhiều ít, như chữ Hằng-Hà, có bản dịch là Căng-Già (148) và sáu phương, hoặc nói là mười phương chẳng đồng nhau. Nhưng đại-ý vẫn một (không trái nhau).

Phần nhiều theo bản nhà Tần, là kinh Pháp-Hoa có ba nhà dịch, mà bản dịch của nhà Tần thanh-hành hơn. Kinh này hai nhà dịch cũng lại như thế.

2. - MINH-THÍCH

CHÁNH-VĂN : Kế đây nói người giải-thích kinh này. Về Luận thì có ngài Thiên-Thân Bồ-Tát làm ra bộ < Vô-Lượng-Thọ Kinh Luận >. Giải thì có ngài Từ-Ân làm lời Thông-Tán, Ngài Hải-Đông làm lời sớ, Ngài Cô-Sơn làm lời sớ, cho đến Ngài Đại-Hựu làm bộ Lực-Giải v.v...

CHÚ-GIẢI : Ngài Thiên-Thần Bồ-Tát thường nhập pháp định « Nhứt-Quang » (149) lên nội-viện cung trời Đâu-suất tham học với đức Từ-Thị (Di-Lạc), rồi viết ra bộ « Vô-Lượng-Thọ kinh Ưu-Bà-Đề-Xá ». Ưu-Bà-Đề-Xá Tàu dịch : Phân-Biệt-Nghĩa. Ngài Từ-Ân pháp-sư tên là Khuy-Cơ, cháu ông Huất-Trì Kinh-Đức Ngài Huyền-Tráng độ cho đi xuất-gia, học thông kinh Đại-thừa, Tiểu-thừa làm lời Sớ giải các kinh, tính hơn 100 quyển. Giải bộ kinh « Di-Lạc-Hạ-Sanh », trong ngòi bút đăng 27 hột ngọc Xá-Lợi. Ngài có viết một quyển kinh « Di-Đà Thông-Tán », để chỉ bày nghĩa cốt-yếu Tây-phương Tịnh-độ.

Ngài Hải-Đông pháp-sư tên Nguyên-Hiền, Sớ giải kinh nay, đại khái căn-cứ theo Luận làm chủ. Ngài Cồ-Sơn-Viên pháp-sư, làm lời Sớ cả mười bộ kinh đề lưu-thông (15), mà lời sớ kinh đây là một phần trong ấy.

Các Ngài : Ngài Nghĩa-Uyên, ngài Tịnh-Giác, ngài Việt-Khê v.v..., nhiều ngài giải thích lắm nhưng mà phần nhiều lạc mất. Đến đời nhà Nguyên, Ngài Đại-Hựu pháp-sư, mới có làm bộ Lược-Giải. Nay đây duy còn những lời Sớ của Ngài Hải-Đông, Ngài Việt-Khê và Ngài Đại-Hựu mà thôi.

Lâu đời, người mất, kinh lạc giáo lờ, thành thử làm cho pháp-môn rộng lớn sáu xa như thế mà mỗi người không nhận hiểu được, đâu không buồn ư ?

CHÁNH-VĂN : Hoặc luận những kẻ xa vâng ý Phật, mở rộng tôn mầu, như là : làm Luận làm Văn, làm Tập, làm Lục, làm Truyện, làm Kệ, làm Phú, làm Thi, lẫn nhau khen ngợi, số ấy không những số ức (151), đâu chẳng đình-ninh khăn cáo, cảm-khái, bi-ca, khuyến cả chúng mê-lưu đồng về con đường giác-ngộ. Vậy chúng ta một phen xem đến, đâu chẳng ghi lòng !

CHÚ-GIẢI : Văn trước chỉ những người chú-giải kinh này, văn đây nói đa số người có những lời khen ngợi cõi Tịnh-độ, không thể biên đủ.

Làm Luận như các bộ « Thập-Nghi-Luận ». « Bảo-Vương-Luận » (152) v.v... làm Văn như « Văn của Ngài Long-Thơ », « Văn của Ngài Vô-Tận » (153) v.v... làm Tập như « Tập-Quyết-Nghi », « Chỉ-Quy » v.v... làm Lục như bộ « Tịnh-độ Tự-Tín » v.v...

làm Truyện như bộ « Tịnh-độ Lược-Truyện » v.v... làm Kệ như « Kệ Kinh-Lộ Tu-Hành » v.v... (154) làm Phú như bài « Thần-Thê An-Dương » (155) v.v... làm Thi như « Thi-Chư-Gia Hoài-Tịnh-Độ » (156) v.v...

« Cáo » mà nói rằng « Khẩn » là lời chơn-thành, trông mong ai nấy tín thọ vãng lời làm theo.

« Ca » mà nói rằng « Bi » là lời buồn thảm, hoặc vì quá cảm-khích mà thốt ra.

Chữ lệ cũng như số « Chẳng những số ức » là nói Số quá nhiều không thể dùng số ức để tính kể cho hết. Đây là bức Hiền, Thánh khen ngợi pháp-môn Tịnh-độ, ngàn vạn lời không nhàm, lặp đi lặp lại nhiều lần, mục đích muốn đem hết chúng-sanh trong biển sanh tử, về về cõi Phật mà thôi.

Vậy chúng ta nay phải mang ơn báo đức, khắc cốt ghi lòng, lần lượt lưu thông, thay nhau khuyến dẫn. Nếu cứ cất kỹ không xem, xem mà không tin, những hạng ấy chẳng nói là lời dạy trẻ thơ, thời cũng nói là lý-luận kỳ-ngu (nhảm-nhí). Những hạng như thế, thôi đành cam phận, chờ biết làm sao ? !

3. - MINH-TỤNG

CHÁNH-VĂN : Kể nói sự lợi ích của người tụng kinh này; như « *Cuống lười không hư, nhạc trời rước về Tịnh-độ* », vừa giải-oan vừa vãng-sanh. Tụng chưa hết quyền mà ngồi tịch ; về Cực-Lạc như vào Thiên-định ; khi chết thấy hoa sen trắng, đài bạc đồi thành đài vàng, nhạc dờ qua rồi, nhạc hay tiến đến.

CHÚ-GIẢI : *Cuống lười không hư* là : Trong bộ Trí-Độ-Luận nói : Có vị Bì-sô tụng kinh Di-Đà, khi sắp làm-chung nói với các đệ-tử rằng : « Có Phật A-Di-Đà và các vị Thánh-chúng đến rước ta kia ». Sau khi hỏa-thiêu thân cháy mà cuống lười không nám, sắc tướng tự nhiên.

« *Nhạc trời rước về Tịnh-độ* » là : Đời Tống, ông Đường-Thế-Lương tụng kinh Di-Đà mười muôn biến. Một hôm bảo người nhà rằng : « Phật đến rước ta ». Nói rồi lay Phật, ngồi mà qua đời. Đêm ấy có người đi buồn, nghỉ trên núi Đạo-vị.

nằm mộng thấy phượng Tây có hào-quang lạ và trảng-phan, hương hoa lãnh-xãng, tiếng nhạc véo von, trên không có tiếng kêu rằng : « Ông Đường-Thế-Lương đã sanh về Tịnh-độ ».

« *Vừa giải oan, vừa vãng-sanh* » là : Đời Tống đất Thượng Ngu, có tên Phùng-Mân, lúc trẻ ưa đi săn bắn, thấy con rắn lớn, cầm mác (dao), muốn tới đâm. Lúc ấy con rắn ở dưới gộp đá muốn mổ (cắn) con bò nghé (con) Ông Phùng-Mân lẫn đá trên gộp xuống đè rắn đến chết. Rắn thường biến làm loài yêu quái để hại Phùng-Mân. Nhưng Phùng-Mân nhờ tu pháp sám-hối, niệm Phật nhiều năm, rắn không làm hại được. Một hôm Mân mời các bạn đồng tu trong hội « Tịnh-Độ » tụng kinh Di-Đà, rồi Mân chấp tay niệm Phật mà qua đời.

« *Tụng chưa hết quyền ngồi tịch* » là : Đời nhà Tần, có ngài Trí-Tiên pháp-sư hiệu Chơn-Giáo ở chùa Bạch-Liên, ngài xây mặt về hướng Tây, tu pháp Thập-niệm 13 năm, một ngày 12 thời, không tạm nghỉ.

Một hôm ngài hơi bệnh, bảo tên Quán-Đường hành-nhơn tụng kinh Di-Đà, tụng, chưa hết quyền, ngài ngồi an nhiên mà qua đời.

Về *Cực-Lạc như vào Thiền-định* : Đời Tống ngài Thích-Xử-Khiêm tinh-tấn tu pháp Tịnh-độ, một hôm tụng kinh Di-Đà xong, và khen ngợi pháp Tịnh-độ ngài bảo trong chúng rằng : Ta dùng bản tánh vô-sanh mà sanh về Tịnh-độ. Nói rồi ngài ngồi ngay thẳng như vào Thiền-định, thoát vậy mà tịch.

Lúc chết thấy hoa sen trắng : Đời Tống có bà Chung-Âu người ở quận Gia-Hòa, mỗi ngày tụng mười biến kinh Di-Đà, niệm Phật không thôi. Một hôm bà bảo các con rằng : « Ta thấy hoa sen trắng vô số, các vị thánh đến rước ta ». Bà nói vừa dứt lời liền ngồi ngay thẳng mà tắt thở.

Đài bạc đổi đài vàng : Ngài Hoài-Ngọc Thiền-sư, người ở đất Thai-Châu, thân mặc áo vải, mỗi ngày ăn một bữa, thường ngồi, không nằm, tinh-tấn niệm Phật. Ngài tụng 30 muôn biến kinh Di-Đà. Một hôm ngài thấy Thánh-chúng bèn Tây-phương Tịnh-độ nhiều như số cát sông Hằng, có một vị tay bưng đài bạc từ cửa sổ đi vào. Ngài Hoài-Ngọc than rằng :

« Suốt đời tôi tinh-tấn thề được đài vàng. Vì sao nay được cái này ? » Nói thế đài bạc liền ẩn mất. Ngài Hoài-Ngọc quá cảm kích lại càng tinh-tấn bội phần. 21 ngày sau, thấy Phật đầy giữa hư-không, ngài liền bảo đệ-tử rằng : « Đài vàng đến rước ta sanh về Tịnh-độ ». Rồi ngài nói bài kệ mỉm cười mà tịch. Quan thái thú ở quận ấy tên Đoàn-Công, lấy làm lạ, mới làm bài thi khen ngợi, có câu : « Chi đê chỉ vị, quả kim đài » (157).

Nhạc dờ đi rồi, nhạc hay tiếp đến : Đời Nguyên có ông Tử-Hoa Thiền-sư, trong niên-hiệu Đại-lịch năm thứ chín (158) ở chùa Quan-Âm, tại đất Nhuận-Châu, tụng kinh Di-Đà ròng sáu tháng. Một hôm Ngài cảm bệnh, đêm đó nghe mùi hương và tiếng nhạc trên hư-không có tiếng bảo rằng : « Nhạc dờ qua rồi, nhạc hay tiếp đến, người sẽ vãng-sanh ». Thế rồi ông niệm Phật giây lâu mà tịch. Mùi hương lạ suốt ngày chưa tan.

CHÁNH-VĂN : Lại như biên chép kinh này thì cảm hóa được mọi người ; diễn-giảng thì có điềm lành chim Bạch-Hạc.

CHÚ-GIẢI : Biên tả : Đời Đường có ngài Thiện-Đạo Đại-sư, hễ được tiền của ai cúng, ông dùng để tả kinh Di-Đà được mười vạn quyển, khuyên người thọ trì Ngài cũng có khi tụng đến mười vạn biến, hoặc có khi tụng đến năm mươi vạn biến, kể tặng người tục (Cư-sĩ) đều qui kinh. Có người cảm quá đến đổi đốt thân cúng dường. Có những người đặng pháp « niệm Phật tam-muội » không thể kể xiết ! !

Diễn giảng : Đời Tống có ông Thâm-tam-Lang, tuổi già hồi tâm niệm Phật. Nhưn lúc bệnh, ông thỉnh chư Tăng giảng kinh Di-Đà ; ông thay áo mà qua đời ; bỗng có chơn muốn trỗi dậy. Hai người con chấp theo nhà danh giáo (đạo nho) cho sự đổi hòm là khó, mới kéo chơn ông ra cho thẳng khi sắp sửa liệm. Ông bỗng cất đầu ra khỏi áo, mền ; vùng mình ngồi dậy cả nhà kinh hãi. Hai người con lật đặt tới trước diu đỡ, ông bèn lấy cánh tay hất ra. Còn nói : Đỡ cha ngồi mà đi chớ. Rồi ông ngồi ngay thẳng chết lại.

Lúc làm lễ trà-tỳ ông, có 29 con chim Bạch-hạc bay đảo liệng mãi và kêu trên mây ; giây lâu rồi bay thẳng về phương Tây cõi Tịnh.

CHÁNH-VĂN : Cảm ứng hiện tiền, thời xa thấy đất báu ; quyết được vãng sanh, thời kinh Niết-Bàn chẳng sánh. Sự cảm ứng như đây, xưa nay thường thấy.

CHÚ-GIẢI : Ở xa thấy đất báu ; Đời Đường ngài Đại-Hạnh Thiền-sư ban đầu tu pháp sám của đức Phổ-Hiền, sau vào trong Đại-Tạng, tùy theo tay hể rút lấy ra một quyển nào sẽ tụng theo kinh ấy, thì nhằm quyển kinh Di-Đà. Thế rồi ngày đêm Ngài tụng niệm, đến ngày thất thứ ba, Ngài thấy trên đất toàn là ngọc lưu-ly. Phật Di-Đà và đức Quan-Âm, Thế-Chí hai vị Đại-Sĩ hiện trước mặt. Vua Hy-Tôn nghe việc này, mời ngài vào cung, ban cho ngài hiệu là Thường-tĩnh-Tiến Bồ-tát. Sau lại thấy trên đất toàn là ngọc lưu-ly một lần nữa, liền ngày ấy Ngài qua đời. Mùi hương lạ nghe thơm cả tuần ; nhục thân của ngài không hoại (159).

Kinh Niết-Bàn chẳng sánh : Đời Lương có ngài Đạo-Trần pháp-sư giảng kinh Niết-Bàn. Trong Hoàng-hiệu Thiên-giám (160) dừng gây-tích (161) ở núi Lô-sơn, Ngài rất mộ pháp tu Tịnh-độ của ngài Viễn-Công. Nhơn khi thiền-định, ngài bỗng thấy trong biển có vài trăm người ngồi trên thuyền báu đi ngang trước mặt. Ngài bèn hỏi đi đâu đó vậy ? Người trong thuyền đáp : Chúng tôi về nước Cực-Lạc. Ngài yêu cầu cho quá giang. Nhưng mấy người trong thuyền kia nói : Pháp sư tuy có giảng kinh Niết-Bàn rất hay, cũng thật là Bất-khả Tư-nghì, công đức rất lớn. Nhưng mà ngài chưa tụng kinh Di-Đà, thì đâu được cùng với chúng tôi về nơi Cực-Lạc.

Từ đó pháp sư nghỉ giảng kinh Niết-Bàn, bắt đầu niệm Phật và tụng kinh Di-Đà đến hai vạn biến. Khi sắp lâm chung, cuối ngày thất thứ tư, ban đêm vào canh tư, ngài thấy phương Tây có người bưng đài bạc đến, giữa hư-không sáng rực như ban ngày. Có tiếng kêu rằng : Pháp-sư lên ngồi đài nầy để mà vãng-sanh.

Lúc ấy cả đại chúng đều nghe nhạc trời và mùi hương lạ. Những mùi hương quý nầy đến mấy ngày vẫn còn thơm. Đêm đó chúng tăng ở chùa Phong-đánh xa xa thấy trong miệng hang có vài mươi ngọn đuốc chói sáng suốt đêm. Ngày sau mới biết Pháp-sư đã qua đời.

Những sự tích nêu trên đây đều do là người tu nhơn được chứng quả ; đây cam thi kia ứng, thường thấy thường nghe, từ xưa đến nay chưa dễ gì nêu ra cho hết.

4.- MINH - TRI

CHÁNH-VĂN : Nói sự linh nghiệm của người tri danh hiệu Phật hoặc một niệm trong miệng bay ra một đạo hào-quang, hoặc một tiếng trong miệng bay ra một vị Phật, hoặc niệm vang động cả rừng, hang, hoặc tiếng niệm thấu đến cung vua hoặc sáu thời kế tiếp niệm mà y-báo, chánh-báo đầy hư-không, hoặc gạch chữ thập đề nêu tâm, mà được Thánh-hiền vào hội, cho đến đời nay có những danh lưu tiếp tục.

CHÚ-GIẢI : Đây chính là nói rõ về pháp tu chấp tri danh hiệu Phật vậy. Đối với những bậc Thánh-hiền tu Tịnh-nghiệp thành tích rất nhiều, không thể thuật hết. Ở đây chỉ kể lại một vài việc, mà người đời đã được nghe thấy rõ ràng, để làm bằng hay làm gương đáng khuyến-khích.

« Niệm Phật bay ra hào quang » là : Đời Đường có người hỏi ngài Thiện-Đạo đại-sur rằng : Niệm Phật có được sanh về Tịnh-độ không ?

Ngài đáp : Cứ như người sở-niệm thế nào, thì được toại sở-nguyện cũng thế. Khi đó ngài Thiện-Đạo tự niệm một câu « A-Di-Đà Phật » liền có một đạo hào-quang từ trong miệng bay ra. Ngài niệm luôn mười câu đến trăm câu hào-quang cũng vẫn cứ bay ra như vậy, thành ra cả nhà đầy hào-quang. Nghe được sự linh-nghiệm ấy nhà vua sắc-tứ cho chỗ ngài ở là « Quang-Minh-Tự ». Sau ngài lên cây liễu ngồi ngay thẳng mà tịch.

« Niệm Phật bay ra vị Phật » là : Ngài Thiếu-Khương pháp-sur ở núi Ô-Long, kiến-thiết đạo-tràng Tịnh-độ, khuyên người niệm Phật. Trong chúng thấy ngài niệm Phật một tiếng, trong miệng bay ra một vị Phật sáng, cho đến mười tiếng niệm, đều có đủ mười vị Phật thứ lớp bay ra như xâu chuỗi. Đến ngày lâm-chung có mấy đạo hào quang đoanh quanh nơi miệng, thoát vậy mà tịch (162).

« Tiếng niệm Phật vang động cả rừng, hang » là : Đời Đường, ngài Đạo-Xước Thiền-sư, thường ngày vì trong chúng giảng kinh Vô-Lượng-Thọ gần 200 biến, mỗi người tay lần chuỗi, miệng niệm danh hiệu Phật, khi tan hội, mà tiếng niệm còn vang động cả khu rừng.

« Tiếng niệm Phật thấu đến cung vua » là : Đời Đường Ngài Pháp-Chiếu ở đất Tinh-Châu, lập 5 hội niệm Phật, cảm đến Hoàng-đế Đại-Tôn ở đất trong cung nghe tiếng niệm Phật, Vua liền sai sứ đi tìm. Thấy sư khuyến hóa người niệm Phật rất thanh-hành, vua liền mời vào cung. Những người ở trong cung nhờ Sư dạy niệm Phật, cũng đến năm hội ; vua phong hiệu Sư là : « Ngũ-Hội Pháp-Sư ».

« Sáu thời kế niệm » là : Đời Tần, ngài Huệ-Viễn pháp-sư ở Lô-Sơn, chế tạo cái đồng hồ bằng hoa sen để phân giờ tu niệm sáu thời niệm Phật (163), lắng lòng nổi tưởng ; 19 năm sau, đến đêm 30 tháng 7, ở trong nhà Bát-Nhã đang ngồi thiền định vừa đứng dậy, thấy thần Phật A-Di-Đà đầy cả hư-không. Trong hào-quang bóng tròn có vô lượng hóa Phật và các chúng Bồ-Tát ; nước chảy, hào-quang đều diễn nói pháp mầu.

Phật nói : Ta do sức bản nguyện đến an-ủi người, bảy ngày nữa người sẽ sanh về nước ta. Đứng ngay nói trên, Sư ngồi ngay thẳng mà qua đời.

« Gạch chữ thập đề nêu tâm » là : Đời Tống, ngài Tôn-Trách Thiền-sư ở chùa Trường-Lô, tỏ ngộ lý thiền-tông thuyết gồm thông (164) mà vưng theo qui củ ngài Viễn-Tổ ở non Khuôn-lư, lập Liên-Hoa thẳng hội. Kỷ-luật hội đó, mỗi ngày niệm Phật A-Di-Đà, hoặc một ngàn tiếng, muôn tiếng chẳng hạn, cứ đến mặt trời lặn thì gạch treo chữ Thập đề ghi nhớ (165). Một hôm nằm mộng, ngài thấy một cậu trai, đầu bịt khăn đen, mặc áo trắng, dung mạo thanh-bai, đến bảo ngài Lô-Trách rằng : Tôi muốn vào hội Di-Đà của ông, xin ông ghi cho một tên. Ngài Lô-Trách hỏi ông tên chi ? Người ấy đáp . Tôi tên Phổ-Huệ ; rồi lại nói : Anh tôi tên Phổ-Hiền cũng xin đăng tên. Nói rồi liền ẩn mất. Ngài Lô-Trách thức dậy thuật lại điềm chiêm bao, các vị tôn-túc đều nói rằng : Trong kinh Hoa-Nghiêm về phẩm « Ly-thế-gian » có hai tên của hai vị Bồ-tát

ấy ; mới biết Thánh-hiền thăm giúp. Ngài liền ghi tên hai vị đại-sĩ ấy vào đầu sổ (Tiêu biểu hai vị hội-trưởng của hội niệm Phật).

« *Chiếu Đại* » là : Đời nay vậy. Như ngài Tây-Trai, ngài Không-Cốc, ngài Thiên-Kỳ, ngài Độc-Phong (166) v.v... Các ngài đây đều là bậc Cao-Tăng đời nay, dốc-tín ; tinh-tu, sánh với cái lành đời trước, nối nhau không đứt, đều chép rõ trong tập vãng-sanh.

Số là trong ngàn muôn truyện, chỉ ghi chép lại một vài truyện thôi.

CHÁNH-VĂN : Đến như cảm được cứu hộ, thời oan-nghiệp đời trước cũng độ được, quỉ dữ chẳng dám xâm ; đặng linh ứng, thời như mắt mù sáng lại, kẻ tù được thoát nạn.

CHÚ-GIẢI : « Oan-nghiệp đời trước cũng độ được » là : Đời Đường có cậu Thiệu-Buru, người ở Trấn-Giang ; lúc còn làm học trò, nằm mộng thấy đi đến chốn công-phủ. Người chủ ở đó hỏi : Người có tự biết vì sao mà đi thi không đậu ?

Buru nói : Dạ không biết. Nhon đó sai người dẫn Buru đi đến trước vài bước, thấy trong chảo lớn có loài ốc sò biết nói tiếng người, kêu tên Thiệu-Buru, Buru hoảng sợ liền niệm A-Di-Đà Phật, ốc sò biến thành chim Huỳnh-Tước bay đi. Thiệu-Buru sau thi đậu làm quan đến chức An-Phủ-Sứ.

Quỉ dữ không dám xâm là : Thuở Phật còn tại thế, có một nước ở gần gủi La-sát. Quỉ này ăn thịt người vô độ. Vua trong nước ấy giao ước với nó. Từ nay trong nước ta, mỗi nhà dựng một người, thứ lớp đem đến cho người dùng, vậy người đừng bắt ngang nữa.

Có nhà kia thờ Phật, chỉ sanh được một con trai, đến phiên nạp thịt cho quỉ, cha mẹ thương khóc, dặn con rằng : Con phải chí-tâm niệm Phật. Người con vâng lời thành tâm niệm Phật. Nhờ oai thần của Phật, quỉ không dám lại gần. Sáng ngày đến xem, thấy con còn sống, cha mẹ mừng rỡ đem về. Từ đây nạn La-sát ăn thịt người đã dứt.

Mắt mù sáng lại là : Đời Tống, con gái bà Sùng-Thị mù hai con mắt, niệm Phật ba năm, tinh-cần không bỏ lãng, cặp mắt sáng lại như xưa.

Người tù được thoát nạn là : Cuối đời Nguyên, có chúa Trương-Sĩ-Thành (167) chiếm lấy nước Hồ-Châu, đánh nhau với quan Thừa-tướng miền Giang-Tích, bắt được 40 tù binh nhốt trong xe chở đi giết. Đêm hôm đó xe tù ngủ nhờ nơi chùa Ô-Khoa đất Tây-Hồ. Bọn tù thấy ngài Đại-Du-Mưu Thiền-sư đi dạo dưới hiên Tây tung niệm có vẻ nhân nhả, nhơn đó xin ngài cứu giúp. Sư dạy phải chí-tâm niệm Nam-mô cứu khổ cứu nạn A-Di-Đà Phật. Trong đám có ba người tin theo lời sư ; miệng niệm không ngớt. Đến sáng mở tù, đổi gông xiềng, tới ba người này, đồ gia hĩnh không đủ, chỉ buộc bằng dây. Tra xét ra là lương dân bị bắt lầm, liền được tha bổng.

CHÁNH-VĂN : Lại nữa, người ác siêu là : Như ông Trương-Thiện-Hòa, niệm mười tiếng Phật, tướng địa-ngục hiện trước mắt liền tiêu, mà được hóa, Phật rước ở giữa hư-không.

Loài súc-sanh, như chim Cù-dục xưng danh hiệu Phật, mà hình hài chồn ròi, san trên mộ mọc hoa sen. Huống chi là thân người không tội ác mấy!... Và được phước báu gọi là tối linh ; thêm đủ Tin và Nguyện đều tu ; đâu thành luống bỏ.

CHÚ-GIẢI : « *Người ác* » là : Đời Đường có ông Trương-thiện-Hòa làm nghề hàng trâu, khi sắp chết, thấy bảy trâu đến đòi thường mạng cho nó. Lúc ấy ông hoảng sợ, kêu vợ nói : Mau rước thầy niệm Phật cho tôi. Nhà sư đến dạy rằng : Trong kinh nói, khi lâm chung tướng ác (168) hiện ra, nên chí tâm niệm Phật, thì sẽ được vãng-sanh.

Ông Trương-thiện-Hòa nói : Địa ngục-đến gấp, mau đem lư hương đây ! Rồi tay hữu bưng lư, tay tả cầm hương đốt, day mặt về hướng Tây, chuyên thiết niệm Phật, chưa đầy 10 tiếng, ông tự nói : Phật đến rước ta ; dứt lời liền tắt thở.

« *Loài súc-sanh niệm Phật* » là : Đồi Tống, tại non Huỳnh-Nham, chùa Chánh-đăng, Sư-cụ Quán-Công, nuôi chim Cù-dục (sáo). Ngài thường dạy nó niệm Phật không ngắt. Mới hôm đứng chết trong lồng. Ngài Quán-Công thương xót đem chôn. Sau trên mộ nó mọc lên một đóa sen hồng. Đào đất xem thử, thì hoa sen ấy từ trong chót lưỡi của chim Cù-dục mọc ra (Loài sáo-trâu : Toàn sắc đen, khi bay cánh nó diềm trắng).

Ngài Linh-chi-Chiếu luật-sư làm bài thi khen ngợi, có câu :

« *Chim lồng giam hãm không chi lạ ;
Đứng chết, mọc sen mới rất kỳ* » ! (169)

Như trên đây đã thuật lại những sự tích tri-danh niệm Phật. Từ sự tích : Niệm Phật trong miệng bay ra hào-quang, và trong miệng bay ra vị Phật, đến đây số là cũng trong muôn ngàn sự tích mà nay chỉ biên có một vài truyện thôi.

Chữ « Thắc » nghĩa là cái ác còn giấu ở trong tâm-khảm.

Chữ « Tối-linh » là nói loài người khôn ngoan hơn muôn loài (170).

Sau rốt kết luận rằng : Người ác niệm Phật còn được vãng-sanh, hưởng chi cái ác chưa ắt bằng như ông Trương-thiện-Hòa và súc sanh niệm Phật còn được vãng-sanh thay. Hưởng chi bạng tối linh mà gọi là nhân-loại. Lấy đó so sánh, biết chắc là niệm Phật được vãng-sanh, vậy quyết chắc rằng người niệm Phật, mà hẳn có cả Tín và Nguyện gồm tu, thì chỗ làm đầu có hư hỏng !

5.- KẾT-KHUYẾN

CHÁNH-VĂN : Thế nên một lời vừa xướng, ngàn Phật đồng khen. Bực tam học cao Tăng, trang cửu lưu danh đức, hoặc u hoặc hiền, hoặc Thánh, hoặc phàm, như muôn sông đều lại chẳng chảy về biển Đông ; cũng ví như các ngôi sao thấy đều về chầu sao Bắc-đẩu (171). Sánh với đường tắt, gọi là Phò-môn, lời đâu có dối. Vậy phải quyết chí cầu sanh, không nên nghĩ nghĩ gì nữa.

CHÚ-GIẢI : Văn đây tổng kết pháp môn Tịnh-độ, là chỗ nương về của tất cả chúng-sanh. Chữ « Xương » là dạy. Chữ « Canh » là nổi. Chữ « Thủy-xương » là : Đức Thích-Ca chỉ bày cõi Tây-phương Tịnh-độ chúng-sanh mới biết tu Tịnh-nghiệp (niệm Phật). Ấy là dắt mà dẫn đường đi.

Chữ « Đồng khen » là : Sáu phương Phật đồng khen ngợi, rõ như trong kinh văn nói, ấy là lời nổi mà hoa văn theo vậy. « Tam-học » là Thiền, Giáo, Luật, ba tông « Thiền », như ngài Vĩnh-Minh là bậc thạch-trụ (172) trong tông môn, mà được sanh về bậc Thượng-thượng-phẩm (173). Ngài Viên-Chiếu riêng giữ theo pháp đơn-truyền. « Giáo ngoại biệt truyền » mà được danh nêu bên Liên-cảnh (174). « Giáo », như ông Tăng-Duyệt rộng giúp ngài La-Thập dịch kinh ; mà hoa sen mọc trong giuròng (175). Ngài Từ-Minh (176) trùng hưng giáo pháp ngài Thiên-Thai (tôn Thiên-Thai) mà dạy mặt về Tây ngời tịch.

« Luật » như ngài Linh-Chi (177) khi sống hoằng luật Tỳ-ni mà lúc chết được vãng-sanh về nước An-dương. Ngài Thanh-Chiếu (178) mở rộng môn « học-luật » mà chết, nói bài kệ về Tây-phương. Nếu nói rộng ra, thì không thể kể xiết.

« Cửu lưu » : Nho-lưu, Đạo-lưu, Nông-lưu, Công-lưu, Y-lưu, Bốc-lưu (179) v.v... Nho lưu, như ông Văn-lộ-Công (180) đức nghiệp đầy triều mà còn kết duyên với 10 vạn người đồng sanh Tịnh-độ.

Ông Tô-Trưởng-Công văn-chương đức hạnh tuyệt vời mà cũng có làm thuyết Tây-phương Công-Cứ.

Đạo-lưu ông Các-Tế-Chi (181) bỏ học đạo tiên mà hồi tâm tu Tịnh-Nghiệp ; Ông Đàm-Loan pháp-sư đốt kinh Tiên, mà chuyên tu kinh Thập-lục-quán (182). Cho đến ông Từ-Chương học nghề thuốc của ông Kỳ-Bá, Huỳnh-Đế (183) mà cũng đề tâm niệm Phật.

Ông Trương Thuyên, làm nghề cày bừa mà cũng xưng danh hiệu Phật.

Chốn U-Minh, như xưa vua Minh-Quân còn kính lễ, (184) quỉ La-Sát nguời lòng (185).

Bực Thánh, như đức Văn-Thù cầu « Sanh ». Đức Phổ-Hiền nguyện « Vãng » (186) hướng chi cỏi Dương-thế với người phạm tục, không đợi luận nói vậy.

Chạy về biển Đông : nghĩa là : Nhóm về đến chỗ cùng tốt. Châu sao Bắc-Đầu, nghĩa là : Noi theo về gốc chủ. Dụ như cỏi Tịnh-độ là chỗ về chơn thật. Thế tất nhiên phải hướng mặt về đó chớ không phải như miễn cưỡng hay là bắt buộc phải làm vậy đâu ?

« *Đường tắt gọi là pháp Phổ-Môn* » : Đã giải ở đoạn văn trước ; đây nhắc lại đề kể luận, rõ ràng không phải luống, dư vậy.

Quyết chí : là kinh Đại-Bồ-nh nói : dầu có đồng lửa to đầy cả tam-thiên đại-thiên thế-giới, người tu cũng cần phải vượt qua khỏi lửa ấy. Muốn sanh về cỏi nước kia, thì phải lập chí quyết định, tiến mãi không hề khiếp nhược và thối lui đối với thế giới lửa kia !!

Không cần nghĩ nghị là : Kinh Dịch nói : « Nghĩ xét rồi sau mới nói ; bàn luận rồi sau mới làm ». Nay bảo chẳng cần nghĩ bàn là : Người xưa có nói : Bói để giải quyết tâm nghi, không nghi bói làm gì ? (187). Niệm Phật vãng-sanh, miễn tin chắc không nghi là được, đâu còn nghĩ bàn làm chi nữa ?

CHÚ - THÍCH

KINH A-DI-ĐÀ SỚ-SAO

QUYỀN THỨ NHỨT

- (1) *Phật Thích-Ca nói kinh A-Di-Đà : Phật Ngài nói kinh này là : Chỉ rõ cõi nước của đức Phật A-Di-Đà rất là thanh-tịnh trang-nghiêm, để khuyên bảo chúng-sanh nên chánh tín niệm danh hiệu của Phật A-Di-Đà, phát nguyện sanh về Tịnh-Độ mới thiết hết khổ.*
- (2) *« Ngài Văn-Thế làm sớ-sao » : Sớ là để giải rõ nghĩa chánh-văn của kinh. Sao là để giải thích lại lời sớ.*
- (3) *« Đất Cồ-Hàng » : Đời Đường đặt là « Phủ Hàng-Châu », đời Thanh cũng vậy, thủ-đô của Tỉnh Chiết-Giang ; Dân-quốc đổi làm Hàng-huyện.*
- (4) *« Chùa Văn-Thế » : Truyền rằng : Nhân xưa có luồng mây năm màu quàng phủ đỉnh núi giấy lâu mới tan, nên đặt tên là Ngũ-Vân-Sơn, cũng như Văn-Thế-Sơn, cách nhau với Phủ-Trị Hàng-Châu hơn 20 dặm, là đạo-tràng của Tồ đã tràng-hưng tông Tịnh-Độ rất thanh-hành tại đó.*
- (5) *« Thù Hoằng » : Là Pháp-danh của Tồ ; Thù-Hoằng mà đổi ra Châu-Hoằng, là : Bởi cái quan-niệm thận-trọng úy-kính, hơn vì họ của Hoằng-đế nhà Minh là họ Châu (Châu : Đổ, họ tên của vua Thái-Tồ nhà Minh là Châu-Nguơn-Chương), bên chữ Châu chẳng nên thêm chữ Á : (thành chữ Thù) mà nên thêm chữ Y (y : áo) thành chữ Châu (châu : áo đỏ) « Thù » là một chữ thứ 12 ở bài-kệ 20 chữ của dòng Qui-Ngưỡn-Tông :*

*« Sùng phước phát đức huệ ; Phổ-Hiền hạnh nguyện thâm ;
« Văn-Thà » quảng đại-trí, thành đẳng chánh-giác quả » ;*

Chính theo lòng Phái trên, chúng ta là Phật-tử Việt-Nam nên xưng niệm là Thà-Hoằng mới đúng, vì chúng ta đâu phải Dân ở đời nhà Minh bên Tàu hồi đó ?

Tổ-Sư pháp-danh là Thù-Hoàng, pháp-tự là Phật-Huệ, pháp-hiệu là Liên-Trì; nguyên con nhà họ Thẩm, ở Hàng-châu-phủ. Năm lên 17 tuổi, thì đậu cử-nhơn, lúc lên 23 tuổi, cha mẹ đều qua đời, hơn giắc-ngộ cái tướng đời là vô thường. Liền bỏ tục xuất-gia, đến thụ giáo nơi Ngài Vô-Môn Đồng-Tánh Thiên-Lý Hòa-Thượng; thụ giới nơi Ngài Vô-Trần Ngọc-Luật tại chùa Chiêu-Khánh, trước giới-đàn Địa-Dũng...

Ngài sanh ngày 22 tháng giêng năm Ất-Vị, hoàng-hiệu Gia-Tĩnh năm thứ 14 (1535)... tịch ngày 4 tháng 7, năm Ất-Mão; hoàng-hiệu Vạn-Lịch 43 (1615), tuổi đời được 81 tuổi, tuổi Tăng-lạp được 50 (hạ).

- (6) « Tín, Hạnh, Nguyên » : Tín : đức tin. Có Lý và Sự. Lý : Tự tin mình sẵn có tự-tánh Di-Đà, duy tâm Tịnh-Độ. Sự : Thật có đức Phật A-Di-Đà lập thành nước Cực-Lạc bằng 48 nguyên-tắc đại-nguyên, để tiếp chúng-sanh niệm Phật về ở đó. Hành : là thật-hành chấp trì danh-hiệu của Phật để niệm cho đến « nhứt-tâm bất-loạn ». Nguyên : là nguyên đến khi lâm chung, tập trung tự-lực, và thống-nhứt tha-lực, để được hóa-thân Phật đến tiếp về Tịnh-Độ, dựng hoa khai kiến Phật, đắc vô-sanh-nhãn, rồi trở lại cõi này, lễ-độ chúng-sanh, đến ơn đức Phật.

Tóm lại, Tín, Hạnh, Nguyên là Công-nghiệp để thành tựu về sự niệm Phật vãng-sanh Tịnh-độ, nên gọi là Tịnh-nghiệp.

- (7) « Đại địa tuy bền chắc nhưng không tránh khỏi kiếp-hoại » : Kiếp hoại là một giữa bốn trung kiếp ; trong 1 kiếp-hoại (một trung kiếp) có 20 cái tiểu-kiếp ; 1 tiểu kiếp có một tăng một giảm (rõ như trong Nguyên-nhơn-luận có phân trần), 1 kiếp hoại kể có 3 trăm hai chục triệu năm. Hiện nay (1954), còn 7 ngàn 5 trăm năm nữa là hết tiểu-kiếp thứ 9 của kiếp Trụ, còn 11 tiểu-kiếp nữa là hết Trụ, nghĩa là sau khi đức Phật Lâu-Chí nhập diệt rồi là đến kiếp hoại, vì trong kiếp hoại có những : đại hỏa-tai, đại thủy-tai, đại phong-tai, làm tiêu diệt đến cung trời Tam-thiên ở trung giới, thì địa-cầu này đâu còn, nên nói : « Không tránh khỏi kiếp hoại ».
- (8) « Hý luận » : 1.- Lời bàn phi lý ; 2.- Lời luận vô-nghĩa ; 3.- Lời ngôn luận đàng cách với lý lẽ bất luận phải hay không phải, chỉ mọt sát chẻ đùa tất cả. Như kẻ biện-tiếp : Chuyện phải nói là quấy, chuyện quấy cho là phải, nói cách nào nghe hình như cũng được

cả, mà chẳng có sự-lý chơn-thật gì hết. Tỷ như kép hát : âm-thính sắc tướng hỉ vũ diễn trò, coi nghe ai cũng thích, mà chả có thật nghĩa, nên gọi là hý-luận. Với ngôn luận như thế, kinh Pháp-Hoa Phật cho là đồ phẩn-ũ, bảo các Thỉnh-văn phải triết-đề trừ-sạch phẩn-ũ hý-luận ấy.

- (9) « Như Nàng Thiện-Thiên-Nữ » Với « Thiện-Nữ-Thiên » mà người xưa đã viết lộn ra thiện-thiên-nữ (xem ở sách Nhị-khóa hiệp giải) ; nhưng dù Thiện-Thiên-Nữ đem vào đây cũng chẳng nhằm đến, vì Trời thiện-thiên-nữ kia đâu có ngôn ngữ biện tài. Vậy với câu ở lời sau kia nên nói như vậy :

« Tài ngôn luận như thiên-nữ trong kinh Tịnh-Danh đi nữa, nói đến cùng kiếp, rốt cũng không hết » ! !

- (10) Ở về chúng vô-tình gọi là pháp-tánh : Ngoài Pháp-tánh, còn có nhiều tên, như : Thật-tướng, Chơn-như, Pháp-giới, Niết-bàn v.v... ; tên dù khác, Thề vẫn đồng. Tánh là thề nó chẳng biến đổi, Chơn-như nó làm cái thề vạn-pháp, mặc dù ở giữa nhiễm, tịnh, số hữu-tình, số vô-tình, chớ « tánh » nó không hề cải đổi, nên gọi là pháp-tánh.

Tôn Hoa - Nghiêm Hiền - Thủ bảo : Chơn như có hai nghĩa : 1.- Bất biến ; 2.- Tùy-duyên : do bên nghĩa tùy-duyên, thì, biến hiện tạo ra tất cả pháp, tuy biến tạo, mà vẫn bảo tồn cái thề chơn-như bất biến, tỷ như nước biển thành sóng, mà vẫn còn cái tánh nước nó chẳng đổi. Như thế, chơn-như nó tùy duyên để biến đổi tạo-tác ra vạn pháp, nên chơn-như là pháp-tánh. Song chơn-như pháp-tánh đây, nó vẫn thuần thiện, không có cái tánh-cách cấu nhiễm, nhưng về pháp số biến, thì có nhiễm, tịnh riêng biệt vì bởi cái duyên có nhiễm tịnh.

- (11) « Giải-thoát, bát-nhã, pháp-thân » : Kinh Niết-Bàn chép : Đại-Niết-Bàn nó sẵn đủ ba đức : 1.- Pháp-thân đức : là bản-thể của chư Phật, dùng cái pháp-tánh thường-trụ chẳng biến đổi để làm thân. — 2.- Bát-Nhã đức : Bát nhã ; dịch : Trí-huệ, là cái trí biểu suốt hiện tượng của vạn pháp bằng cách đúng chơn thật giác ngộ. 3.- Giải-thoát đức : Đã xa lìa hẳn những điều ràng buộc của tất cả phiền não chướng ngại, mà « đắc đại-tự-tại »

- (12) « Bốn Pháp-giới » : Pháp giới là bản thể nơi thân tâm của tất cả chúng-sanh, Pháp : qui-tắc mẫu-mực. Giới : ranh cõi phân-biệt. Giới có hai nghĩa : 1.- Tánh ; 2.- Phân. So về sự, tức là nghĩa của Phân, vì tùy theo mỗi sự để phân biệt. So về lý, tức là nghĩa của tánh, vì tánh của các pháp nó không biến đổi.

1.- Sự pháp-giới : các pháp sắc, Tâm cũng như vật-chất, tinh-thần của chúng-sanh mỗi mỗi sai khác, đều có giới hạn ngăn chừa, nên gọi là sự pháp-giới.

2.- Lý pháp-giới : các pháp sắc, tâm của chúng-sanh dù sai biệt, mà vẫn đồng một thể tánh, nên gọi là lý pháp-giới.

3.- Sự lý vô ngại pháp giới : do nơi sự dễ rõ lý, bằng theo lý để thành sự, lý hòa lẫn với sự, nên gọi là lý sự vô-ngại pháp-giới.

4.- Sự sự vô ngại pháp-giới : hết thấy ranh ngăn của sự-pháp hay sự-vật, đúng nơi thể-tánh nó suốt lẫn nhau bằng cách : một tức nhiều ; nhiều tức một, lớn với nhỏ dung nạp lẫn nhau, mỗi mỗi vô cùng vô tận, nên gọi là Sự sự vô ngại pháp-giới.

- (13) « Đục như sông Huỳnh » : Huỳnh Hà : Sông vàng, vì nước vẫn ngầu đục luôn cả hàng 5 trăm năm, 1000 năm, mới có một lần trong chừng 3 ngày, rồi cũng vẫn đục trở lại. Lưu Tuấn văn chép : Sông Huỳnh trong, có Thánh-nhơn ra đời. Ở đây nói đục như sông Huỳnh, là để dụ nói cái vọng-tâm của chúng-sanh vẫn uế-trược !

- (14) « Viên-Đốn-Giáo » : Viên : nghĩa là viên-dung, viên-mãn ; Đốn, nghĩa là đốn cực, đốn tức là : liền sẵn tốt đủ. Các pháp vốn viên-dung, nên một pháp cũng viên-dung tất cả pháp. Dùng nghĩa rằng : Chỉ một niệm mở tỏ tự tánh, hoàn toàn quả Phật bằng cách lập tức, gọi là viên-đốn giáo, là Thật-giáo chỉ cực của đời-thừa đời Hậu-Nguy, Ngài Quang-Thống Luật-Su đề-xướng lập ra cái danh Viên-đốn-giáo.

- (15) « Năm thời tám giáo » : Năm thời là : 1.- Tiểu-thừa giáo-thời ; 2.- Bát-Nhã giáo-thời ; 3.- Thâm-mật giáo-thời ; 4.- Pháp-Hoa giáo-thời ; 5.- Niết-bàn giáo-thời. Tám giáo là : 1.- Tạng-giáo ; 2.- Thông-giáo ; 3.- Biệt-giáo ; 4.- Viên-giáo ; bốn giáo này gọi là hóa pháp ; 5.- Đốn-giáo ; 6.- Tiệm-giáo ; 7.- Bí-mật giáo ; 8.- Bất-định giáo ; Bốn giáo này gọi là hóa nghi ?

Đức Thiên-Thai Trí-Giả Đại-sư ngài đem giáo pháp của Phật thuyết trong một đời để phân phân ra năm thời tám giáo, ý nghĩa rất tường tận.

- (16) « Vượt Phàm Trật, quan Thừa-ấm » Sách Hán-thư nói : « Mông tiền cử bạc trạc ». Nghĩa là nhờ tiền cử lên địa vị cao cấp Quan-Ấm tự là : Con cháu được hưởng phước dư thừa ; nghĩa là các quốc triều xưa, có qui chế rằng : hoặc tồ phụ đang làm quan sang, mỗi năm gặp ngày lễ quốc-khánh, con cháu của các quan đều được phong tặng cho lên quan tấn tước, gọi là đàn ân (ơn ra phò cập) hoặc cha ông đã qua đời, về việc nước, không luận phạm trật, cử lệ, thì một đứa con được : cất nhắc làm quan, gọi là nạn-ân (ơn ra cho con cháu của tồ phụ vì nước phải từ nạn).
- (17) « Ba pháp quán » : 1.- Không quán : Dùng lẽ không để quán-sát các pháp gì cũng đều là không. 2.- Giả-quán : Dùng lẽ giả (giả dối) để quán-sát tất cả sự vật gì cũng đều là giả. 3.-Trung quán có hai lẽ : 1.- quán-sát các pháp cũng phi không, cũng phi giả, thì tức là lẽ trung quán, nghĩa là cái lẽ quán-sát bằng chính giữa, vì không lệch về hai bên phi không và phi giả hay quán-sát các sự-vật gì cũng không, cũng giả, tức là trung-gian, nghĩa là cái phép quán-sát bằng cách đồng thời soi rõ cả hai bên là vừa không vừa giả.
- (18) « Biết trước sau thì gần đạo ». Sách Đại-học, bài Thánh kinh nói : « Vật có gốc ngọn, sự có đầu đuôi, biết chỗ trước sau thì gần được đạo ». Lời chú : « Gốc » là đầu chỗ trước, « Ngọn » là cuối chỗ sau. Trước sau cũng có gốc ngọn, là đại ý rằng : Trước hết là « Thành ý » rồi đến : « tu thân, tề-gia, trị-quốc », rồi rốt sau mới ra « bình được thiên hạ ». Gốc là nơi ý thân, phải lo thành ý tu thân là trước nhất, nên nói là biết trước... có đầu... ; Ngọn là nhà là nước, là thiên hạ, ý đã thành tâm là đã chánh, thân đã tu rồi, nhiên hậu mới tề được gia, trị quốc, bình được thiên hạ, nên nói là biết : sau... có cuối... người như thế, mới gần được cái đạo trị an nước nhà.
- (19) « Giữ hẹp làm rộng, là đạo mầu » ; Thầy Mạnh dạy : « Nói gần mà chỉ việc xa, là lời nói rất hay khéo ; giữ chỗ đón mà ra đến chỗ rộng, là cái đạo rất mầu khéo ». Lời chú : Giữ đón là tu thân, ra rộng là trị-bình thiên-hạ.

- (20) « Thường lạc ngã tịnh, Bốn giác thì giác » : Thường lạc ngã tịnh là bốn cái đức : Chơn-thường, Chơn-lạc, Chơn-ngã, Chơn-tịnh ; trong kinh Niết-bàn nói rõ, đề đề-đạo phá 4 món chấp, đề-nhập của các phái ngoại-đạo là : Không thường chấp là thường, không lạc chấp là lạc, không ngã chấp là ngã, không tịnh chấp là tịnh. Cái tâm thể của chúng-sanh tự-tánh nó vẫn thanh-tịnh, lìa tất cả vọng tưởng, soi sáng khôn thiêng, có cái đức giác-tri, thế là nếu không do tu mà thành được vậy sao ? Đây chính là cái tánh đức nó vẫn tự có sẵn sàng, nên gọi là « Bản giác », tức là pháp thân của Như-Lai. Song cái thể của bốn tâm ấy, từ vô-thỉ đến nay nó bị cái vô-minh phiền-não làm chướng ngại che lấp đi, một mai nương nơi công phu tu trì trừ sạch vô-minh rồi, tánh đức ấy mới sáng rõ ra được ; nên gọi là « thì-giác ». Nhưng, sáng suốt mà nhận xét ra, thì Thì-giác nó chẳng riêng biệt, nguyên vẫn là cái thể của bản-giác, nên thì-giác bốn-giác, đều đồng một thể, vì ngoài bốn-giác không có thì giác, bởi thì-giác chính đồng với bốn giác làm một thể.
- (21) « Tu pháp số tức » : Số tức : Đếm hơi thở. Pháp số-tức quán, là một trong năm pháp quán định-tâm, nghĩa : Tu pháp quán-sát đếm hơi thở ra hít vào, đề định-chỉ cái điều tán loạn của ý-tưởng. Với hít vào thở ra, đếm một, cứ thế đếm tới mười ; lại đếm lui trở lại, là từ mười, lại chín, lại tám,... lại một, cứ như vậy đếm tới, rồi đếm lui, đừng cho lần lộn và quên, lâu lâu sẽ thuần-thục, trấn định được tâm tán-loạn, vọng tưởng, mà được yên tịnh là định, rồi sáng suốt là huệ.
- (22) « Nhà ngọc nhà tranh » : Đây là tả cảnh giới của người niệm Phật đã tiến đến bậc « nhứt tâm bất loạn » rồi, là tâm tịnh tức độ-tịnh, thì chẳng còn có sự tương phân-biệt gì nữa.
- (23) « Vô sanh nhĩ » : Lòng đã an trụ nơi lý vô-sanh vô-diệt, tâm yên tịnh không diêu-động với nghịch cảnh, từ sơ-địa Bồ-Tát cho đến bậc Phật, đều chẳng còn sanh ác-tâm, mà sơ-địa mới chứng cái danh vô sanh nhĩ, Bát địa chứng ngộ thể vô sanh-nhĩ. Tổ được cái chơn-như thật-tướng, gọi là đặc-pháp vô-sanh, tổ được cái chơn trí vô-lậu, gọi là nhĩ, vì khi đã đắc được cái trí ấy, tâm mới nhĩ khả được tất cả hoàn-cảnh, mà được tự-tại vô-ngại, nên gọi là vô-sanh-nhĩ.

- (24) « *Kể ngu phu ngu phụ* ». Sách *Trung-Dụng* chép rằng : « Với cái đạo rõ ràng mà giấu kín của người *Quân-tử*, dù ngu dốt như kẻ *phu phụ* tầm thường cũng có thể dự biết được, nhưng với chỗ cứu-cánh của đạo ấy, thì dầu thánh hơn thế gian cũng có chỗ chẳng biết được ! Với việc làm đạo ấy, dầu không tài năng gì như hạng *phu phụ* tầm thường cũng có thể hành được, mà hành bằng cách nào cho đến nơi đến chốn, thì dầu là thánh hơn đi nữa cũng còn có chỗ không thể làm được !
- (25) « *Ngay nơi bản trí đề cầu Phật trí* » : Kinh *Hoa-Nghiêm* Huyền đàm nói : « Chơn vọng lẫn suốt, chính nơi phạm tâm đề thấy *Phật-tâm* ; lý sự đều tu, ngay nơi *bổn-trí* đề tìm *Phật-trí* ». *Bổn-trí* là cái trí của chúng-sanh ai cũng sẵn có, kêu bằng tất cả đều có *Phật-tánh* ; *Phật trí* là cái trí rốt ráo quả *Phật*, kêu là *sai-biệt-trí*, và *nhứt-thể-chúng-trí*, vì tu hành đủ vạn hạnh công phu ; mới rút đủ kinh nghiệm bằng cái trí ấy !
- (26) « *Cưỡng huệ* » : Trách kẻ nào có trí huệ bằng tâm tán-loạn là *cưỡng-huệ*. *Cưỡng-huệ*, kêu tất là *thông-minh điên*. Như sự *thông-minh* của những người *thế trí biện thông* là một nạn trong tám nạn, nghĩa là *biện* việc trong *thế-gian* thì rất giỏi, còn đối với *Phật-pháp* là *pháp xuất-thế-gian* thì không biết rành, gọi là *cưỡng huệ* ; hay biết mà không tin, không thực-hành, ngồi đầu nói dóc dó, cũng gọi là *thông-minh điên*, vì biết, đề mà nói chớ không hành. Sách *Quan-Âm-Huyền-Nghĩa* nói : « Tâm kẻ nào chỉ có định mà không huệ, thì gọi là *si-định*, ví như lừa đui cưỡi ngựa mù, tất nhiên phải sa hầm, phải sụp mương ; còn chỉ mà huệ không định thì gọi là *cưỡng huệ*, ví như đốt đèn giữa gió, leo-lét lu mờ, không soi vật gì cho rõ được !
- (27) « *Ngoan-không* » : *Ngoan* : là *ngu-ngoan*, không trí thức, mà hay làm càng nói bậy ; *Không* : là *không-kiến*, cái nhận thấy rằng : Không có hơn quả, luân-hồi, tội báo gì hết, nên tỷ như cái *ngoan không* là cái trống không vô tri vô giác kia, cái bệnh chấp « không » nặng hơn hết !
- (28) « *Cũng đồng bệnh như ngoan không trên, kêu là cái chấp đoạn kiến* » : Nghĩa là cái kiến thức đoạn diệt : Chết rồi dứt hẳn, không có hồn vía chịu tội hưởng phước chi cả, nên không

sợ quá báo, làm chi được thì làm, miễn đã được cái dục vọng thêm khát là hơn, mà sau rồi phải dọ lạc khổ báo vô cùng, như từng côi và trời không !

- (29) « Trở lại thua một thẻ » Chữ « trừ » : Con toán hay chiếc thẻ là vật để tính toán. Ông Trương-Lương nói : Xin mượn mớ dũa kia để làm thẻ tính cũng được. Lại, người xưa, mỗi khi tiệc uống hay cuộc cờ, dùng thẻ hoặc bẻ cò, để ghi số hơn thua rồi thưởng phạt nhau ? Giận Ông Y-Quân bất-đồng, với lời phản của mình, ông Toán muốn đổi lại, cầm viết ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi thú thật rằng : Dương-Toán này thua một con toán. Ở đây mượn tích đó, để tỏ rằng : Người tu thiền tự hào mà trở lại thua kẻ trì danh niệm Phật !

« Vẽ cọp không thành ». Thuở vua Quan-vũ, đời Đông-hán (2556). Phục ba tướng quân Mã-viện, cầm quân đi viễn chinh gọi thợ vẽ răn dạy các con của người anh rằng : Ông Long-Bá-Cao tánh tình đôn hậu cần-thận, chú muốn các cháu nên bắt chước theo ; ông Đỗ-quý-Lương là người hào hiệp hào nghĩa, chú không muốn các cháu học đòi theo. Nhưng với Bá-Cao, dù bắt chước chẳng bằng, chứ cũng còn là kẻ cần-thận, ví như khắc chim Hộc đầu bất thành, cũng còn giống con cò ; bằng như bắt chước theo Quý-Lương mà chẳng được, thì sa hăm làm dũa cho thiền hạ khinh khi, tỷ như vẽ cọp không thành, lại tự hổ con chó ! Ở đây mượn tích ấy, là để tỏ rằng : Muốn bắt chước tham-thiền cho ngộ-ngĩnh chơi, mà chẳng giống « Phật » lại thành « Ma » ! !

- (30) « Một bước sai, trăm bước vẫn sai » : Đối với pháp tu niệm Phật bằng cách trì-danh, đời nay nếu ta không tiến bước hành đạo theo, mà lại tu hãnh về những pháp : Thiền hay Quán nào khác, thế là đã bước sai một bước ở đời này rồi, thì, về sau cho đến trăm nghìn đời, dầu có nhớ mà tu được đi nữa, cũng là trăm ngàn bước sai luôn, vì sanh tử luân-hồi ở trong ba giới này, nếu chưa chứng quả A-La-Hán.

- (31) « Năm tay vớt lên ». Ông Thuần-vu-Khôn hỏi : Trong một gia-đình, con trai con gái, với điều trau chịu chẳng thân tiếp nhau, là lẽ phải vậy chăng ? Thầy Mạnh đáp : Phải lẽ đấy. Hỏi : Chị dâu đang tắm nước, em trai chồng nắm tay để vớt chị lên, có được chăng ? Chị dâu tắm nước, em trai chồng thấy mà

không vớt, là loài muôn sói mới vậy ! Với điều trau chịu ngủ nghỉ, thì giữa con trai con gái trong một gia-đình chẳng dưng quá u thường gần sát nhau, vì lễ-giáo phải thế ; còn như chị đầu đầm nước, em trai chồng thấy kịp, phải nắm tay chị để vớt lên, là tàm-quyền đấy.

- (32) « Dựa cửa đề trông ». Vương-tôn-Cồ là tôi của vua Mẫn-vương nước Tề : người Náo-Xi phản-nghịch giết Mẫn-vương, Vương-tôn-Cồ chưa có nghĩ đến việc đánh giặc, về viếng mẫu-thân. Bà mẹ dạy mà trách rằng : Con, sớm ra đi, chiều chưa về, mẹ đã dựa nơi cửa ngõ ở vườn trông ; nếu đã xầm tối mà con cũng chưa về, thì má đã ra đến tận nơi cửa cổng ở đầu xóm để dựa trông. Đó là không có việc gì thấy vậy ; chớ nay con đã ra phụng-sự với nước, thế mà vua đã chạy trốn giặc, con cũng chẳng biết chỗ nào cả, lại con về đây, thì còn mặt mũi nào để thành lập danh tánh đứng giữa thiên hạ này ! » Như đó Vương-tôn-Cồ hiệp cùng quốc dân giết Náo-Xi. Nay mượn tích này, dụ người Phật-tử không nghe lời Phật dạy, không thực-hành và hy-sinh với Phật-pháp, là không phải Phật-tử.

Vậy các Phật-tử phải hợp-tác với nhau để thi hành Phật sự, chống đỡ Phật-pháp, đánh dẹp Ma-vương phá hoại Phật-pháp. Mới gọi là Phật-tử chân-thành.

- (33) « Một thời gian sau 2 thời chánh và tượng » : Tức là thời thứ ba gọi là « Mạt pháp ». Phật-sử chép : Giáo-pháp của đức Thích-Ca truyền đến ở thế giới này được phân làm ba thời kỳ : Từ ngày Phật nhập diệt về sau, một nghìn năm (1000) là « thời chánh-pháp », đó là thời kỳ thứ nhất. Từ đó về sau, một nghìn năm (1000) là « thời tượng-pháp », đó là thời kỳ thứ hai. Từ đó về sau một vạn năm là « thời mạt-pháp » đó là thời kỳ thứ ba. Hiện nay (1954) Sử Phật đã được 2517 năm, mà Tồ-sư Văn-Thê sanh ra đời nhằm trong thời gian từ Gia-tĩnh đến Vạn-lịch (1522- 1615) nhà Minh bên Tàu. Nên Tồ-sư than lấy mình sanh nhằm đời mạt pháp, nghĩa : Giáo-pháp đã đến thời kỳ chót ngọn rồi ! Cũng như nói : sanh sau đẻ muộn thua kém đủ bề ! !
- (34) « Sách Luận ngữ nói : « Sĩ ký ngôn nhi quá kỳ hành », lấy làm hổ vì lời nói quá việc làm. Cũng như nói : « Thuyết đắc nhất tượng, bất như khứ nhất tích ». Nói được một tượng, chẳng bằng điặng một bước. Nhưng còn khá hơn « năng thuyết bất năng hành » !

- (35) *Lái-buôn tỳ thiện-tri thức* : Đá yển vi cho bộ số-sao người được đá : là Tồ Ngài tự tỳ, đó là Tồ Ngài khiêm-nhượng.
- (36) *Kinh Thi* nói : « Vô phụ hà hộ, vô mẫu hà thị » : Không cha nhờ đâu ? Không mẹ cậy đâu ? Hộ : Che đỡ đâu ; Thị : Nuong nhờ thân. Hộ thị là : Thay nghĩa cho phụ mẫu. (Đức Phật cũng như cha mẹ).
- (37) *Kinh Thi* nói : « Than ôi ! Cha mẹ sanh ta khó nhọc ! Dẫu muốn báo đáp ơn đức sanh thành, nhưng trời cao vô cùng ». Dụ như thâm ân của Đức Phật biết kiếp nào báo đáp cho vừa.
- (38) *Kinh Thi* nói : Sáu, nhện có con Tò-vò ôm đó : Dạy dỗ con này, nề nếp giống đây. Rằng : « Con minh-linh dưỡng tử ; đi theo họ khác » Là ý nói : Chúng sanh nguyên có Phật tánh tức là con của đức Từ-Phụ Thế-Tôn, thế mà chúng sanh không chịu niệm Phật đề về Tịnh-độ là Tồ-quán, mà lại nở bỏ, đề đi theo làm con nuôi cho loài khác nơi lục-đạo luân-hồi ! Cũng như sáu nhện đi luân-hồi làm con nuôi cho loài khác (tò-vò) ; chỉ mượn nghĩa xưa thôi.
- (39) *Sách Mạnh-Tử* chép : « Người ta hễ còn nhỏ thì mến cha mẹ đến khi biết háo sắc thì mến cái trẻ đẹp ; đến lúc có vợ con thì mến thế tử ; đi làm quan thì mến vua, chẳngặng mến vua thì nóng-nảy trong lòng. Với đời hiếu, thì trọn đời mến cha mẹ ; với người làm con đã năm mươi tuổi mà còn mến cha mẹ đó, thì ta chỉ thấy có một mình Đại-Thuấn ! Người niệm Phật thì trọn đời ôm lòng mến Phật bằng cách hằng ngày lán la dưới đài sen, cũng như đứa bé thường trêu mến dưới gối cha mẹ. Chớ đừng như người ta kia hồi nhỏ mến vậy, đến lớn mến khác, ba hồi mến nó, ba hồi mến kia... !
- (40) *Kinh Lễ*, Thiên-đàn cũng chép rằng : « Phụng sự cha mẹ, dù có chỗ giấu giếm (từ vị phụ ân) không nói với người ngoài, cũng chẳng phạm lỗi gì, thường không rời đôi bên tả, hữu ; đề hiếu-dưỡng không dám nghịch mạng (tả hữu vô phương).
- (41) *Sách-Lễ-ký*, thiên khúc lễ nói : « Hễ bốn phận làm con, mùa đông phải lo cho cha mẹ được ấm, mùa hạ phải lo cho cha mẹ được mát, chiều hôm lo sửa chiếu gối mừng mền, rạng đông đến thăm ». Chớ đừng quá như ai kia ; « Hữu-thê-tử, tắc mộ thê-tử » mà thôi, với cha mẹ già, nó có ừ, hừ gì đến nữa đâu.

- (42) Sách Mạnh-Tử nói : « Tâm (ý thức) nó làm chủ điều nghĩ nhớ, hễ có nghĩ nhớ thì đắc lý, không nghĩ nhớ thì không động lẽ ». « Hết lòng (thức thứ sáu) lo nghĩ » Thầy Mạnh-Tử nói : « Đạo của vua Nghiêu vua Thuấn : Nếu chẳng dùng cái chánh-sách nhơn-dức, thì, chẳng thể bình trị thiên-hạ được ». Lại nói : « Đã hết lòng nghĩ lo, kể đó, dùng chánh-sách không nỡ làm khổ nhơn-dân, mà có điều nhơn phủ trùm cả thiên hạ ».
- (43) Tạp-hoa : Hoa đẹp xen lộn. Tạp-Hoa Kinh : là tên riêng của kinh Hoa-Nghiêm : Muốn hạnh tốt ví như hoa đẹp, để trang-nghiêm (tô-điễm) nên quả Phật bằng muôn hạnh, thành thử gọi là Hoa-Nghiêm. Bồ-Tát tu nhơn làm đủ muôn hạnh tốt xen lẫn nhau, nên gọi là Tạp-Hoa, để đi đến kết-quả trang-nghiêm của Phật, đồng một ý nghĩa. Trong kinh Niết-Bàn và Quán-Phật Tam-muội kinh, đều gọi Hoa-Nghiêm là Tạp-Hoa kinh, là vì muôn hạnh lẫn xen, nhơn-duyên sanh khởi dễ thành-tựu. Đó là lời trong Huyền-dâm dẫn thế ; còn trong kinh Quán-Phật, phẩm Bồn-hạnh nói : « Khi vừa thành đạo tại trường Tịch-diệt bên nước Ma-Dà-Đà, ta vì các Đại Bồ-Tát như Phổ-Hiền, Hiền-Thủ... đối trong kinh Tạp-Hoa, đã phân biệt nói nhiều rồi ».
- (44) Ưc-kiến : Chỗ nhận thấy trong hưng-ức. Ưc-kiến cũng như ưc-thuyết ; vì theo ý kiến mình đề nói ; chứ không có căn cứ vào đâu. Văn của Phú-Bặc nói : « Lời của thần viện-dẫn chứng-cứ ở sách của Thánh-Hiền, chứ không phải là lời ưc-thuyết ».
- (45) « Y báo chánh báo ». Y : là y báo, tức là tất cả sự vật gia quốc giữa thế-gian, gọi là y báo, vì là : cảnh (sở y) của thân tâm. Chánh báo : tức là (thân ngũ-đm), vì do nơi sức tạo nghiệp của đời trước, mà cảm chịu lấy cái thân tâm đời nay, nên gọi chánh báo. Đã có cái thân năng-y, tất có cái cõi sở-y, nên với quốc-độ cũng là nghĩa quả-báo. Phẩm Hạnh-nguyên lời Sớ-Sao nói : « Y là quốc-độ sở y của phàm thánh, cõi nước hoặc tịnh hay uế : chính là cái thân năng-y của phàm thánh, như thân của người, trời, tại-gia nam, tại-gia nữ, ngoại đạo, chư thần quỷ, Bồ-Tát và Phật. Đều có y báo và chánh báo cả, nhưng mỗi mỗi đều khác nhau ; Y là « cảnh », chánh là « tâm ». Song tâm Phật, và cảnh của Phật, thì khác hẳn không phải như tâm và cảnh của Bồ-Tát ; tâm và cảnh của Bồ-Tát, khác hẳn không phải như tâm và cảnh của chúng-sanh v.v.,

- (46) Ông Quán-Tử nói : « nghĩ đó, nghĩ đó lại lặp đi lặp lại nghĩ đó, nghĩ đó chẳng dừng, thì qui thần dựa vào để cho được linh-thông ; phi qui thần giúp cho được cảm thông, thì lòng ta tỉnh-thành đến cực-diêm, tự nhiên phát-minh tâm-trí linh-thông ».
- (47) Duy-thức học nói : Do A-Lại-Da thức nó tượng hình (chuyển sanh cũng như nảy nở ra) ra trái tim, kể đến sống mũi, mắt, tay, lưỡi, đầu ; cái thân năm tạng : 2 tay 2 chơn... ; kêu bằng chuyển sanh thức, nghĩa là thức thứ tám nó chuyển động để nảy nở ra bảy thức kia, mà sáu căn là phần hữu-hình, vì thuộc về vật-chất, để cho sáu : thức y-chỉ, tác-y, hiện-hành cảm giác bằng những phân-biệt là thấy nghe hiểu biết mặc dù ý thức nó vô-hình, nhưng tham-gia với năm căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân. Vậy đem sáu căn qui về căn-bồn-thức, nên gọi là « qui-nguơn-nghĩa », vì là phần bồn hườn nguyên.
- (48) Đời Hán Cao-Tổ Hoàng-Đế : Mà khi mới khởi binh. Ông Ngụy-Vô-Tri đem dung Trần-Bình với tài năng của Trần-Bình có thể cho làm chức Hộ-Quân Trung-Úy. Đến lúc Bái-công chiến thắng Hạng-Vũ, định thiên-hạ, phong hầu cho các công-thần. Trần-Bình được phong làm chức Khúc-Nghịch-Hầu. Bình tâu : « Nếu không có Ngài Ngụy-Vô-Tri tiến dẫn ; hạ-thần đâu được hân-hạnh này, xin nhường phong hầu lại cho Ông Ngụy-Vô-Tri ». Cao-Tổ khen : « Khá gọi Trần-Bình là người Bất vong bồn ». Nhon đó lại phong quan cho Ông Ngụy-Vô-Tri.

Lúc còn hàn vi, Trần-Bình làm Lý-xã trong làng, chia thịt đều công bình lắm, được các vị phụ-lão trong xã khen rằng : Chú em này cắt chia khéo thật ! Bình thưa : dầu Bình này được có bồn phận cắt khiến thiên hạ, thì cũng như việc chia thịt đây. Người ta mà biết được danh từ như-từ (tôi em) là đầy.

Dùng sách ấy là để tỏ rằng : Ngày nay ta sở dĩ được cái phúc biết niệm Phật, nhờ Đức Di-Đà độ cho như thấy này, là gốc nhờ Đức Thích-Ca chỉ dẫn, nên phải lạy Bồn-Su trước

- (49) Với kẻ hỏi thắc mắc, Đông-Phương-Sóc đáp : « Lấy ống dòm trời, dùng ngao lường biển, cầm nhành cây nhỏ động chuông, thì làm gì suốt được điều quán của trời, xét được thần thâm của biển, và đầy được âm thanh của chuông » ! ?

- (50) « Nhứt thể chúng trí ». Nghĩa là : Có thể lấy một món trí để biết được những đạo pháp của tất cả chư Phật ; lại có thể biết được những giống tạo nhơn của tất cả chúng-sanh, nên gọi trí biết hết thấy hợp giống.
- (51) « Ngũ trùng huyền nghĩa » : 1.- Giải-thích (danh-đề) của kinh ; 2.- Biện-minh (thẻ tánh) của kinh ; 3.- Phát-minh (tông chỉ) của kinh ; 4.- Nghi-luận (tác-dụng) của kinh ; 5.- Phán-đoán (giáo nghĩa) của kinh.
- (52) « Đại-sự nhơn duyên ». Là : Nhơn duyên của một việc lớn. Nghĩa là Phật-Đà sơ-dĩ xuất hiện nơi đời, nói pháp 49 năm, đó bởi vì nhơn duyên của một việc lớn. Việc lớn bằng cách nào ? Nói chung thì chuyện mở khai ngộ là việc lớn. Nói riêng : Kinh Pháp-Hoa lấy « Phật tri kiến » làm đại sự ; kinh Niết-Bàn lấy « Phật tánh » làm đại sự ; kinh Duy-Ma, kinh Tư-Ích đều dùng bất-tư-nghĩ làm đại sự ; kinh Hoa-Nghiêm dùng « pháp giới » làm đại sự ; kinh Bát-Nhã lấy « thành Phật nhơn-quả » làm đại sự ; kinh Vô-Lượng-Thọ dùng « Vãng sanh Cực-lạc » làm đại sự v.v...
- (53) « Đấu tranh kiên cố ». Kinh Đại-Tập Nguyệt-Tạng cuốn 10 chép lời Phật dạy rằng : Sau khi ta nhập diệt, trong khoảng 5 trăm năm thứ nhứt, các Bồ-tô còn kiên-cố về việc tu giải-thoát, nghĩa là lo giữ giới hoàn-toàn, tu chứng A-La-Hán, nên gọi là giải-thoát kiên-cố. Đến 500 năm thứ nhì, người xuất-gia kiên-cố tu-hành bằng cách chỉ chuyên tham-thiền nhập-định, gọi là « thiền-định kiên-cố ». (Đã 1000 năm của đời chánh pháp). Đến năm cách trăm (500) năm thứ ba, người xuất-gia chỉ lo tu kiên-cố bằng tụng niệm cho nhiều, học hỏi cho thông, gọi là « Đa văn kiên-cố ». Đến năm trăm (500) năm thứ tư, người trong Phật-pháp tu học bằng cách phần nhiều kiên-cố lo kinh-doanh tự-viện to, tháp tượng lớn gọi là « Tháp tự kiên-cố ». (Đã mãn một nghìn (1000) năm của đời tượng pháp). Đến năm trăm (500) năm thứ năm, người trong Phật-pháp lo đấu-tranh là kiên-cố hơn hết. Nghĩa là tranh giành đủ mọi phương-diện, gọi là « đấu tranh kiên-cố ».

Hiện nay (Phật-lich 2517 — 1954), với đời mạt-pháp một muôn (10.000) năm, đã qua hết 517 năm, thì 500 năm đó, là 500 năm thứ năm của thời kỳ « đấu tranh kiên-cố » đã qua rồi, lại hơn 17 nữa.

Ôi ! Với Phật-lịch đã qua cái thời-gian « đấu tranh kiên-cố », ngoài thế-giới, pháp thế-gian cũng đồng thời « Cạnh tranh phần-dấu ». Vậy biết : Pháp xuất-thế và pháp thế-gian cũng đồng thời hợp lối !!

(54) « Chơn-như tam-muội » : Là một pháp thiền-định, lễ quán tưởng cái lý chơn-như vô-tướng, mà trừ được vọng-hoặc. Luận-Khởi-Tín nói : « Tu pháp chơn-như tam-muội là : Tâm không trụ ở cái tướng thấy, chẳng trụ nơi cái tướng đặc, nhãn đến lúc ra định, cũng không giải đãi khinh-mạn, thì đâu có bao phiền-não cũng dần dần tiêu diệt.

(55) « Chỉ quán » : Đến với cái pháp phương-tiện đề tu mà nói thì : Chỉ thuộc về không môn, chơn-như môn, duyên theo cái chơn-như vô-vi, đề lìa các danh-tướng. Quán thuộc về hữu môn, sanh diệt-môn duyên theo cái sự-tướng hữu-vi, đề phát đạt trí-giải.

Kinh Duy-Ma lời chú nói : « Người mới tu quán, thì buộc tâm vào một chỗ, gọi là : « Chỉ » ; tâm yên lặng đến cực-điểm thì sáng-suốt, sáng-suốt tức là huệ, gọi là « quán ».

(56) « Thích-Ca đã qua, Di-Lặc chưa đến » : Sử Phật chép : Cứ mỗi một đại-kiếp ; Kể có một ngàn hai trăm tám chục triệu năm. Mỗi trong một đại-kiếp, đều có bốn Trung-kiếp là : Thành, Trụ, Hoại, Không. Mỗi một trung kiếp : Kể có ba trăm hai chục triệu (320.000.000) năm. Trong một trung kiếp có 20 tiểu kiếp. Một tiểu kiếp có một lần tăng, một lần giảm, cộng có mười sáu triệu (16.000.000) năm.

Giữa trung kiếp này : Đức Thích-Ca ra đời về cuối tiểu kiếp thứ chín ; qua giữa tiểu kiếp thứ mười, Đức Di-Lặc mới xuất thế. Nghĩa là , từ nay (2517 — 1954) bắt một kẻ đi, thì còn 5.999 năm nữa mới hết tiểu kiếp thứ chín. Cũng từ nay bắt một kẻ đi, thì còn Tám triệu mười bốn ngàn bốn trăm chín mươi chín năm nữa, Đức Di-Lặc mới giáng-sanh. Từ thuở Thích-Ca đến lúc Di-Lặc ra đời, cách nhau tám-triệu một vạn một ngàn năm trăm bốn mươi lăm năm.

Vậy với giữa cái thời kỳ dài lâu bằng tám triệu một vạn một ngàn năm trăm bốn mươi lăm năm đó, ở thế-giới Ta-bà đây làm gì được thấy Phật, vì Thích-Ca đã nhập-diệt, Di-Lặc chưa giáng-sanh ! Duy có tu niệm Phật được nhứt tâm, là thường được thấy Phật A-Di-Đà v.v...

- (57) « Do vọng hoặc sanh hành-nghiệp ». Vọng hoặc : Tham, sân, si, hay là kiến hoặc, tư hoặc v.v... ; do những mê hoặc đó, rồi tạo tác ra nghiệp chướng là : Ý 3 nghiệp ; khẩu 4 nghiệp ; thân 3 nghiệp. Với 10 nghiệp ấy hết nghiệp thiện thì thăng lên 3 thiện đạo : là người, trời, thần a-tu-la. Còn nghiệp ác thì trầm xuống 3 ác-đạo là : Địa-ngục ; ngạ-quỉ ; súc-sanh, nên nói luân-hồi mãi không thôi, nếu không niệm Phật.
- (58) Bộ Liên-Tông-Bửu-Giám chép rằng : « Tu các pháp môn khác... Tỷ như con kiến bò từ chân núi lên tận đỉnh cao ; tu pháp niệm Phật vãng-sanh, vì tợ ghe buồm xuôi gió trôi dòng nước thuận ». Vì kiến bò cho tới nơi chỉ bằng tự-lực ; đi thuyền... chóng, nhờ cả tha lực (Phật lực).
- (59) Sách Trang-Tử chép : « Với ếch ruộng không thể nói chuyện biển rộng, với cá giếng không thể bảo chỗ lớn được, là đều vì : một đànng bị hạn cuộc nơi gò nhỏ, một đànng bị hạn cuộc nơi hẹp hòi ».
- (60) « Độc thiện kỳ thân » : Yên lành một mình : cũng như ích-kỷ, các Thánh-nhơn bên tiểu thừa, chỉ lo tu chứng quả Thỉnh-vấn, chóng ra ngoài ba cõi, đề tự độ lấy mình khỏi khổ sanh-tử trong sáu đường mà thôi ; còn chúng sanh sống say chết ngủ trong biển khổ sông mê mặc kệ, nên gọi là yên lành một mình.
- (61) « Tâm đoạn diệt » : Đoạn : đoạn hết lòng vọng hoặc ; Diệt : diệt sạch khổ sanh tử Nhập cái định « diệt tận ý-thức », đề ham mê lấy cảnh giới « Tịch-diệt giải-thoát » làm vui, nên cứ vào pháp thiền-định này đề ngồi luôn cả hằng mấy trăm năm. Phật bảo là giải-thoát thâm-khách.
- (62) Mới phát tâm thọ Bồ-Tát giới, đề tu pháp đại-thừa. Luận Trí-Độ nói : Bồ-Tát có hai hạng : 1) Cư-gia ; 2) Xuất-gia. Các vị trong bọn Thiện-Thù cả 16 Bồ-Tát đó, là tại-gia Bồ-Tát ; Còn những vị trong các Ngài « Từ-Thị » « Diệu-Đức »... là Xuất-gia Bồ-Tát.

Tân phát-tâm cũng như tân phát-ý Bồ-Tát, lại có hai bậc : 1) Sanh tử nhục-thân, là hàng Bồ-Tát mới phát tâm tu, chưa chứng pháp-tánh, còn bị cái thân phần-đoạn sanh-tử trong 3 cõi ; 2) Pháp-tánh sanh-thân, là Bồ-Tát này đã chứng pháp-tánh vô-sanh-nhẫn, xả rồi cái nhục thân sanh-tử trong 3 cõi ; thụ cái thân biến-dịch bất-sanh bất-diệt, bất khổ tư nghĩ.

- (63) « Cự phược phạm-phu » : Phiền-não nó bắt trói người đem buộc ràng trong ngục sanh-tử, để giam hãm mãi, nên gọi là phược ; có đủ cả phiền-não nên gọi là cự-phược, tức là hết thấy phạm-phu. Kinh Anh-Lạc nói : « Chúng cự-phược phạm-phu chưa biết ngôi Tam-Bảo ».
- (64) « Xin trông con mắt ». Khi ông Xá-Lợi-Phất phát tâm tu đại thừa Bồ-Đát, đã chứng đến bậc trụ thứ 6 là « Chánh-tâm trụ » ; Một hôm nọ gặp người Bà-la-môn xin một trông con mắt để làm thuốc. Ông móc ra cho nó, té ra nó đã không làm thuốc gì hết, lại ném xuống đất, rồi khạc nhổ lên và chà đạp là khác. Xá-Lợi-Phất thấy thế nổi sân hận, nên thối mất đại-thừa tâm. Trụ : là trụ vào lý Bát-Nhã, nghĩa là sau khi chứng đủ 10 tín, rồi tiến lên tu 10 trụ, là để an trụ vào địa-vị của Phật.
- (65) Với lực đạo : Chùa đường trời ra, thì còn hơn đạo ; Tu-la-đạo ; Súc-sanh đạo, Ngạ-quỉ đạo và Địa-ngục đạo, nên gọi là năm đường. Ôi ! Xá-Lợi-Phất đã là bậc Bồ-Đát, bị ma ngoại nó chọc phẫn, chỉ nổi giận còn đạo như thế, huống là phạm-phu ! Vậy biết : với đại-thừa Bồ-Đát, khó tu là thế ; còn niệm Phật thì dễ tu, vì nhờ có tự-lực, và tha-lực nên được mang nghiệp mà vãng-sanh.
- (66) Có hai pháp : 1) Chuyển môn tâm quán-tướng tướng-hảo của Phật, hay là quán-tướng thật tướng của pháp-thân Phật (hai cách tu ấy gọi là quán-tướng niệm Phật), hoặc nhứt tâm xưng danh hiệu Phật (là niệm Phật bằng cách xưng-danh), và làm các công-hạnh, đều gọi là niệm Phật tam-muội ; đó là niệm Phật tam-muội của lực hơn hành.
- 2) Là ba cách hơn hành đó mà được thành tựu như : Tâm đã vào thiền-định (nhứt tâm bất loạn), hoặc thấy được Phật-thân hiện tiền, hoặc thấy được Thật-tướng của pháp thân, gọi là niệm Phật tam-muội, đây là niệm Phật tam-muội của lúc quả-thành. Niệm Phật tam-muội của « Hơn-hành » gọi là tu niệm Phật tam-muội của « quả-thành » gọi là Phật đắc.
- (67) Kinh Hoa-Nghiêm chép rằng : « Chư phương-tiện vi phụ » : Nghĩa là dùng tu các pháp phương-tiện làm cha, vì có thể gìn được cái tâm không cho tán-loạn, để cho trí-tuệ được thành, cũng như cha hay giữ dạy các con được nên thân. Chính như pháp Ban-Châu niệm Phật tam-muội là làm cha, cũng lại như thế.

- (68) « Hột giống thân nhưt » : Niệm Phật là nhơn, thành Phật là quả, với cái kết-quả thành Phật, dù có nhiều nhơn-duyên, như : giữ giới, lạy Phật, tụng kinh, hành lục độ, nhưt thiết đều hồi hướng về tịnh-độ, đó đồng là « sở duyên », nhưt chính cái niệm Phật là « Thân nhân » vì thân-thiết nhưt. Tỷ như với cái kết-quả hột lúa, dù có nhiều nhơn-duyên, như : đất, nước, ánh sáng, không-khí, nhân-công đều là phần sở-duyên, nhưng chính hột giống là thân-nhân, vì nó thân-thiết nhưt với cây lúa và bông trái sau này... Vậy biết hột-giống nào kết quả nấy, nên hột-giống là phần thân nhưt, còn thì là duyên phụ-trợ.

Lại nữa, niệm Phật thành Phật cũng gọi là thân-sanh, nghĩa là : 1) Nhờ chấp-trì danh-hiệu Phật A-Di-Đà mà được vãng-sanh về tịnh-độ. 2) Dùng bản-trí của mình mà cầu Phật-trí, cũng như nhờ chấp-trì danh mà được nhưt-tâm bất-loạn, cũng gọi là thân-sanh. Nên gọi Pháp niệm Phật là cha của các vị Bồ-Tát ! Vì nó hay sanh đẻ pháp-thân !

- (69) Viễn hành đệ, làm danh « đệ thất địa » : Giữa thập địa Bồ-Tát. Bồ-Tát ở ngôi thất-địa này là trụ vào pháp quán thuần là vô-tướng, xa khỏi hơn các cái hữu-tướng, hữu-hành của thế-gian và nhị thừa !
- (70) Trang-nghiêm Phật-độ : Bồ-Tát hành lục-độ để thân, khẩu, ý của mình được thanh-tịnh... ; và giáo hóa chúng sanh cũng hành thập-thiện trừ thập-ác, để cõi nước Phật được thanh-tịnh, nên gọi là Bồ-Tát cải tạo thế-giới cho được tịnh-nghiêm. Trái lại, ma-vương dạy chúng-sanh làm ngũ-nghịch, thập-ác, cạnh tranh, phẩn đấu, đạo-tặc, chiến-tranh, uế-ác, là làm ô-trược cõi nước Phật. Vậy thiện là tịnh Phật quốc-độ, tạo-ác là uế-trược quốc-độ.
- (71) Sức nhẫn tùy thuận. Tức là « tùy thuận xáo phương tiện ». Nghĩa là : thuận theo để giáo-hóa, khiến chúng sanh này lòng tín-mến nói : pháp thâm-thâm để cho dễ hiểu, kêu bằng Bồ-Tát bất nghịch nhơn ý. Cũng như ý nghĩa « nhĩ-thuận » của Không-Tử.
- (72) Thế-giới diệu-hỉ : Quốc-độ của Duy-Ma cư-sĩ. Kinh Duy-Ma, phẩm kiến A-Súc Phật quốc chép rằng : « Phật bảo Xá-Lợi-Phất. Có cõi nước tên Diệu-Hỉ, Phật hiệu là Vô-Động, là Ông Duy-Ma Phật từ nước kia ăn thân, đi đến sanh ở đây ».

- (73) *Sơ-địa*. Tức hoan-hỷ địa, là một trong mười địa của đại thừa Bồ-Tát : Bồ-Tát đã đầy đủ công hạnh của một sơ A-Tăng kỳ-kiếp, mới chứng đắc thánh-tánh, vì đã phá trừ rồi kiến-hoặc, tỏ được cái lý ngã-không, pháp-không, nên cả sanh lòng hoan-hỷ, gọi hoan-hỷ địa.
- (74) Đức Văn-Thù có bài kệ vãng sanh : « Nguyên ngã mạng chung thời, tận trừ nhứt thiết như chướng ngại, diện kiến bĩ Phật A-Di-Đà, tức đắc vãng-sanh an-lạc sát ».

Hai bài văn một ý nghĩa, dù là đại đồng tiểu dị. « Tận trừ chướng ngại » : Là nguyên khi sắp thở hơi cuối cùng, đừng có các điều chướng ngại ; như : Mê sảng, đổ chầy đại tiểu tiện ra, cho đến tiếc thương điều này sự nọ. Vì lúc lâm chung mà có mấy chướng ngại đó, thì không mong gì vãng-sanh được !

- (75) *Thần* : Là nghĩa mà người thường chẳng xét lường được ; *Thông* : là nghĩa không chỉ ngăn ngại. Nói chung là cái lực dụng đã chẳng xét lường mà lại không ngăn ngại, gọi là Thần-thông. Du-Hí ; Đạo chơi. Tức là đã đắc 5 thần-thông, hoặc 6, hay 10 thần-thông ; Đạo chơi qua các thế giới khác, và địa-ngục, như Đức Địa-Tạng cũng là bậc thần-thông du-hí. Sách Đại-thừa chương nghĩa nói : Với chỗ ra làm lạ lùng lắm, gọi là thần, với tác dụng không chỉ làm ứng-tất, gọi là thông. Như Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát thiên biến vạn hóa ! !
- (76) Nguyên vì vườn cây của Thệ-Đa Thái-tử, nên gọi là rừng Thệ-Đa... Ông Tu-Đạt Trưởng-Già mua lấy rồi kiến thiết tịnh-xá để hiến Phật ở giảng-giáo độ-sanh. Thệ-Đa : Dịch là chiến-thắng, Thái-tử của vua Ba-Tu-Nặc ở nước Cu-Tát-La. Sách Tây-vực-kỷ nói : Thệ-Đa Lâm, Thắng lâm.
- (77) Sách Hoa-Nguyên Huyền-Đàm chép : Hàng thượng Đức Thịnh-văn không thấy nghe gì được với « gia-hội », bậc Tích-Hạnh Bồ-Tát phơ vi, vậy lọt dợt nơi « long môn ». Nghĩa là các Bồ-Tát tu đã nhiều kiếp, lắm hạnh không thể hiểu nổi cái đạo lý đại-thừa viên-đốn, mà phải lui ngã xuống Tỷ như cái cấp thứ 3 của « vũ-môn », cá nhảy qua không khỏi được, phải té xuống trầy vì tróc vẩy phơ khô, thành vị thuộc « long-cốt ». Ý rằng : Phật giảng kinh Hoa-Nghiêm, các vị Thịnh-văn. Bồ-Tát kia nghe không nổi, hiểu không thấu, phải rút hết, tỷ như cá đi thi nơi « vũ-môn ». Con nào nhảy qua khỏi cấp thứ 3 thì được hóa rồng, trái lại thì rút xuống bị chết phơ khô ! !

- (78) Phơi mang, cũng là trầy vì tróc vảy phơi khô nói trên. Xét rằng : Vũ-môn cũng là long môn. Sách Hậu-hán chép chuyện Tư Mã Thiên. Ông Thiên được sanh tại long-môn. Lời chú rằng : Vua vũ tạc ra cửa rồng. Sách Tân-Thị Tam-Tần chép rằng : Bên sông có một tên là long-môn, thế nước nó hiểm trở chẳng thông, các loài cá, tránh khó mà lên đặng ! Con nào lên được thì hóa rồng v.v...
- (79) Chẳng giải đặng lòng nghi. Có hai thầy Bí-Sô : Một thầy phạm giới dâm bằng vô tâm ; một Thầy [phạm giới sát bằng không cố-ý ; đều đến xin sám-hối. Ngài Ưu-Ba-Ly cứ luật kết tội là thật dâm, thật sát. Hai Bí-Sô nghi rằng : Tuy có phạm, nhưng là trường hợp vô-tâm, mà sao lại thành tội cố phạm ?!! Ngài Duy-Ma cho trí của Ưu-Ba-Ly như lửa đốt. Thì trí Duy-Ma như ánh sáng mặt nhật, vì tiêu tan lòng nghi như nắng tiêu tan sương tuyết. Sáng của lửa đốt là tỷ-dụ cho trí của Thịnh-Văn, ánh nắng là tỷ-dụ cho trí của Phật. Sáng choang là dụ trí của Bồ-Tát, ánh lửa ví trí của Thịnh-Văn.
- (80) Sách Vĩnh-gia chứng đạo ca nói : « Có hai Bí-sô phạm dâm sát, Ba-Ly ánh đốt thêm tội phạt. Duy-Ma quả cái, liền dứt nghi, dường như ánh nắng tan sương tuyết ».
- (81) Với hai Đệ-tử, Ngài Xá-Lợi-Phất dạy cho : Một trò tu pháp quán bất-tịnh, một trò tu pháp quán đếm hơi thở, đã lâu mà chưa có ích lợi gì, tâm muốn phản đạo. Đến lạy Phật xin về. Phật hỏi : Vậy nhớ hồi còn ở nhà, làm nghề-nghiệp gì ? Trò mà tu đếm hơi thừa : Con là con nhà giữ nhĩ-tỳ (nghĩa trang). Trò mà tu quán bất-tịnh thừa rằng : Con là con nhà thợ rèn thợ đúc. Phật bảo hai trò đổi nhau phép quán để tu lại... Không bao lâu đều chứng đạo quả. Tu pháp quán bất-tịnh là : Quán-tưởng cái thân của người chết... để tu trừ cái tâm tham sắc dục. Tu quán đếm hơi là để diệt cái tâm tán-loạn. Người ở nhĩ-tỳ đã thường thấy tử-thi, nên dễ tu mau thành ; ở nhà thợ rèn thường thấy hơi thổi ống bể, nên dễ tu pháp đếm hơi.
- (82) Ba tâm trọn pháp : 1.- Chí-thành tâm : Cái tâm chơn-thật nguyện sanh về tịnh-độ ; 2.- Thâm tâm : Cái tâm thâm-thiết cầu sanh tịnh-độ ; 3.- Phát nguyện hồi-hướng tâm : Quay đem

những công đức đã tu, hướng về nguyên vãng-sanh tịnh-độ, người niệm Phật mà đủ ba cái tâm ấy đặng sanh về nước kia, như kinh Vô-lượng-thọ đã nói...

- (83) A-Dà-Đà. Dịch là Phò-Khử, vô-giá, vô bệnh. Thứ thuốc hườn.
A : Phò ; Đà-Đà : Khử ; nghĩa là : ăn thuốc đầy khắp trừ các bệnh. Lại, A : Vô ; Đà-đà : Giá ; Rằng thuốc đầy công rất cao, giá trị vô lượng. Lại, A : Vô ; Đà-đà : Bệnh ; rằng uống thuốc này, không còn có bệnh gì nữa...

A-Dà-Đà ; Độc-vị, mà công dụng hay gồm cả thứ thuốc khác.

- (84) Đời nhà Tùy, Ông Vương-Độ có được cái bầu-kính... lúc ông đi làm quan Huyện-lệnh, trong huyện có cây đa lớn, cổ thần, hễ tân quan nào đến, đều cúng thần cây đa ấy, không thì bị làm quái dị. Đến tới, quan Huyện bảo lính lệ đem bầu-kính treo lên cây, đến nửa đêm mưa to, dông sét lớn, rặng ngày coi lại thì cây đa rách nát hết, dưới gốc bông eo con đọi măng xà chết nám đen. Lại một hôm, ông đến nơi quán trọ, thấy trong nhà người ấy, lại có một cô thiếu-nữ rất đẹp lạ lùng ! Ông hỏi... ? Chủ quán thưa : trước đây chừng vài tháng, có một hành khách dẫn cô ấy đến gửi ở đây, nói rằng : Bữa sau lại dắt đi, thế mà mãi đến ngày nay bắt vô âm tín... Ông Vương-Độ nghe lấy làm ngờ là chẳng phải loài người, nghĩ rồi len lén lấy bầu-kính ra, thì cô gái ấy liền đến xin tha chết bằng cách quá ư sợ sệt, mà thú thật rằng : Thiếp là con chồn cáo, lừa hãm hại đã nhiều người, nay phải chịu chết dưới tay Ngài, vậy cúi xin ngài cất bầu-kính, thiếp chịu chết. Độ gợn : giữu bầu-kính dặng người trốn há ? Con yêu thưa : Kính thần sáng thiêng, còn chỗ nào trốn dặng ! Xin được no say một bữa, sẽ đền tội chết. Cho uống ăn say mềm, rồi nằm co lại, thì con chồn cái chết trên sân.

- (85) Ma Chương. Thâm-tâm là ngũ âm : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ; năm âm ấy nó hay sanh ra nhiều điều chương ngại làm náo hại chúng-sanh, nên gọi là Ma-sát hại.

- (86) Sách Di-Uyển nói : Con sơn tinh nó giống hình người, nhưng chỉ có một chơn, ưa ăn cua nái. Dã-mị : Con vật nào quá già thành quái, nó ưa biến hiện ra để lừa hại người

- (87) *Thiên-ma tám ma* : Thiên-ma tức là trời ma vương ở cung trời thứ sáu của dục giới, tên là ba-tuần, dịch : Ác-ái, chúng có bề đáng nhiều vô-lượng, thường đem ác cảm làm chướng ngại cho kẻ hành đạo Phật, và khiến cho phóng-dật để tự giết thân, nên gọi là Ma-la : Dịch là chướng sắt. Tám ma tức là con ma phiền-não, đời phiền-não nó là ác-ma, vì ưa cướp hại việc lành của thế-gian, và xuất thế-gian.
- (88) *Chứng bệnh bảy năm*. Thầy Mạnh nói : Ngày nay, phàm là người muốn trị an nước nhà, dường như người đau đã bảy năm, mà tìm có ngại ba năm. Ngại là điệp-ngại, tức là cây thuốc-củ, để kho càng lâu lại càng hay. Ví dụ : Với việc làm phải dự bị trước.
- (89) *Vọng-lự* : Là vọng-tưởng, *Duyên trần* : Là tám vọng-tưởng nó ưa tư-tự, để duyên qua cảnh năm trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, cũng như nói : Duyên là các sự vật nó liên-quan với cả trong lẫn ngoài của thân ta. Duyên ấy thế nó hư vọng không thật, nên nói vọng-lự duyên trần, lại sự vật ấy nó làm những duyên để ta sanh khởi vọng-tình.
- (90) Như con bò hay trâu nghé vì bị mang cái ách-cổ là khổ, rồi muốn phá cho hư cái cổ hay xe đi, ngộ được khỏi khổ ; thì người chủ nó lại tạo cái xe khác nữa, thì đi lại cũng vẫn hoàn còn khổ ! Cũng như người ta chán cái thân này là khổ liền tự thiêu cho hoại thân đi, chết là hết khổ : Chứ nào có biết cái thân này hoại, thì cái nghiệp-chủ nó đi chịu cái thân sau để tiếp-tục thọ báo khổ nữa, vì chưa hết nghiệp hoặc kia mà !
- (91) *Nhơn-không* : Lại tên là Sanh-không, *Ngã-không* : nghĩa là quán-sát cái thân con người là do năm uẩn mượn lẫn nhau để hòa-hợp làm một cái nhơn-tướng, lại là do nơi nhơn-duyên cũng như đủ điều-kiện mới sanh thành ra được bằng cách giả-dối, vì biết trong đó nó chẳng có cái ngã thể là « thường » hay « nhất » gì hết, nên nói là « nhơn-không ». Chúng nhận được lẽ chơn-không rồi, nhơn đó đoạn được tất cả phiền-não, rồi đắc quả Niết-Bàn, đó là chỗ cực-diêm của Tiểu-thừa giáo. Bên Đại-thừa lập ra cái lý : Tất cả pháp « sự vật » đều có cái tánh chơn-như, rằng không cái chấp nhơn-ngã (đối với pháp ngã) đó, là nói nhơn-không để rõ tánh chơn-như. Sách Không-Chương-Mục nói : Đến không còn ngã-chấp, là rõ bày tánh chơn-như, gọi là nhơn-không.

- (92) Căn-bản tịnh nhiễm : Do nơi tam độc là tham, sân, si làm « căn bản » vô-minh ; vô-minh sanh ra 12 nhơn-duyên, tùy-thuận tạo ra thập thiện là « tịnh », thập ác là « nhiễm », vì có chấp ta làm thiện, làm ác. Lại hành thập thiện bằng hữu-tướng là nhiễm, vô-tướng là tịnh, tịnh là vô-lậu, vô-lậu chỉ tự-lợi là Thanh-Văn, vô-lậu mà lợi-tha là Bồ-Tát, vì không luôn cả pháp không nữa.
- (93) Pháp không : Là không còn chấp pháp, từ trong tham tâm, cho đến ngoài là quốc-độ, tất cả sự vật hiện-tượng, đều không chấp nhứt, phân biệt làm cảnh sở-hữu ngoài tánh chơn-như. Thế là đều không luôn cả cu-sanh pháp-chấp phân-biệt pháp-chấp kêu là « Độ sanh vô-tướng... hành-thí vô ngã... » tức là : Vô ngã, vô nhơn ; vô chúng sanh ; vô thọ giả.
- (94) Định tánh xiển-đề : Định tánh người có cái chủng-tử (tánh) duy nhứt (định) xiển-đề ; Kêu đủ là nhứt xiển-đề. Dịch là chẳng đủ đức tin, là nghĩa bất thành Phật. Lại có hai nghĩa : 1.- Đoạn-thiện xiển-đề, dứt lòng đại tà-kiến, dứt hẳn tất cả căn lành, vì vì bác bỏ hết thấy việc lành. 2.- Đại-bi xiển-đề : Bồ-Tát có cái tâm đại-bi, nguyện độ tận chúng-sanh đều thành Phật, nhưng mà chúng-sanh vô-tận, nên Bồ-Tát hẳn không có cái thời kỳ thành Phật. Sách Chỉ-Quán nói : Xiển-đề có tâm còn có thể thành Phật ; nhị-thừa vì diệt trí, nên tâm đại-thừa chẳng phát-sanh động.
- (95) Cái vông ngọc : 1.- Có chỗ nói Đế-vông, hay Đế-thanh là cái vông bằng ngọc thanh sắc-bửu. Như nói Đế-thanh bảo vông, quang giới trùng trùng... Đó là của thiện Đế-thích. 2.- Có chỗ nói Phạm-vông là : cái vông báu hơn hết của trời Phạm-vương, cũng ánh chiếu lẫn nhau vô-cùng vô-tận, rước Phật ngồi lên trên bửu vông ấy để nói Bồ-Tát giới, như đó lập kinh Đề-bằng dụ là Phạm-Vông kinh Tâm-Địa Phàm v.v...
- (96) 12 Bộ-phận cũng như 12 Phần-giáo :
- | | | | |
|----------|-------------|------------------|---|
| Đại-thừa | Tiêu-thừa : | Trường-hàng | 1 |
| Đại-thừa | Tiêu-thừa : | Trùng tụng | 2 |
| Đại-thừa | : | Thụ-ký | 3 |
| Đại-thừa | Tiêu-thừa : | Cô-khởi | 4 |
| Đại-thừa | : | Vô-vấn tự thuyết | 5 |
| Đại-thừa | Tiêu-thừa : | Nhơn-duyên | 6 |
| Đại-thừa | Tiêu-thừa : | Thí-dụ | 7 |

Đại-thừa	Tiểu-thừa :	Bổn-sự	8
Đại-thừa	Tiểu-thừa :	Bổn-sanh	9
Đại-thừa	:	Phương-quảng	10
Đại-thừa	Tiểu-thừa :	Vị-tăng-hữu	11
Đại-thừa	Tiểu-thừa :	Luận-nghị	12

(97) Như-như : 1.- Tướng : là pháp hữu-vi lộ-xổ muôn-tướng, pháp nào cũng đều tự nhơn-duyên sanh ra để chương bày tướng-trạng của các thứ. 2.- Danh là cũng nương nơi nhơn-duyên để kêu gọi cái tướng của các pháp kia, mà nảy ra cái danh của mỗi pháp. Bởi tướng là sở-thuyên, còn danh là năng-thuyên. Tướng, Danh ấy là cái cảnh sở biến do nơi tâm hữu-lậu của phàm-phu nó biến-hiện ra. 3.- Phân-biệt, cụ dịch là vọng-tướng, là cái tâm năng-biến ra 2 cái tướng phân-biệt và sở biến. Ba pháp trên đó, là phần năng biến và phần sở biến của tâm hữu-lậu. 4.- Chánh-trí là tất cả vọng-tướng nó xen vào tâm vô-lậu. Bốn pháp trên đó chung là pháp hữu-vi, để riêng biệt phần hữu-lậu và vô-lậu. 5.- Như-như là cái chơn-như do chánh-trí trước mà chứngặng ; bởi do nơi trí đúng như lý mà chứngặng chơn-như, nên nói là như-như, là phần vô-vi. Dùng năm pháp ấy để gồm thâu tất cả các pháp hữu-vi và vô-vi, không sót một pháp nào.

(98) Tánh viên thành thật : 1.- Biến-kế sở chấp tánh : Bởi phàm-phu vọng chấp nên nhận lầm là thật có vật-chất, cái vọng-tình phàm-phu khắp kể so-do các pháp (sự-vật), nên nói là biến-kế. Tỷ như : thấy sợi dây nhận lầm là con rắn, chớ không phải có thật thề con rắn, chẳng qua là vọng-tình mê chấp cho là rắn đấy thôi, nên nói biến-kế sở chấp tánh. Bởi đối với trong và ngoài thân tâm, chúng ta nhận lầm thật có ngã, thật có pháp cũng thế. Vì là cả vạn pháp hữu-vi, đều là pháp bởi nhơn-duyên mượn nhau hòa hợp đó thôi, chớ không có một chi là thật ngã hay thật pháp gì cả, mà chỉ là cái vọng-tình nó chấp lấy đo lường nhận lầm là ngã là pháp, thì ra do vọng-tình mà còn, chớ không thề rời vọng-tình mà có được.

2.- Y-tha khởi tánh : Tất cả muôn pháp đều nương nơi nhơn-duyên để sanh khởi, thật thề. Tha : Nhơn-duyên, lấy chủng-tử của A-Lại-Da-Thức làm cái nhân để nứt, mượn lấy mỗi mỗi trợ duyên kia « Tha » để sanh khởi, thì ra là vọng-tình mà vẫn còn. Tỷ như : sợi dây nó do nhơn-duyên là bả gai hay bở... Để sanh khởi.

3.- Viên-thành thật-tánh : Cái tánh chơn-thật đầy đủ nên cũng gọi là : pháp tánh chơn như... là cái thể-tánh của tất cả pháp hữu-vi, in tưởng như cái thật-tánh của tất cả pháp hữu-vi, in tưởng như cái thật-tánh của đây là gai hay bồ.

Song biến-kế-sở-chấp tánh là vọng-hữu ; y-tha-khởi tánh là giả-hữu ; viên-thành-thật-tánh là thật-hữu.

- (99) Ngã : chủ-tể, Phàm-phu không rõ thân ngũ-uẩn này là nghĩa mượn hòa-hiệp, mà lại cố chấp rằng thân-thể người thật có tự-chủ, tự-tại, gọi là nhơn-ngã ; chứ rõ thân ngũ-uẩn là nghĩa mượn hòa hợp hẳn không có nhơn-thể, nên nói nhơn vô ngã, đó là cái lẽ quán sát của tiểu-thừa, dùng để dứt cái chương phiền-não, mà đắc quả Niết-Bàn.

Cố chấp các pháp có thật-thể, có thật-dụng, thì gọi là pháp ngã ; nay hiểu các pháp do nhơn-duyên sanh, nó hẳn không có tự-tánh, thì gọi là pháp vô-ngã. Đó là lẽ quán-sát của Đại-thừa Bồ-Tát, để đoạn cái chương sở tri, mà đắc Bồ-Tát đạo.

- (100) Sự sự vô ngại pháp-giới. Tất-cả chia ngăn mỗi sự mỗi pháp nhứt nhứt đều đúng thức tánh, vì suốt lẫn với nhau bằng mỗi lớp mỗi lớp vô cùng vô tận (xin xem ở số 12).

- (101) Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đây là Thiên-Thai tông phân làm « Hóa pháp tứ giáo ». 1.- Tạng giáo tức tam tạng là kinh, luật luận, phân rành từ bộ, từ loại, nói về pháp tứ-đế nhơn-duyên sanh diệt, chính là để dạy cả Thỉnh-Văn, Duyên-Giác gọi là nhị-thừa, mà rộng ra thì cũng hóa-độ đến Bồ-Tát nữa. 2.- Thông-giáo : nói về pháp tứ chơn-đế bằng lẽ tức không vô-sanh, cả tam thừa thông đồng học-tập, nhưng dùng Bồ-Tát làm chính cơ, còn nhị-thừa làm bàng-cơ. 3.- Biệt giáo : riêng biệt đối với Bồ-Tát, để nói pháp đại-thừa vô lượng-ngĩa, chứ chẳng đồng với người bậc nhị-thừa. 4.- Viên-giáo Đối : với Bồ-Tát bậc tối thượng lợi-căn, để nói về pháp trung-dạo thật-tướng bằng sự lý viên-dung. Bốn giáo ấy là pháp-môn để giáo-hóa chúng-sanh được lợi-ích, nên gọi hóa-pháp tứ-giáo.

- (102) Cây thuốc chữa : Thảo mộc đều có thể trị lành bệnh, mà trong cả được thảo, thứ nào hay nhứt hơn hết, được gọi được-vương-thụ. Như Hoa-Nghiêm kinh nói : Có cây thuốc thượng hảo, gốc

rễ ăn sâu, cành lá bủa khắp, rễ, cọng, nhánh lá đều trị lành các bệnh; ai nghe hương vị của nó, cũng đều lành bệnh hết cả. Bồ-Tát cũng thế dùng Đại-bi ướp thân, nên từ hình thể đến tiếng-tâm, đều lợi-ích cho chúng sanh, gọi là cái thân Đại-Dược-Vương. Kinh Pháp-Hoa Nhập-sớ chép rằng : Đối với Đức Quán-Thế-Âm, chúng sanh nào được thấy thân thể hay nghe tiếng tâm, đềuặng hết bệnh khổ, vì thân Bồ-Tát như cây thuốc chúa, nên nói « Phở môn thị-hiện cứu-khổ tâm-thinh ».

- (103) Viên-giác Phật : Pháp thân Phật của Viên-giáo là Tỳ-Lô-Xá-Na Phật. Pháp-hoa văn cú nói : Ấn 3 tướng trước, chỉ thị ra cái thân tướng bất-khả tư-nghì như hư-không tức là Phật Viên-giác, vì tự-giác, giác-tha, giác-hạnh viên-mãn.

Nghe pháp Phở-môn: Phở: khắp giáp; Môn: trí-giác khai thông không ngại, hay thông đường khiến người tỏ vào. Pháp-Hoa khoa-chú nói: Phở-môn pháp tức là Viên-thông pháp. Kinh Hoa-Nghiêm nói rõ trong một môn, thấu vào tất cả pháp, gọi là phở-môn pháp; Sách Tham-Huyền Ký nói: Vào pháp tông-trì duyên-khí, trong một môn liền thông gồm cả viên-dùng pháp-giới, nên nói Phở-môn.

- (104) Bát-nạn lên thập-địa : 1.- Địa-ngục khổn khổ vì quá tội khổ. 2.- Ngạ-qui khổn khổ vì quá đói khát. 3.- Bàng-sanh khổn khổ vì quá si-mê. 4.- Uất-Đơn-Việt, khổn khổ vì quá vui sướng không tu được. 5.- Trường-thọ-thiên, là : các trời và ở trung giới, thượng giới, vì quá ư sống lâu khó giải-thoát để tiến-tu, và quá ư hưởng phước vui cũng không tu được mà thành ra khổn khổ. 6.- Những kẻ điếc, đui, câm, ngọng, giữa nhơn gian, khổn khổ vì 6 căn chẳng đủ, thiếu cái tướng người. 7.- Thế-tri biện-thông : khổn khổ vì xảo ngôn biện bác : phải nói ra quấy ; quấy nói ra phải, nói sao nghe cũng có lý được cả, những thất đức ác khẩu vì mất sự thật. 8.- Phật tiền Phật hậu : Người sanh trưởng ở chỗ không có pháp Phật và giữa quảng đời giữa hai đức Phật, nghĩa là Phật trước đã qua đời, Phật sau chưa xuất-thế, mà ở chỗ chẳng có chùa Phật, đạo pháp gì ; còn chỗ có đạo Pháp, và có thấy nghe tu học được thì khỏi bị cái nạn đó.

- (105) **Thắng-Ứng thân, Liệt-Ứng thân** : Thắng-Ứng thân cũng gọi là « Tôn-Đắc thân ». Tò Thiền-Thai lập ra ba thân : Pháp Bảo và Ứng. Với Bảo-thân lại phân làm hai : 1.- Tự-thụ-dụng-thân. 2.- Tha-thụ-dụng-thân : Đối với cái Bảo-thân bằng tự thụ dụng, thì kêu cái Bảo-thân bằng Tha Thụ-dụng, là : « Ứng-thân » ; Đối với thứ ba liệt-ứng-thân trượng lực thì kêu Tha-thụ-dụng thân là « Thắng-Ứng ». Vậy biết « Thắng-Ứng thân » tức là : Tha thụ-dụng Bảo-thân. Sách Pháp-Hoa văn-cú Ký chép : Nên với « Tha thụ-dụng-thân », cũng được gọi là « Bảo-thân », cũng được kêu là « Ứng-thân » ; dù Thắng hay Liệt cũng đều tên là « Ứng-thân » cả.
- (106) **Định-thiền tán thiện** : Định : là nghỉ dứt cái tư-lự đề tâm ngưng trụ vào một cảnh ; Tán : là bỏ ác đề tu lành, mặc dù tâm tán-loạn. Tóm lại, là đều đem hai hạnh ấy hồi hướng nguyện sanh về Tịnh-độ. Đời Đường, Ngài Thiện-Đạo đem 16 pháp quán của một bộ Kinh Quán-vô-lượng-thọ Phật, phân làm định-thiền, tán-thiền ; với 13 quán trước, dùng cái tâm thiền-định, đề quán tướng Y-Báo, Chánh-Báo của Tịnh-độ, nên gọi là : Định-thiền. Với 3 quán sau, dùng cái tâm tán-loạn, đề tu cái hạnh 3 phước 9 phẩm, nên gọi là tán-thiền.
- (107) **tam chương tịnh nghiệp** : Lại tên là 3 điều phước : 1.- Tháo nuôi cha mẹ, vâng thờ sư-trưởng, lòng từ chẳng sát-sanh, tu 10 nghiệp lành. 2.- Giữ và làm đủ các giới hạnh. 3.- Phát Bồ-đề tâm, tin sâu lý nhơn quả, đọc tụng kinh đại-thừa.
- (108) **Bốn tánh** : 1.- Tự-tánh hành : Bồ-Tát tự tánh bấy lâu nay vẫn hiền lành, hiếu dưỡng phụ mẫu, kính thuận Sa-môn, làm đủ 10 điều thiện. 2.- Nguyện-tánh hành : Bồ-tát phát tâm nguyện thành đạo tác Phật. 3.- Thuận-tánh-hành : Bồ-tát thuận theo 6 độ đề thuận hành. 4.- Chuyển-tánh-hành : Nhơn-công tu hành, đề chuyển phàm thành thánh. Thấy rõ trong Phật Bồn-Hạnh tập kinh cuốn nhứt.
- (109) **Do-tuần** ; Danh-từ số dăm của Ấn-Độ, có 3 hạng : 1.- Thượng do-tuần : 80 dăm. 2.- Trung do-tuần : 60 dăm. 3.- Hạ do-tuần : 40 dăm. Mỗi một dăm là xa bằng ngón con trâu, nhỏ như con dế. (Tức là như một cây số ngàn).

- (110) **Cây báu Đạo-tràng** : Kinh Vô-Lượng-Thọ cuốn thượng. Chép về chuyện cây Bồ-đề ở thế-giới Cực-Lạc như vậy : Cây báu nơi đạo-tràng của Đức Di-Đà, nó có vô-lượng ánh màu, thân cây cao đến 4 trăm muôn dặm, là chỗ Đức Di-Đà ngồi thành-đạo thuyết-pháp, đó là tịnh-độ hoàng-kim, nên cây Bồ-đề bằng ngọc báu. Còn ở uế-độ này nơi đạo-tràng chỗ Đức Thích-Ca ngồi thành đạo thuyết-pháp, thì cây Bồ-đề bằng gỗ.

Nói tóm lại, cây Bồ-Đề, hay chốn Đạo-tràng đều là tiêu-biểu của Đạo, từ sự đến lý... Đạo-tràng : Là cái trường đề học Đạo, như những chỗ Tăng chúng ở tu-hành : Chùa-chiền, Tịnh-xá, Hội-Quán Hội Phật-học v.v... đều gọi là Đạo-tràng. Cây Bồ-Đề, là Phật ngồi nơi gốc cây này tu-luyện mà được « giác-ngộ », chứng được « nhất-thế-đạo-chủng-tri » nên gọi cây này là cây Bồ-Đề, và đặt nó là cây Bồ-Đề ; Bồ-Đề là tiếng Phạm, (Bồ-Đề hay Bu-Đi, Bù-Đi, Bồ-Đà cũng thế). Tàu dịch là « giác-trí ».

- (111) **Do-tuần**. Cựu dịch. Do-tuần ; tân dịch là : Thâu thiện-na, dịch nghĩa là : Hợp-Ứng : Kề Hợp-Ứng với bấy nhiêu đo lường, đồng với số trọng ở xứ này hồi xưa. Nguyên tiếng Phạm là : Yojena (xem thêm ở số 109).
- (112) **Ngũ nghịch** : Ngũ-nghịch thông đồng của tam-thừa nói : 1.- Giết cha ; 2.- Giết mẹ ; 3.- Giết A-La-Hán ; 4.- Làm thân Phật ra máu ; 5.- Phá hòa-hợp Tăng.
- (113) **Na-do-tha** : Dịch là : Số ức, có ba hạng : 1.- Một ức bằng mười vạn. 2.- Một ức bằng trăm muôn. 3.- Một ức bằng nghìn muôn. Na-Do-Tha, tiếng Phạm : Nayuta.
- (114) **Vời sanh-thân cao lớn còn đợi nói rõ điều nghi** : Có chỗ nói « Cái thân cao mười vạn ức Na-Do-Tha », đó là cái sanh thân (cũng như ứng-thân hay hóa-thân). Số là cái thân ở tịnh-độ, thắng hơn cái thân ở uế-độ, vì sanh thân bên tịnh-độ phải cao lớn chừng nó (bấy nhiêu đó), còn sanh thân ở uế-độ thì chỉ có một trượng 6 thước. Tri-lễ pháp sư, dùng 13 lần vấn-đáp để biện minh việc này, quyết định là cái thân cao lớn đặc-biệt. Rút ở sách Diệu-tông-sao.
- (115) **Bảy đời Phật** : Kinh tràng A-Hàm đại-bổn nói : « Trước đây 91 kiếp về đời quá-khứ, bấy giờ có Phật hiệu là Tỳ-Bà-Thị

(Vipasyin) ; kế, 31 kiếp trước đây, bấy giờ có Phật hiệu là Thi-Khí-Nhu-Lai (Sikhin) ; cũng trong kiếp trên, bấy giờ có Phật Tỳ-Xá-Bà (Visvabhū) ; giữa kiếp hiện đây, trong tiểu kiếp thứ 9, có đức Câu-Lưu-Tôn Phật (Krakucchanda) ; (Đức Câu-Na-Hàm (Kanakmuni) ; đức Ca-Điếp (Kāśyapa) ; Ta (đức Thích-Ca) nay cũng ở trong kiếp thứ 9 của hiện kiếp này ». Kinh Đại-Bi nói : « A-Nan ! Giữa kiếp hiện này, sau khi Ta nhập diệt rồi, qua tiểu kiếp thứ 10 về sau, còn có 996 đức Phật nữa tiếp tục ra đời, như trước Ta thì đức Câu-Lưu-Tôn là số 1, Ta là số 4, qua tiểu kiếp thứ 10 : Di-Lặc-Phật là số 5. Đến tiểu kiếp thứ 20, đức Lưu-Cha-Nhu-Lai là số 1000, người phải biết thứ lớp như thế », (với 1.000 Phật trên xin xem cái biểu đồ ở bộ Nguyên-nhơn-luận).

Luận Trí-Độ nói : « Trước Hiện kiếp 91 tiểu kiếp, ban đầu có Tỳ-Bà-Thi ; giữa tiểu kiếp thứ 31 trước đây có hai đức Phật là Thi-Khí. Đệ Thứ-Bà-Phụ ; trong hiện kiếp đây có 4 Phật là : Ca-La-Cưu-Xàn-Dà, Ca-Na Đà-Mưu-Ny, Ca-Điếp, và Thích-Ca Mâu-ni ». Ba đức Phật trước là Phật ở về khoản rốt kiếp trang nghiêm của quá khứ ; còn 4 Phật sau là : Phật ở về tiểu kiếp thứ 9 trong kiếp trụ giữa như hiện của kiếp hiện tại.

(116) Tu sáu pháp niệm 1) Niệm Phật là từ-bi Đại-đạo-Sư ; 2) Niệm pháp là tam thể Phật mẫu ; 3) Niệm Tăng là nhơn-thiên phước-diên ; 4) Niệm Thiên là trường thọ an-lạc ; 5) Niệm giới là thân tâm thanh-tịnh ; 6) Niệm trí là phổ-tế bản-cùng.

(117) Cùng chia sáu cạn : Sách Vĩnh-Gia Tập nói : Tỷ, như ba con thú Voi, Ngựa, Thỏ đồng lội qua một dòng sông, lại phân-biệt nhau về sáu cạn, vì cạn, giò của ba con có dài, ngắn khác nhau. Voi dụ Bồ-Tát ; Ngựa tỷ như Duyên-giác, Thỏ ví Thính-văn ; sông tỷ là lý chơn-không của Đạo. Lý chơn-như vẫn một, tùy theo trình-độ của ba hạng người có cao và thấp, nên sự thấy có khác nhau.

(118) Phước hơn thiên cung : Lời tựa sách Qui-Nguơn có 2 câu : « Hạ-sanh du thắng bách thiên cung nan nghĩ ư đồng luận ; thượng phạm duy cao, nhất an dưỡng vô cùng chi Cực-Lạc ». Đại ý là : Người niệm Phật, được vãng-sanh dù là ở hạng rất thấp, nhưng hưởng phước vui hơn gấp trăm lần phúc vui của thiên-cung ; còn tu niệm Phật được bậc cao nhất thì càng hưởng phúc vui nhiều đến vô cùng.

- (119) *Cụ-phước phạm-phu* : *Phiền-não* nó trói người đời, đem buộc trong lao ngục sanh-tử, gọi là *phước* ; người mà đủ có *phiền-não*, gọi là *cụ-phước* : tức là tất cả *phạm-phu*. *Kinh Anh-Lạc chép* : Chúng *cụ-phước phạm-phu* chưa biết ngôi *Tam-bảo*. Tức như hiện nay những người mà không biết *Phật, Pháp, Tăng*, cứ mê sa trong vũng bùn ngũ-dục chính là bọn *cụ-phước phạm-phu* đó.
- (120) *Thỉnh danh cú văn* : *Thỉnh* : là một trong năm trần : (*Sắc, thính, hương, vị, xúc*), gọi là *thỉnh* trần do 4 đại (4 nguyên chất lớn) tạo ra, nó thuộc về *sắc pháp*, cảnh sở đối của *nhĩ-căn* *Phật* dùng *thỉnh* để thuyết pháp, như *đồ-đặng-tế-độ* chúng-sanh, nên dùng *thỉnh* làm *Phật-sự*, lấy *thỉnh* làm *giáo-thê*. *Danh* : là tên của chữ ; *Cú* : Là ráp chữ thành câu ; *Văn* : là chữ ráp nhiều nét thành chữ. *Luận Khởi-Tín* chép về *giáo-thê* có 4 môn : môn thứ nhất là « tùy tướng » có 4 câu, câu thứ hai nói : hoặc : dùng âm *thỉnh* làm *tánh*, còn các thứ *Danh, Cú, Văn* là những cái quanh co trên âm-*thỉnh*, là mượn lấy đó để định nói lời này, lẽ nọ mà thôi, chứ ba môn ấy nó chẳng có *thê* gì cả, như : *Tự-mẫu, văn mẫu*, chỉ có giọng ngâm nga, mà không có nghĩa lý gì cả.
- (121) *Mười môn* : 1.- Âm *thỉnh* ngữ ngôn ; 2.- *Danh cú văn thân* ; 3.- *Thông* dùng 4 pháp ; 4.- Các pháp rõ nghĩa ; 5.- *Thâu cảnh chỉ tâm* ; 6.- *Gõm duyên vào không* ; 7.- *Lý sự thắng ngại* ; 8.- *Suốt gồm sở-thuyên* ; 9.- *Sự sự không ngại* ; 10. *Ấn bề rõ bày*.
- (122) *Thiên-Vận* : *Văn tự* trong một bài, cả từ đầu chỉ cuối, gọi là một *thiên*, như *Thượng thiên, Hạ thi...*, *Vận* : *Văn bình văn* trác v.v...
- (123) *Dùng cơm thơm làm Phật sự* ; *Kinh Tịnh-Danh* chép : Trong nước *Chứng-Hương*, *Đức Hương-Tịch Như-Lai* lấy cơm thơm để làm *Phật sự*. Nghĩa là *Phật* ấy thuyết pháp bằng hơi cơm thơm, vì chúng-sanh ở đây tỷ-căn thông lợi hơn các căn khác, nên chỉ nghe pháp bằng lỗ mũi tiếp xúc với hơi cơm mà tỏ *Đạo-lý*. Còn chúng-sanh ở *thế-giới Ta-Bà* đây, thì lỗ tai nghe pháp được thông lợi hơn các căn khác, nên *Phật Thích-Ca* phải tùy theo căn cơ mà thuyết pháp bằng âm-*thỉnh*, dùng tiếng tâm làm *giáo-thê*.

- (124) *Bồn-chất ảnh-tượng* : Bồn-chất của thức, ảnh-tượng của thức, tự-chứng phần, và kiến phần làm bồn chất ; sở-biến tướng-phần làm ảnh-tượng.
- (125) *Diệu-quán-sát-trí* : Đây là chuyển thức thành trí ; chuyển đổi cái thức thứ 6 của phạm-phu, để tiến đến quả Phật, thì thức ấy nó thành ra cái trí diệu-quán-sát. Nghĩa là xem xét các pháp, coi pháp nào nên nói cho vừa với trình-độ người nghe được lợi ích.
- (126) *Bồn-chất-giáo* : Như nhân-thức nó duyên qua sắc-cảnh ngoài ảnh-tượng (tức tướng-phần) sở hiện nơi nhân-thức ra, còn chứng-tử của A-Lại-Da thức nó sở sanh cái sắc-pháp bằng thật chất, để làm chỗ cho ảnh-tượng ấy ký-thác, gọi là bồn-chất. Như ý-thức nó bỗng nhiên ngấm hiện lên cái tướng-tượng bằng cách hữu-danh vô-thật, như lông rùa, sừng thỏ, và hoa dấm trên không, thì nó chỉ có cái ảnh-tượng, chứ không có cái bồn-chất để ký-thác, nên gọi là « độc-ảnh-cảnh ». Sách Duy-thức thuật-ký nói : Trừ ảnh ra ngoài riêng có sở thác, tên là bồn chất. Những chỗ giảng nói như thế, kêu là bồn-chất-giáo.
- (127) *Ảnh-tượng-giáo* : Đối với ánh sáng, vật thể nó bị ngăn che, thì nó hiện ra bóng-dáng, với cái bóng ấy ta đã thấy được chứ nó không có thật-thể, tức là không. Đó là để ví-dụ các pháp không có tự-tánh. Chúng-sanh bị vọng-thức phân-biệt, với trên tâm hiện ra mỗi mỗi hình tướng, gọi là ảnh-tượng, thế cũng như ảnh-tượng trên nước, trong gương. Những chỗ giảng nói như thế, gọi là Ảnh-tượng-giáo.
- (128) *Tăng-thượng-duyên* : Một điều-kiện thêm mạnh lên. Quán Kinh Huyền-Nghĩa nói : Chúng sanh mà được vắng sanh về Tịnh-Độ đó, đều nương sức mạnh đại nguyện tịnh-nghiệp của Đức A-Di-Đà Phật, làm tăng thượng duyên. Tăng-thượng-duyên là một trong bốn duyên, tăng thượng duyên là một cái điều-kiện có sức mạnh để giúp cho một pháp nó được sanh khởi. Như nhân-căn nó năng sanh ra nhân-thức ; ruộng đất hay sanh trưởng lúa bắp. Sách Đại-thừa chương-nghĩa nói : Tăng-thượng-duyên là một phần mạnh để giúp cho một pháp nào chóng sanh khởi.
- (129) *Ông Không-Sanh* : (Tu-Bồ-Đề). Ngồi yên trên gộp đá ; giữa chốn hư không, trời Đế-Thích rải hoa xuống để cúng dường. Không-Sanh hỏi : Ai rải hoa chi đó ? Tôi là Thiên-Đế-Thích mà,

(dưới thế này họ tôn xưng là Đức Chúa-Trời), hôm nay thấy Tôn-giả thuyết pháp Bát-Nhã rất hay, nên tôi rải hoa cúng dường. Tôi có nói, có thuyết gì đâu ? Vì pháp Bát-Nhã chơn không kia mà, nên gọi là « vô pháp khả thuyết », thế thì có nói năng chi ! — À ! Thế thì Tôn-Giả Ngài không nói, thôi tôi cũng không nghe. — Ủ ! Vậy mới đúng lý Bát-Nhã chứ. Vì không nói, không nghe mới đúng thế chơn-không vô-tướng (Thị chư pháp không-tướng, bất sanh bất diệt v.v...).

(130) Mười môn : 1.- Ngã, pháp đều có ; 2.- Pháp có ngã không ; 3.- Pháp không tới lui ; 4.- Thông hiện giả chơn ; 5.- Tục đối, chơn thật ; 6.- Các pháp chỉ có danh ; 7.- Ba tánh luống có ; 8.- Chơn không phi tướng ; 9.- Không, hữu, đều không ngại ; 10.- Viên-dụng đủ đức.

(131) Ngoài có pháp trong có Ngã : Với trong căn thân, chấp có ngã tướng làm chủ-tể thì gọi là ngã chấp ; với ngoài khi giới, chấp có pháp-tướng, là những sự vật sở-hữu của بدن-ngã, thì gọi là pháp-chấp. Như chấp có thân thể của ta, tên tuổi của ta, danh-dự của ta ; thân thuộc của ta, nhà vườn của cái, xứ sở nước nhà của ta, đều thuộc về ngã và pháp chấp.

(132) Phật-pháp ngoại-đạo : Các phái ngoại đạo, đều chấp có, hoặc : « Thần ngã : linh hồn » là ta sống lâu..., hoặc « Pháp ngã : pháp màu » là luyện được tài hay phép thuật giỏi v.v... ; sau khi họ qui đầu, hay lợi-dụng Phật-pháp, mượn Phật làm danh, tuy nhận-hiệu bên ngoài là Phật-pháp, chứ nguyên-lai đầu óc chấp ngã chấp pháp vẫn còn nên gọi là : Phật-pháp ngoại-đạo.

(133) Y chánh hay báo : Chánh báo là tất cả thân thể của Đức Phật A-Di-Đà, và các Bồ-Tát cùng dân chúng trong cõi Cực-Lạc đều là tướng mạo thanh tịnh trang-nghiêm ; Y-báo là sự vật, lầu đài quốc-độ, đều là hoàng kim thất-bửu rất là vi-diệu.

(134) Định huệ bình đẳng : Là thiền-định và trí-huệ : thấu dẹp được điều tán loạn của ý-thức, nói không vọng-động là Định ; xem xét sự này lý nọ đều rành mạch không mê lầm, là Huệ. Tu thiền-định quán-tướng, phải đồng thời vừa có Định, vừa có Huệ, quán-bình với nhau mới được. Chớ nếu chỉ có Định mà không có Huệ, thì cái định ấy là « khờ định » hoặc « si-định » thì hại lắm ! Còn nếu chỉ có Huệ mà không có Định, thì cái Huệ ấy gọi là

« cường huệ » hoặc « lão hầu không », cũng như thể-trí biến-thông là một.

- (135) Chi-Lâu-Ca-Sám : Cũng kêu là Chi-Sám là một nhà Tăng ở nước Nguyệt-Chi, tức là nước Bạc-Khu-La (Bhukkhara) ở phía Tây Ấn-Độ. Ngài qua Trung-Hoa, đời Hậu-Hán, trong khoảng triều Minh-Đế 58 — 74 Khang Tăng-Khai : Khương (Khang) : nước Khương-Cư, tức là nước Toát-Mạt-Kiến (Samankand) ở về phía Bắc nước Nguyệt-Chi. Ngài Tăng-Khai tức tên là Tăng-Già-Bạt-Ma (Samghavarman) qua nước Tàu đời Tào Ngụy, năm Gia-Bình thứ V (năm) Quý Dậu, 253), ở Chùa Bạch-Mã, thành Lạc-Dương Ngô-Chi-Khiêm : Ngô : Đông-Ngô (đời Tam-Quốc) Chi - Khiêm tự là Cung - Minh, một vị vu-bà-tắc nước Nguyệt-Chi, sau một vị Cao-Tăng ở đời Hán-Một, tướng người nhỏ, cao, đen, ốm, mắt trắng, con người vàng. Tống Pháp-Hiền : Ngài Pháp-Hiền là người ở đời Triệu-Tổng (960 — 1296). Bồ-Đề-Lưu-Chí : (Bodhiruci) ; Dịch Pháp-Ái : người xuất thân nước Nam Thiên-Trúc, qua Tàu năm đời Đường, triều Vũ-Tắc-Thiên ; dịch 3 Tạng kinh vào năm Tân-Hợi (711) cùng với Ngài Pháp-Tạng, Trần-Ngoại v.v... đồng dịch tại đình Cam-Lộc.
- (136) Già-Đà bộ bài kệ : Pháp-Hoa Huyền-tán chép : Già-Đà dịch là Tụng, nghĩa là xưng tụng, ca tụng, cứ 4 câu làm một bài tụng. Sách Đại-thừa Chương-nghĩa nói : Già-Đà dịch : Bài kệ không tụng lại nghĩa trường-hàng, chỉ dùng bài kệ để nói rõ bày các pháp, nên nói là Già-Đà. Tất cả hoặc mỗi câu 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, 9 chữ ; chẳng nói lại nghĩa trên, đều là Già-Đà.
- (137) Phù-tần đao-tần : 1.- Thuở đời nhà Châu, có người Phi-Tử, cháu chắt của ông Bá-Ích ; Phi-Tử là người có cái nghề nuôi ngựa hay lắm ; nên được Châu-Bình-Vương (770—772 tức L.T.) yêu dùng, sau phong hầu đất Thiểm, quốc hiệu là Tần, thế là Doanh-Tần. 2.- Thuở Đông-Tần (317—419), có ông Phù-Kiến, thế lực cường thịnh, chiếm cứ nơi Quan-Trung, lập Quốc hiệu là Tần, đó là Phù-Tần. 3.- Ông Dao-Trần làm tướng cho ông Phù-Kiến, sau Phù-Kiến bị thua nhà Tần. Dao-Trần cũng chiếm Quan-Trung ; truyền đến con Dao-Trần là Dao-Hưng, thế là Dao-Tần.
- (138) Nước Ku-Che (Cưu-Tỳ) : Cưu dịch : là Cưu-Tỳ, Cu-Chi-Năng ; tân dịch Quật-Chi. Cưu-Tỳ, mà người ta đọc trật vẫn là

Qui-Tu! Vì họ chỉ biết chữ *Qui* (rùa), chữ *Tu* hay chữ *Tự* (nay) mà thôi, chớ họ chẳng biết 2 chữ *Qui-Tu* nó còn có văn chính nữa là *Cưu-Ty*, nên đọc là *Ku-Che* đúng hơn.

Ku-Che là : một nước ở về lưu vực phía Tây nước Tàu, thuở nhà Đường đặt là *Ku-Che độ-hộ Phủ*, tức nay là Huyện *Khố-Xa* của đất *Tân-Cương*, là xứ *Phật-Giáo* rất thanh-hành từ xưa nay ; Ngài *Cưu-Ma-La-Thập* sanh tại đó.

- (139) Sai tướng *Lữ-Quang* : Vua *Tần Phù-Kiến*, năm *Kiến-Nguơn* thứ 13, sai *Lữ-Quang* dẫn binh-trưởng qua đánh thắng được nước *Ku-Che* (trận viễn chinh này, mục đích không giành cướp chi hơn là chỉ đoạt được vị *Pháp-sư* mà thôi) rồi rước Ngài *La-Thập Pháp-sư* về, ca-khúc khải-hoàn ; đem quân về đến đất *Lương-Châu*, nghe *Phù-Kiến* đã chết, *Lữ-Quang* chiếm cứ ở đấy xưng *Đế*, quốc hiệu là *Hậu-Lương* (năm *Kỷ-Sửu* 389). Đến khi *Lữ-Quang* chết, cháu giòng *Thúc-bá* là *Lữ-Long* hàng đầu nhà *Tần*, bấy giờ Ngài *La-Thập* mới vào đến *Quan-Trung* ở nơi vườn « *Tiêu-Diêu-Viên* ».
- (140) Niên hiệu *Hoàng-Thỉ* năm thứ 11 : *Hoàng-Thỉ* một niên hiệu nước *Tần* trong khoảng niên hiệu *Long-An* của nhà *Đông-Tấn* từ năm *Đinh-Dậu* đến năm *Canh-Tý* (397 — 400).
- (141) Ngài *Huyền-Trang pháp-sư* : Một nhà Tăng đời *Đường*, du học qua *Ấn-Độ*, thụ học với Ngài *Luận-sư Giới-Hiền*, trải mười mấy năm, về nước chở theo hơn 650 bộ kinh, luận, cùng đệ-tử đồng dịch ra được 75 bộ, cộng được 1338 cuốn được hai Vua *Thái-Tôn* và *Cao-Tôn* (627 — 683) đều tôn trọng.
- (142) *Trinh-quán* năm thứ ba : Là năm *Kỷ-Sửu* (629).
- (143) Nước *Xá-Vệ* : *Thiện-Kiến Luật chép* : *Xá-Vệ* là tên người, xưa có người ở đấy, về sau nhà vua lập làm tên nước là *Xá-Vệ* quốc, một tên là *Đa-Hữu-Quốc* rằng : Có nhiều người thông-minh tài-trí và các thứ quý báu lạ lùng đều sản xuất nơi đây.
- (144) *Trinh-Quán* năm thứ 19 : *Trinh-Quán* là *Kỷ-nguơn* của *Đường-Thái-Tôn* ; năm thứ 19 là năm *Ất-Tý* (645).
- (145) *Diện mạo như lúc còn sống* : Người mà không dâm-dục, thì tinh-khí nó cứ kết thành nhiều khối : gia-di giới-thân huệ-mạng

huan kết thành tịnh-chất, thành thủ đầu thức tánh là khỏi xác, mà tiền ấm thân vẫn còn như sống. Trái lại người mà tịnh-khi ra hết, và không giới-luật duy trì, thì dù chưa tắt thở, mà sắc diện đã hiện từ-tướng hoặc là tái, xanh, hoặc thâm đen.

- (146) Với cây tùng, mà Ngài Huyền-Tráng ước nguyện chỉ đều được như thế đấy, là thêm một điều nữa cho ta biết rằng : « Vật ngã nhưt-như ! » Vì cây tùng ấy không phải vật ngoài tâm. Vậy, với lẽ cảnh không ngoài tâm, tâm tức là cảnh và tâm tạo thiên biến, do đây càng thêm thấy rõ, nếu mỗi người tâm như tâm của Pháp-sư. Kinh nói : Tịnh dữ vô tình cộng thành Phật đạo, lại càng chứng rõ. Tâm là Chánh-báo cảnh là Y-báo, nếu tâm ấy là tâm Phật, thì cảnh ấy sẽ là cảnh Phật, như cảnh Tây-Phương, Phật A-Di-Đà. Trái lại, nếu tâm là chúng-sanh thì cảnh ấy là chúng-sanh, như cảnh Ta-Bà này, do vì tâm trước của chúng-sanh gây tạo.
- (147) Ma Đảnh tùng : Cây tùng được rờ đầu là một pháp ma-dảnh thụ-ký của Phật-Tổ xưa. Lại là một : đạo lý tâm năng chuyển vật. Cũng đồng một cảnh giới với « ngoan-thạch diềm đầu ». Trần-Đoàn nói : Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại..., vậy thử hỏi « Duy-vật hay Duy-tâm ? » Chúng sanh được tiến đến trình-độ đó, thì thế-giới mới hết giặc cướp, vì vật ngã nhưt như, không phân biệt, bởi tâm tịnh, độ tịnh, tam-giới duy-tâm, vạn-pháp duy-thức.
- (148) Hằng-hà : Trường A-Hàm kinh nói : Phía đông ao A-Mâu-Đạt, có sông Hằng-già. Sách Huyền-Tráng ký nói : Gà Canga (Gange), sách Tây-vực ký chép : Căng (kinh) gahà, cựu dịch là : Hằng-Già-hà, dịch nghĩa : Thiên-duơng-lai, là vị nguyên đầu, từ cao đảnh núi lại.
- (149) Vào định Nhưt-quang : Tu pháp thiền-định đây, là cầu cho được sáng suốt để duy-trì pháp của Phật. Truyện chép : Ngài Võ-Trước tu định nhưt-quang, giữ đúng như lời mà tu học, liền đắc-định ấy về sau, với trước kia những chỗ chưa hiểu rõ đều thông suốt, vì chỗ thấy nghe đều nhớ không quên. Đương thời chúng nhơn Tôn-xung là « Thiên Bộ Luận-Chủ » : Ông chủ làm ra ngàn bộ luận.

(150) Mười số lưu-thông : 1.- Văn-Thà Bát-Nhã kinh số ; 2.- Phật Di-Giáo kinh số ; 3.- Bát-Nhã Tâm kinh số ; 4.- Thọai-Ứng kinh số ; 5.- Tứ-thập nhị-chương kinh số ; 6.- Bất-tu-nghi pháp-môn kinh số ; 7.- Vô-lượng-nghĩa kinh số ; 8.- Phổ-Hiền quán kinh số ; 9.- A-Di-Đà kinh số ; 10.- Thủ-Lăng-Nghiêm kinh số. Đời bấy giờ ai cũng xưng là « Thập kinh số chủ ».

(151) Chẳng những số ức : Sách Kinh-Thi nói : « Thương chi tử tôn, kỳ lệ bất ức ». Nghĩa là : với con cháu của nhà Thương, chẳng thể dùng số ức để tính hết được, vì quá đông.

(152) Bảo-vương-luận : Chùa Thảo-đường, Ngài Phi-Tịch pháp-sư chép bộ niệm Phật Tam-muội Bảo-Vương-Luận.

(153) Long-Thor Vô-Tận : Huyện Long-Thor, Vương-Nhật-Hưu, chép văn Tịnh-Độ. Vô-Tận cư-sĩ là Trương-Thường-Anh, có chép văn cầu sanh Tịnh-Độ. Quan Thị-Lan là Vương-Cổ-Trực chép tập Tịnh-Độ quyết-nghi. Xứ Ngô-Quận, Sa-môn Đại-Hựu, chép tập Tịnh-Độ chỉ qui. Vô-Công cư-sĩ là Vương-Điền chép lục Tịnh-Độ tự-tín. Ngài Từ-Vân Sám-Chủ, hiệu Tuân-Thức chép bộ Tịnh-Độ lược truyện.

(154) Kế kinh lộ tu hành : Ngài Thiện-Đạo Hòa-Thượng làm bài kệ rằng :

Tiệm tiệm kê bì hạt phát : Dần dần da nhẵn tóc bạc ;
Khan khan hành bộ lung chung : Xiềng xiềng gối dùng bước giạt ;
Giả nhiều kim ngọc mãn đường : Vì dầu vàng ngọc đầy nhà ;
Khởi miễn suy tàn bệnh khổ : Đau khỏi ốm đau hành xác !
Nhậm thị thiên ban khoái-lạc : Dầu cho ngàn thức sướng vui ;
Vô-thường chung thì đáo lai : Rốt cũng trăm năm thấm-thoát !
Duy hữu cảnh lộ tu hành : Chỉ có nẻo tắt dễ tu ;
Đản niệm A-Di-Đà Phật : Niệm Phật sanh về (Tịnh-Độ)
Cực-lạc.

(155) Thần thê An-Dương : Đức Vinh-Minh-Thọ Thiền-Sư chép bài « Phú Thần-thê An-Dương » (một tên nước của Cực-Lạc quốc).

(156) *Tịnh-Độ thị* : Đời Tống Nguyên có Ngài Trung-Phong-Bồn Thiên-Sư đời Nguyên « Minh » ngài Tây Trai Sở Thạch-Kỳ Thiên-sư v.v... đều làm thi đề vịnh pháp Tịnh-Độ.

(157) *Quan Thái-thủ Đoàn-Công* làm bài kệ đề khen rằng :

Ngã sư nhứt niệm đăng sơ địa,
Phật quốc sanh ca lưỡng độ lai,
Duy hữu môn tiền cồ hộc thụ,
Chi đề chỉ vị quấy kim đài.

Đại ý rằng : Thầy ta tu niệm Phật được nhứt tâm bất loạn lên bậc Sơ-địa ; nước Phật đem nhẹ đến đón đã hai lần. Duy có trước ngõ cây hòe xưa ; cảnh thấp bởi vì ngại đài vàng.

(158) *Đại-Lịch năm thứ chín* : Đời nhà Nguyên chỉ có Thiên-Lịch, chứ không có Đại-Lịch, mà đến cả đời Minh, cũng chẳng thấy có Đại-Lịch mà là niên hiệu Đường Đại-Tôn.

(159) *Nhục thân không hoại* : Tu pháp niệm Phật mà được đến cái bậc này, chẳng những về lý là tâm-tịnh, độ-tịnh mà thôi, mà luôn cả sự thân tâm thanh-tịnh nữa, tức là « Lục-căn tịnh-vị » đấy. Thanh-tịnh cả thân-tâm rồi, tự-nhiên không hoại, là không hơi thúi, không rứt-rã, mà nếu để lâu mãi thì thân nó khô cứng như thân búp-bế. Ở Bắc-Việt đã có hai vị Tăng xưa, còn lưu thân lại thờ tại chùa. Đức Minh-Mạng có làm thơ kính phụng, đến nay vẫn còn. Bên Tàu có Đức Lục-Tồ Di-thê cũng còn đến nay. Trái lại, về vật chất là đã chẳng còn đầy đủ tinh-khí cổ kết, về tâm thần lại không có giới-hướng huệ-mạng để kết-tinh, thì tất nhiên phải thúi, rã, vì thân-tâm ô-nhiễm.

(160) *Niên hiệu Thiên-Giám* : Là Hoàng-hiệu của Lương-Võ-Đế ; kỷ niên ấy trong khoảng năm Nhâm-ngũ, đến năm Bính-thân, tức Dương-lịch là từ năm 502 -- 516.

(161) *Cầm cây gậy tích* : Nhà Tăng đi gọi là Phi-tích ; nhà sư trụ lại gọi trúc-tích hay là quấy-tích, (tích-trượng). Sách nói : Phi-tích, Quấy-tích nãi tăng-nhơn chi hành chí... (Phi-tích là khi đi khát thực cầm đi ; Quấy tích là khi về tịnh-xá thì cặm lại nơi bàn tọa).

(162) Thoạt vậy mà tịch : Gọi đủ là Tịch-diệt : Vắng dứt, là dứt diệt hết vọng hoặc phiền não, tâm được vắng lặng. Tịch-diệt là dịch nghĩa tiếng Niết-Bàn (Nirvana) : Thề nó phẳng lặng là tất cả tướng hữu-vi, nên nói Tịch-diệt. Sách nói Hòa-Thượng tử, viết : Tịch, là do điền Niết-Bàn, nghĩa là cầu cho được tiến đến cảnh-giới : Hoặc tập, chương tậ, danh « Tịch ».

(163) Sáu thời niệm Phật : Ngày 3 giờ, đêm 3 giờ, cộng chung là 6 giờ ; Ngày 3 giờ là : Rạng mai, giữa ngày, mặt nhật lặn. Đêm 3 giờ là : Đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm. Sách Tây-vực ký nói : Sáu thời hợp thành một ngày một đêm : Ngày 3 thời, đêm 3 thời.

(164) Tông thuyết gồm thông : Tu thiền môn tự ngộ triết-đề là tâm thông ; thuyết-pháp tự-tại là thuyết thông. Tông là pháp-tánh ; thuyết là pháp-tướng. Tánh, Tướng đều thông làm vị Đại-Tông sư. Tồ-Đình sư uyên cuốn bảy, dẫn lời Ngài Thanh-Lương nói : Tông thông là tự tu hành ; Thuyết thông là khai thị cho chúng chưa ngộ. Kinh Lăng-Già cuốn 3 Phật bảo : Ngài Đại-Huệ : Tất cả các Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát đều có hai môn thông-tướng : Tông-thông, Thuyết-thông. Lời đồng chú-giải : Tông là gốc của đạo, Thuyết là dấu của giáo, sách Chứng đạo ca nói : Tông thông, thuyết cũng thông, định huệ tròn sáng chẳng chấp không.

Non Khuôn-Lư : là Thảo-lư của ông Khuôn ; hoặc gọi là Lư-Sơn : núi cỏ am tranh, tại tỉnh Chiết-Giang, trên núi có chùa Đông-Lâm, do Quan Thứ-Sử là Hoàn-Y kiến-trúc, rước Ngài Huệ-Viễn trụ-trì đó. Kể có các ăn-si như : Lưu-Di-Dân, Lô-Thứ-Tôn, và các Sa-môn cả hàng nghìn, kẻ Tăng người Tục cùng về ở đó. Huệ-Viễn tồ-chức hội Bạch-Liên-Xã, hội-viên có 123 người cả « Try » lẫn « Tổ » đồng tu : Đối trước tượng Phật Vô-Lượng-Thọ, tu sáu thời niệm Phật trong mỗi ngày đêm. Huệ-Viễn ở luôn trong núi một trường kỳ cấm túc suốt hơn 30 năm. Đã hai lần được Đức Di-Đà hiện thân cho thấy và ma đánh chúng dẫn. Đến năm Hoàng-hiệu Nghĩa-Hi thứ 12 (Bính-thìn 416) của Đông-Tấn An-Đế (397 — 418) Ngài Huệ-Viễn-tịch, thọ được 83 tuổi. (« Try » là kẻ Tăng, « Tổ » người thế tục).

(165) Gạch chữ thập đề ghi nhớ : Ngài Tràn-Lô-Trách, mỗi ngày cùng chúng hội niệm Phật không luận là niệm được số ngàn

hay muốn gì, mà đến chiều bữa nào cũng vậy, chỉ ghi bằng số chữ thập thôi ; nghĩa là ngày nay tu niệm Phật chắc được đúng mười phần, là ý nói ngày nào cũng cố gắng tinh-tấn không cho một chút tí ti dãi dãi !

(166) Các ngài : 1.- Đời Minh (Từ Minh-hồng-Vô... đến Sùng-Trinh là năm Mậu-Thân, 1368... đến năm Quý-Mùi, 1643). Ngài Không-Cốc-Long Thiền-sư có chép ra sách Không-Cốc tập ; 2.- Ngài Đốc-Phong-Thiện Thiền-sư chép sách Ngũ-Lục ; 3.- Ngài Thiện-Kỳ... Thiền-sư hiệu Quỳnh-Tuyết lão-nhơn, chép sách Quỳnh-Tuyết tập. Đều tán-dương pháp trì-danh niệm Phật của kinh A-Di-Đà.

(167) Trương-Sĩ-Thành : Người đất Thái-Châu, chuyên nghề chõ muối, sau khởi binh chiếm Thái-Châu..., xưng Thành-Vương, hiệu nước là Đại-Châu.

(168) Tướng ác hiện ra : Ông Thiện-Hòa-Trương khi sống làm nghề giết trâu bò đến lúc sắp thở hơi cuối cùng, ông tự thấy bầy súc-sanh ấy đến đòi thường mạng. Bầy trâu bò ấy là tướng ác hiện ra... Như kẻ làm hàng heo lúc sắp chết, cứ nằm thông đầu xuống giường la tiếng như heo hét, hộc máu ra, đó là tướng ác hiện đấy.

Như người quá u tham dâm hiếu sắc, khi gần chết, nó tự thấy nhiều mỹ-nữ đến môn-trốn rủ đi, đó là tướng ác hiện đấy.

Nói tóm : bất luận bình sanh làm nghề nghiệp hoặc thiện hay ác gì, đến lúc sắp chết, đều có hiện cái tướng của mình đã làm ấy ra trước mắt để dẫn thần thức đi đến chịu cái kết quả của mình đã tạo nhơn từ trước, gọi bằng (Tiền nhơn hậu quả).

(169) Bài kệ khen con Sáo :

Hữu nhứt linh cảm biệt biệt nhi,
Giải tông Tăng khải niệm A-Di,
Lập vong lung bố hồn nhàn sự,
Hóa tử liên-hoa dã thái kỳ.

NGHĨA : Có một con chim tên biệt biệt nhi (tên riêng của sáo)
Nó nghe thầy dạy niệm A-Di
Chim lồng giam hãm không làm lạ
Đứng chết... mọc sen thể mới kỳ ? ...

(170) Hai chữ « Tối-linh » cũng như « Tối-thiện ». Linh : khôn-thiêng, nghĩa là biết xấu biết hổ với điều ái-ân... nên nói : Khôn-thiêng hơn vạn vật. Vì với điều giao-cấu, chúng nó đâu biết xấu hổ là gì ? Thầy Mạnh đã phân : Với việc âm thực và nam-nữ (cái, đực với nhau) thì con người cũng không khác gì với cầm-thú. Với việc « không khác gì mấy là chỉ có sự không loạn-luân và biết xấu hổ đấy thôi. — Tối-thiện : Rất khéo-khôn, là biết tở-chức, chế-tạo, học-vấn... nhất là biết đạo-đức hành thiện, nên nói : khôn khéo hơn vạn-vật, bởi vạn-vật nó đâu có biết đạo-đức làm lành là gì ? Chỉ biết đối thì kiếm ăn, khát thì kiếm uống, ức-độ thì kiếm (cái, đực) với nhau thôi ; vì vậy mà cũng biết tự muốn cho được phần hơn, thành thử cấu-xé lẫn nhau đủ điều tàn-ác. Điều ấy đối với loài người thì không như thế. Mà nếu như thế thì chưa phải là « Tối-linh, Tối-thiện ». Bởi : « Nếu thú tâm yên khả trách ! Người nay hình vẫn là người, mà lòng thú đâu xét được ». Người như thế : 1) Hoặc người ấy là ở trong dị-loại mới sanh lại loài người. Nên thú tâm chưa sáng-suốt. 2) Hoặc người ấy là loài người mà sắp đọa vào trong dị-loại, nên hình vẫn còn tương-tợ như loài người, mà lòng thú đã gây nên, với hai hạng này chưa phải là bậc người Tối-linh, Tối-thiện. Vì không toàn nhơn-cách, như Đạo Nho nói : Tam-cang, Ngũ-thường. Còn Đạo-Phật nói : Tam-qui, Ngũ-giới, mới toàn nhơn-đạo. Mới gọi là người Tối-linh, Tối-thiện vậy.

(171) Châu sao Bắc-Đầu ; Sách Luận-ngữ nói : Làm việc chánh-trị bằng nhơn-đức (thì được lòng dân đều qui-thuận). Tỷ như sao Bắc-Đầu day ở đâu thì các tinh-tú kia cũng đều châu-hầu quanh theo đến đó. Luận rằng : Làm việc chánh-trị có người nghị-rằng ; Cầm binh ra trận đánh Đông dẹp Bắc, giành nước hay cướp nước mới phải là chánh-trị. Mà trái lại, chánh-trị là những việc sắp đặt và thi-hành để sửa chữa của một nước bất-luận ở trong trường hợp nào cũng đều có chánh-trị của trường-hợp ấy cả. Như Quốc-gia có chánh-trị của Quốc-gia ; Tôn-giáo có chánh-trị của Tôn-giáo, cho đến kẻ làm ruộng, người đi buôn v.v...

Đức Không-Tử đã nói : Chánh tâm tu thân, tề-gia, trị-quốc và bình-thiên-hạ, đều là việc chánh-trị vậy.

(172) Thạch-Trụ : Cột đá. Dùng nghĩa rằng : Với Phật-pháp gia-phong, chống đỡ vững chắc. Tông-môn : Vốn các Tông đều xưng

là Tông-môn ; về sau Thiền-Tôn tự-hào là Tông-môn. còn bảo các Tông khác gọi là giáo-môn, kinh Lăng-Già nói : Phật nói tâm làm tông, vô-môn làm pháp-môn.

(173) Bực thượng-thượng phẩm : (Xem ở số 184).

(174) Danh nêu liên cảnh : Đời Tống Ngài Tông-Bồn, người Huyện Vô-Tích, Phủ Thường-Châu, Tỉnh Giang-Tô. Trước đến tham học nơi Ngài Thiên-Y-Hoài Thiền-sư... tu niệm Phật có tinh-ngộ, sau đến ở chùa Tịnh-Từ, có Ngài Lôi-Phong-Tài Pháp-sư, thần thức dạo qua cảnh Tịnh-độ, thấy có một hoa sen rất tươi tốt, rồi hỏi ; thì có người trả lời rằng : Hoa sen ấy chờ đợi Ngài Tông-Bồn thiền-sư ở chùa Tịnh-Từ sẽ vãng-sanh về đây.

Lại, ông Tư-Phước Hy-Công thân đến chùa Huệ-Lâm, lạy dưới chơn của Ngài Tông Bồn, cúng tiền vàng rồi đi, có người hỏi có gì ? thì đáp rằng : Trong khi thiền-định tôi thấy có hoa sen vàng, hỏi ra thì người ta cho biết rằng : Chờ đợi Ngài Tông-Bồn thiền-sư.

Số là thiền-sư dù ở Tông-môn (thiền-môn) mà kiêm tu niệm Phật ; đến lâm chung bằng cách ngồi nhập-định. Được nhà vua phong tặng hiệu là Viên-Chiếu.

(175) Hoa sen mọc trong giường : Ông Tăng-Duyệt theo thụ-giáo với Ngài La-Thập pháp-sư, để học kinh-nghĩa ; sau dự vào hội Lô-Sơn Liên-Xã. Đời Tống Hoàng-hiệu Nguyên-Gia năm thứ 16 (Kỷ-Mão, Tống-Văn-Đế ; 439) thoát nhiên Ngài bảo chúng rằng : Ta sắp vãng-sanh đây ! Day mặt về phương Tây chấp tay, ngồi tịch. Chúng thấy trước sàn ông Duyệt, mọc lên một bông sen vàng, bông chốc rồi biến mất. Có một luồng khói thơm 5 màu từ trong phòng của Ngài bay ra.

(176) Ngài Tứ-Minh : Sách Chỉ-yếu-sao tường giải, cuốn thứ nhất chép Tứ-Minh là tên một quả núi ở phía Nam Phủ Khánh-Nguơn, Tỉnh Chiết-Giang, Ninh-Ba, có cả 280 chót, trong đó có một chót cao hơn hết, lúc cảnh trời trong lặng, trông lên thấy hình như có cửa sổ bằng đá, nghĩa là bốn bên đều thông qua 4 ánh sáng của nhật-nguyệt tinh thần, nên gọi núi Tứ Minh. Mở rộng chánh nghĩa của Thiền-Thai Tôn, nên gọi Tứ-Minh Tôn-Giả.

(177) Ngài Linh-Chi : Chùa Linh-Chi tại đất Hoàng-Châu, Ngài Nguơn-Chiếu, tự là Trạm-Nhiên, ban sơ y-chỉ nơi Ngài Đông-Tàng Huệ-Giám luật-sư, để chuyên học bộ Tỳ-nỳ ; sau theo Ngài Thần-Ngộ Thiền-sư, để giảng giáo-quán của Thiên-Thai Tông ; lại theo Ngài Tài-Pháp Phật chùa Quảng-Từ, để thụ Bồ-Tát giới, rộng xét luật Tông của Ngài Nam-Sơn Đạo-Tuyên, mà chăm ý về tịnh-nghiệp, thường nói : sống thì hoàng truyền tạng luật, chết về nước An-Dưỡng. Bình sanh ta sở đắc, chỉ có hai pháp môn đó thôi. Ngài trụ-trì chùa Linh-Chi được 30 năm, đến Tống-Huy-Tôn, hiệu Chánh-Hòa năm thứ 6 (Bính-Thân, 216) tháng chín, ngày mồng 1 Ngài tịch, thọ được 69 tuổi. Thụy là Đại-Trí.

(178) Ngài Thanh-Chiếu : Đời Tống, Ngài Huệ-Hạnh, trụ nơi Huyện Vũ-An Hà-nam Hà-bắc đạo, xưng là Thanh-Chiếu luật-sư. BUDI đầu năm Diên-Thọ, theo y-chỉ nơi Ngài Linh-Chi, để tiếp học tạng luật, chuyên tu pháp Tịnh-độ 60 năm, lúc lâm-chung, nhóm chúng niệm Phật, Ngài nói bài kệ rằng :

Di-Đà khẩu khẩu tụng.
Bạch-hào niệm niệm tường.
Trì thủ bất thoái tâm.
Quyết định sanh An-Dưỡng.

DỊCH :
« Hiệu Di-Đà miệng ta thường tụng,
Ánh bạch hào trong bụng tường luôn,
Tâm in tưởng chẳng buông, chẳng thoái,
Cõi Phật ta thượng bồi thượng sanh ».

(179) Cửu-Lưu : Hán thư nghệ văn chí : 1.- Nho-lưu : Phụng sự lễ âm-dương của thiên-địa, thuật lại hóa đạo của Đường, Ngu, Châu, Khổng. 2.- Đạo-lưu : Nuôi tinh-thần, giữ yếu thấp mình, hiện cái sống dai thông thả. 3.- Âm-dương lưu : Xem tượng trời, chép lịch sách, để nhơn dân biết ngày giờ mùa tiết. 4.- Pháp-lưu : Minh điều thường phạt, để thuận theo lễ chế. 5.- Danh-lưu : Chánh danh liệt vị quan thuận sự thành. 6.- Mặc-lưu : Thanh-sạch tôn miếu, kính nuôi trẻ già. 7.- Tung-hoành : Hiệp Nam, Bắc là Tung ; liên Đông, Tây là Hoành. Đời Chiến-Quốc, có nhà tung-hoành nói : Ông Tồ-Tần liên-kết 6 nước để chống Tần là Tung ; ông Trương-Nghi thuyết 6 nước để phụng-sự Tần là Hoành. Đời sau có các nhà biện-sĩ ngoại-

giao, cũng là hạng ấy. 8.- Tập-lưu : Kiềm cả lời nhà Nho nhà Mặc, hàm có thuyết của Danh và Pháp, sự gì cũng biết. 9.- Nông-lưu : Khuyến-khích ruộng rẫy, bày của cải để trồng lúa. Cả các giới ấy đều có người tu niệm Phật.

- (180) Văn-Lộ-Công : Đời Tống Văn-ngạn-Bác, tự Ngoan-Phu, ở Giới-Hưu tỉnh Sơn-Tây. Triều vua Nhơn-Tôn ông thi đậu Tiến-sĩ. Làm quan trải bốn triều vua (Nhơn-Tôn, Anh-Tôn, Thần-Tôn và Triết-Tôn ; từ năm 1023 đến 1099) ; nào ra tướng vũ, nào vào tướng văn hơn 50 năm, khi nghỉ làm việc. « chức Thái-sư, 92 tuổi qua đời » chỉ kết duyên với bạn đồng tu và vãng-sanh. Được phong Lộ-quốc-Công, Thụy là Trung-Liệt, cũng xưng là Văn-Lộ-Công.

Đời Tống, Tô-Thúc tự là Tử-Chiêm, hiệu là Đông-Pha Cư-Sĩ làm quan đến chức Nội-Hàn, Thụy là Văn-trung, sau qui-y Tam-Bảo, làm đệ-tử ngài Tông thiền-sư chùa Đông-Lâm, thường giao-du với Phật-Ấn thiền-sư.

- (181) Các-Tế-Chi : Người ở huyện Câu-Dung tỉnh Giang-Tô, ông là con nhà giòng dõi thờ học Đạo Tiên. Vợ là Kỳ-Thị, riêng mình tinh thành niệm Phật. Năm Nguơn-Gia thứ 3 (Bính-Dần 426) bà mới lên bàn dệt, bỗng thấy giữa trên không sáng rõ giữa mặt ngó lên không, thấy phương Tây có Phật hiện-thân, bầu-cái tràng-phan, ánh che da trời, bà mừng rỡ nghĩ rằng : trong Kinh nói : « Đức Phật Vô-Lượng-Thọ » chắc là đây chăng ? sắp mặt lạy Phật. Ông Tế lấy làm kinh lạ. Đến coi, bà chỉ chỗ Phật hiện, ông Tế cũng thấy được nửa thân Phật, giây phút rồi mới ẩn, có mây lành năm màu, cỏ xóm đều trông thấy. Thẽ rồi ông Tế thôi luyện Đạo Tiên, mà chăm tu niệm Phật.

- (182) Đốt kinh Tiên, tu kinh Phật : Đời Hậu-Nguy ông Đàm-Loan, tánh ưa pháp trường-sanh, chịu học nơi ông Lão-sư là Đào-ân-Quan truyền cho 10 cuốn kinh Tiên. Sau gặp Ngài Bồ-Đề Lưu-Chi hỏi rằng : Đạo Phật có phép thuật sống dai chẳng chết không ? Hà ; ... Hà ! ? Trường sanh bắt từ chính của Đạo Phật đó. Rồi trao cho cuốn kinh Thập-Lục-Quán, và dặn rằng : Ngài học kinh đây thì không sanh trở lại trong 3 cõi nữa, cũng khỏi luân-hồi trong lục Đạo ; sẽ sống lâu nhiều kiếp, dù hà sa, kiếp thạch, cũng không thể sánh ví được ! Đó, trường-sanh,

của họ Kim-Tiên ta, Ông Loan rất mừng, liền đốt hết 10 cuốn kinh Tiên, chỉ lo tu 16 pháp quán, khi lâm-chung dặn đệ-tử xong, ngồi tịch !

(183) Kỳ-Bá Huỳnh-Đế : Ông Kỳ-Bá và Hiền-Viên Hoàng-Đế cùng vấn đáp với nhau, rồi chép làm các sách nội-kinh, mà làm Tồ-sư nhà Đông-y (tổ thầy thuốc).

(184) Diêm-Vương kính lạy : Sau khi Ngài Vĩnh-Minh-Thọ thiền-sư tịch, có một nhà sư từ đất Lâm-An phủ, tỉnh Chiết-Giang đến hằng ngày đi nhiều nơi ngôi tháp của thiền-sư, đã trải năm người hỏi có gì ? thì sư đáp rằng : Trong lúc đau quá nặng, thần-thức của tôi vào chốn Minh-Phủ, thấy nơi điện của Diêm-Vương, phía tả có thờ bức tượng của Đức Thiền-sư, mà Vua thường ân-cần kính lạy, tôi lên hỏi ra, thì người ta đáp rằng : Đây là Đức Thiền-sư chùa Vĩnh-Minh ở đất Hàng-Châu, phạm là người ta hễ lúc chết thì ai cũng đều trải qua chốn này ; mà duy có Đức Thiền-sư ấy, lúc lâm-chung lại trực-chỉ về Tịnh-Độ thượng phẩm thượng sanh, thành thử đức Diêm-Chúa Ngài quý trọng công-đức tu niệm Phật quá cao, phải thiết tượng ngài để kính lạy và kỷ-niệm đó.

(185) Quỷ La-Sát hỏi tâm : Kinh nói : Xưa có một thôn-quê nọ, bị cái nạn luân phiên đem con nọp cho quỷ La-Sát ăn... thịt, đến phiên của một người con của nhà có uy-tín với ngôi Tam-Bảo. Khi phải đi nọp mình, nhưng cứ nhứt tâm niệm Phật. Quỷ ấy không dám ăn, và hỏi tâm thôi ăn thịt người. Nhon đó người nọp mạng kia được trở về nhà.

(186) Đức Văn-Thù cầu sanh, Đức Phổ-Hiền nguyện vãng :
(Xem ở số (74) trước kia đã có dẫn).

(187) Không nghi bói làm gì : 1.- Kinh dịch nói : « Trước phải nghĩ xét rồi sẽ nói sau ; cùng bàn luận trước, nhiên hậu sẽ làm ; nghĩ và bàn, là để cho công chuyện làm được thành-tựu xong xuôi. 2.- Thuở nhà Đường vua Thái-Tôn lúc mà còn làm Tần-Vương, cùng ganh tỵ nhau với Thái-tử Kiến-Thành, muốn cử binh mã đi chinh phục, mà còn chùng nhon thì bàn rằng : e chẳng thắng-lợi. Tần-Vương bảo bói thử coi. Ông Trương-Công lấy cái mai rùa liệng xuống đất và nói rằng : Với việc bói qu'

là để giải-quyết điều nghi ngờ, thế mà đã chẳng có nghi gì thì bói làm chi ? Ý nghĩa là : « Đối với pháp tu ». Trì danh niệm Phật có hai nghĩa quyết-định rằng : 1.- Với tâm ta, ta niệm Phật là để kêu thúc-tấn Phật của tự-tánh Di-Đà của ta thường được tỉnh giác. 2.- Với cảnh Phật, ta niệm Phật là để kêu van Đức Phật A-Di-Đà đã có đại nguyện hứa hẹn giúp ta. Vậy tu pháp Trì-danh vừa là tự Phật, vừa là tha Phật, đủ sức, sức nào cũng toàn là Phật, tu hơn là Phật, kết quả cũng Phật, tỷ như trồng hơn là lúa, kết trái cũng lúa, chắc chắn như vậy, còn ngờ gì mà lưỡng-lự ? Cũng như, không nghi gì mà bói làm chi ?